



BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ CẤP HUYỆN
TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2020**

*"Hướng đến sự phát triển của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng điều hành của các sở,
ban, ngành, địa phương"*

**DDCI
ĐẮK NÔNG
2020**

Tháng 12 năm 2020

DDCI ĐẮK NÔNG

2020

Đánh giá năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và cấp huyện
tỉnh Đắk Nông năm 2020

LỜI NÓI ĐẦU

Báo cáo đánh giá năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và cấp huyện (DDCI) tỉnh Đắk Nông phản ánh chân thực tiếng nói của các doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh về môi trường đầu tư, kinh doanh và chất lượng điều hành của các đơn vị thuộc tỉnh. Báo cáo này được xây dựng lần đầu vào năm 2019, theo Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông, với sự tư vấn của Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Đà Nẵng (VCCI Đà Nẵng).

Năm 2020, VCCI Đà Nẵng tiếp tục được UBND tỉnh Đắk Nông lựa chọn làm đơn vị tư vấn triển khai DDCI. Tương tự năm 2019, báo cáo DDCI được xây dựng trên cơ sở phiếu khảo sát các ý kiến của doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh có hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn do Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông điều tra và độc lập với Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do VCCI công bố hàng năm.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ, hợp tác với tinh thần trách nhiệm cao và hiệu quả của lãnh đạo UBND tỉnh Đắk Nông và các cơ quan, đơn vị trong suốt quá trình xây dựng và hoàn thiện báo cáo. Xin chân thành cảm ơn các chuyên gia đã có những góp ý, bình luận để hoàn thiện báo cáo. Và để hoàn thành báo cáo này, không thể không nhắc đến sự tin tưởng và hợp tác của các doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh đã dành thời gian quý báu tham gia khảo sát và cung cấp những thông tin đầy đủ, trung thực và khách quan để chúng tôi xây dựng báo cáo DDCI Đắk Nông 2020. VCCI Đà Nẵng xin chân thành cảm ơn Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông đã phối hợp tốt với VCCI Đà Nẵng trong triển khai các hoạt động cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp được triển khai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong những năm qua.

Dù nhóm nghiên cứu có nhiều nỗ lực trong xây dựng báo cáo với cách làm khoa học, độc lập, khách quan nhưng do thời gian, nguồn lực có hạn, báo cáo chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được sự chia sẻ, phản hồi tích cực của tất cả các quý vị.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm Xã hội
BQL	Ban quản lý
CCHC	Cải cách hành chính
CSTP	Chỉ số thành phần
CPKCT	Chi phí không chính thức
DDCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và cấp huyện
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
GTVT	Giao thông Vận tải
HHDN	Hiệp hội doanh nghiệp
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KCN	Khu Công nghiệp
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ-TB & XH	Lao động - Thương binh và Xã hội
MTKD	Môi trường kinh doanh
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
TT&TT	Thông tin và truyền thông
TTHC	Thủ tục hành chính
QLTT	Quản lý thị trường
UBND	Ủy ban Nhân dân
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VH-TT&DL	Văn hóa- thể thao và du lịch
VP	Văn phòng

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1

Giới thiệu chung

Mở đầu **06**

Mục tiêu **07**

Bộ chỉ số DDCI 2020 và phương pháp tiến hành **08**

Đặc điểm DN/HTX/HKD tham gia khảo sát **16**

TÓM TẮT

01 DDCI Đắk Nông 2020 và phương pháp luận

02 Kết quả khảo sát DDCI Đắk Nông 2020

03 Tình hình kinh doanh của DN và tác động từ dịch Covid-19

03 Một số khuyến nghị và giải pháp



CHƯƠNG 2

Kết quả đánh giá chất lượng
điều hành



22 Tổng quan chung về kết quả
khảo sát DDCI Đắk Nông 2020

23 Kết quả khảo sát các sở, ban, ngành

41 Kết quả khảo sát cấp huyện

PHỤ LỤC

71 Kết quả đánh giá DDCI Đắk Nông 2020

90 Mẫu phiếu khảo sát

CHƯƠNG 3

Một số giải pháp, khuyến nghị
nhằm hỗ trợ DN và
cải thiện MTKD



Tình hình DN/HTX/HKD tham gia
khảo sát và tác động của dịch bệnh **54**

Một số khuyến nghị nhằm cải thiện
MTKD và hỗ trợ DN **60**

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Phân loại đối tượng khảo sát.....	17
Hình 2: Chức vụ người trả lời khảo sát.....	17
Hình 3: Số lao động đăng ký.....	18
Hình 4: Số vốn đăng ký.....	18
Hình 5: Lĩnh vực kinh doanh của DN.....	19
Hình 6: Điểm tổng hợp DDCI các sở, ban, ngành và cấp huyện.....	22
Hình 7: Trung vị điểm số các sở, ban, ngành và cấp huyện.....	23
Hình 8: Trung vị điểm số CSTP các sở, ban, ngành.....	24
Hình 9: Điểm tổng hợp DDCI các sở, ban, ngành.....	24
Hình 10: Trung vị điểm số CSTP các sở, ban, ngành năm 2020 so với 2019.....	28
Hình 11: Điểm số tăng/giảm của mỗi sở, ban, ngành năm 2020 so với 2019.....	28
Hình 12: Khoảng cách điểm số đơn vị đứng đầu/cuối năm 2020 so với 2019.....	29
Hình 13: Biểu đồ hoạt động của từng đơn vị theo CSTP các sở, ban, ngành.....	30
Hình 14: CSTP Tính minh bạch các sở, ban, ngành.....	33
Hình 15: CSTP Tính năng động các sở, ban, ngành.....	34
Hình 16: CSTP Chi phí thời gian các sở, ban, ngành.....	35
Hình 17: CSTP CPKCT các sở, ban, ngành.....	36
Hình 18: CSTP Cạnh tranh bình đẳng các sở, ban, ngành.....	37
Hình 19: CSTP Hỗ trợ DN các sở, ban, ngành.....	38
Hình 20: CSTP Thiết chế pháp lý các sở, ban, ngành.....	39
Hình 21: CSTP Vai trò người đứng đầu các sở, ban, ngành.....	40
Hình 22: Trung vị điểm số CSTP cấp huyện.....	41
Hình 23: Điểm tổng hợp DDCI cấp huyện.....	41
Hình 24: Biểu đồ hoạt động từng đơn vị theo CSTP cấp huyện năm 2020.....	44
Hình 25: CSTP Tính minh bạch cấp huyện.....	46
Hình 26: CSTP Tính năng động cấp huyện.....	47
Hình 27: CSTP Chi phí thời gian cấp huyện.....	47
Hình 28: CSTP CPKCT cấp huyện.....	48
Hình 29: CSTP Cạnh tranh bình đẳng cấp huyện.....	49
Hình 30: CSTP Hỗ trợ DN cấp huyện.....	50
Hình 31: CSTP Thiết chế pháp lý cấp huyện.....	50
Hình 32: CSTP Vai trò người đứng đầu cấp huyện.....	51
Hình 33: Tình hình kinh doanh của DN.....	54
Hình 34: Tỷ lệ DN báo lỗ theo từng lĩnh vực.....	55
Hình 35: Kế hoạch kinh doanh trong hai năm tiếp theo.....	55

Hình 36: Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến DN.....	57
Hình 37: Tính kịp thời của các chính sách hỗ trợ DN.....	58
Hình 38: Đánh giá về triển khai chính sách.....	58
Hình 39: Đánh giá tác động của các giải pháp hỗ trợ.....	59
Hình 40: Nhu cầu hỗ trợ của DN.....	60
Hình 41: Trang web về các chương trình hỗ trợ DN của VCCI.....	62

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Đối tượng được đánh giá.....	9
Bảng 2: Chi tiết các tiêu chí đánh giá.....	10
Bảng 3: Trọng số đánh giá.....	12
Bảng 4: Mẫu khảo sát.....	14
Bảng 5: Tỷ lệ đơn vị thực hiện khảo sát so với số lượng tiếp cận.....	14
Bảng 6: Số lượng ý kiến đánh giá.....	16

TÓM TẮT

1. DDCI Đắc Nông 2020 và phương pháp luận

➤ Năm 2020 là năm thứ 2 tỉnh Đắk Nông thực hiện bộ đánh giá DDCI. Trong năm 2020, số lượng đơn vị được đánh giá tăng thêm 3 đơn vị ở nhóm sở, ban, ngành. Tổng số đơn vị được đánh giá ở 2 nhóm là 27 đơn vị. Tổng số DN/HTX/HKD tham gia trả lời khảo sát là 516 đơn vị với 6.199 ý kiến đánh giá¹ đại diện cho tiếng nói chung của cộng đồng DN/HTX/HKD về chất lượng điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và cấp huyện tỉnh Đắk Nông.

➤ Chỉ số DDCI Đắc Nông 2020 đánh giá một đơn vị qua 8 CSTP, bao gồm (1) Tính minh bạch; (2) Tính năng động; (3) Chi phí thời gian; (4) CPKCT; (5) Cạnh tranh bình đẳng; (6) Hỗ trợ DN; (7) Thiết chế pháp lý và (8) Vai trò người đứng đầu.

➤ Chỉ số DDCI Đắc Nông 2020 được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm: (i) Thu thập thông tin thông qua khảo sát các DN/HTX/HKD trên địa bàn; (ii) Tính toán 8 CSTP và chuẩn hóa trên thang điểm 10 và (iii) Gán trọng số và tính điểm số DDCI tổng hợp gồm điểm của 8 CSTP trên thang điểm tối đa 100.

➤ DN/HTX/HKD tham gia khảo sát DDCI được chọn mẫu ngẫu nhiên nhằm đảm bảo tính khách quan, đại diện của cộng đồng DN tại tỉnh theo các tiêu chí: lĩnh vực kinh doanh, địa phương và thời gian hoạt động.

➤ DDCI Đắc Nông 2020 bổ sung, điều chỉnh 2 tiêu chí đánh giá. Cụ thể: Trong chỉ số Tính minh bạch, thay thế tiêu chí “*Sự hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng khi thực hiện các thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tới các sở, ban, ngành/địa phương*” bằng tiêu chí “*Thái độ của cán bộ khi cung cấp thông tin*”; trong chỉ số Chi phí thời gian, thay thế tiêu chí “*Mục đích chính của các cuộc thanh tra, kiểm tra*” bằng tiêu chí “*Đánh giá sự phối hợp, hợp tác giải quyết công việc DN của các đơn vị*”. Ngoài một số thay đổi ở tiêu chí ở 8 CSTP, để đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến cộng đồng DN/HTX/HKD tỉnh Đắk Nông, nhóm nghiên cứu bổ sung một số câu hỏi đánh giá mức độ ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến DN/HTX/HKD và tác động của các chính sách hỗ trợ DN/HTX/HKD ứng phó với dịch Covid-19.

¹ Mỗi DN có thể đánh giá nhiều sở, ban, ngành và cấp huyện khác nhau. Mỗi lần đánh giá 1 đơn vị được tính là 1 ý kiến. Ví dụ: DN A đánh giá Sở KH&ĐT; Cục Thuế tỉnh; BHXH tỉnh thì số lượng ý kiến đánh giá của DN A được tính là 3.

2. Kết quả khảo sát DDCI Đắc Nông 2020

Nhóm sở, ban, ngành

➤ Kết quả xếp hạng nhóm sở, ban, ngành năm 2020 cho thấy nỗ lực cải thiện của hầu hết các đơn vị. Điểm số trung vị của nhóm sở, ban, ngành trong năm 2020 có sự tăng điểm so với năm 2019. Cụ thể điểm số trung vị nhóm sở, ban, ngành trong năm 2020 là 63,96 điểm, tăng 7,96 điểm so với năm 2019 (56 điểm). Trong 8 CSTP của khảo sát DDCI Đắc Nông năm 2020, DN đánh giá khá cao chỉ số Chi phí thời gian (trung vị đạt 7,44 điểm). Điểm yếu của nhóm sở, ban, ngành là chỉ số Hỗ trợ DN - CSTP này thấp nhất trong 8 CSTP đánh giá nhóm sở, ban, ngành với trung vị ở mức 5,19 điểm.

➤ BHXH tỉnh là đơn vị có điểm số cao nhất trong cấp sở, ban, ngành với 71,06 điểm. Trong 8 CSTP được đánh giá, đơn vị này có 6/8 CSTP tăng điểm, cụ thể: Tính năng động (tăng 1,42 điểm), Chi phí thời gian (tăng 1,84 điểm), CPKCT (tăng 0,86 điểm), Hỗ trợ DN (tăng 0,54 điểm), Thiết chế pháp lý (tăng 3,06 điểm) và Vai trò người đứng đầu (2,00 điểm). BHXH tỉnh có 2/8 CSTP có điểm số cao nhất so với nhóm sở, ban, ngành là Tính minh bạch và Hỗ trợ DN.

➤ Các sở, ban, ngành có vị thứ xếp hạng cao: Xếp sau BHXH tỉnh lần lượt là Sở LD-TB&XH (70,34 điểm) và Sở KH&ĐT (69,72 điểm). Trên bình diện chung, Sở LD-TB&XH có 3/8 CSTP có điểm số cao trong với nhóm sở, ban, ngành là Tính năng động, CPKCT và Thiết chế pháp lý. Đối với Sở KH&ĐT, Vai trò người đứng đầu (7,28 điểm) và Tính minh bạch (7,48 điểm) là 2 chỉ số được DN đánh giá khá tốt.

Nhóm cấp huyện

➤ Điểm số DDCI tổng hợp nhóm cấp huyện năm 2020 dao động trong khoảng 52,23 điểm đến 66,17 điểm. Trung vị điểm số tổng hợp DDCI nhóm cấp huyện là 58,17 điểm. Trong 8 CSTP, chỉ số có trung vị cao nhất là Chi phí thời gian với 6,37 điểm; Tính minh bạch là CSTP có trung vị thấp nhất với 5,07 điểm. Khoảng cách từ chỉ số có mức trung vị cao nhất đến mức điểm tối đa (10 điểm) là 3,63 điểm, đối với chỉ số có mức trung vị thấp nhất là 4,93 điểm. Có thể thấy, dư địa cải thiện ở các chỉ số là khá rộng.

➤ Huyện Đắc R'Lấp là đơn vị đứng đầu nhóm cấp huyện với điểm số tổng hợp là 66,17 điểm. Đơn vị này có 2/8 CSTP có điểm số cao nhất trong nhóm cấp huyện là Tính minh bạch (7,01 điểm) và Chi phí thời gian (7,35 điểm).

➤ Các địa phương có vị thứ xếp hạng cao: TP Gia Nghĩa là đơn vị đứng thứ 2 với 65,74 điểm. Điểm mạnh của đơn vị nằm ở chỉ số Tính năng động và Cạnh tranh bình đẳng. Địa phương có điểm số tổng hợp DDCI cao thứ ba trong nhóm cấp huyện là huyện Cư Jút. Huyện Cư Jút có điểm số tổng hợp là 61,49 điểm, các CSTP dao động trong khoảng từ 5 đến 7 điểm. CSTP có điểm số cao so với các đơn vị khác là CPKCT; Hỗ trợ DN và Vai trò người đứng đầu.

3. Tình hình kinh doanh của DN và tác động của dịch bệnh Covid-19

➤ Năm 2020 là một năm đầy khó khăn trong hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DN Đắc Nông. Tỷ lệ DN báo lãi chút ít đã giảm từ 55% năm 2019 xuống chỉ còn 23% trong năm 2020; Tỷ lệ DN cho biết hoạt động kinh doanh năm 2020 có lãi như mong muốn đã giảm từ 8% xuống còn 2%; Tỷ lệ DN báo có thua lỗ lớn trong năm tăng từ 4% năm 2019 lên 5% năm 2020. Tỷ lệ DN cho rằng sẽ kinh doanh với quy mô hiện tại là 88%, tăng 36% so với năm 2019; Tỷ lệ DN cho biết có kế hoạch tăng quy mô kinh doanh giảm 31% chỉ còn 7% trong năm 2020. Phân tích cụ thể theo từng lĩnh vực, có thể thấy DN kinh doanh trong lĩnh vực nông-lâm nghiệp và thủy sản có tỷ lệ thua lỗ trong năm 2020 nhiều nhất với 40%; lĩnh vực xây dựng, bất động sản có tỷ lệ DN báo lỗ cao thứ hai với 29%.

➤ Tỷ lệ DN bị tác động tiêu cực bởi dịch Covid-19 như sau: Có 73% DN cho biết hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trong đó 59% bị ảnh hưởng một phần, 11% ảnh hưởng nghiêm trọng và 3% ảnh hưởng rất nghiêm trọng.

4. Một số khuyến nghị và giải pháp

Khuyến nghị giúp hỗ trợ và nâng cao năng lực cho DN

- Biên soạn và tăng cường phổ biến các chính sách hỗ trợ DN.
- Đẩy mạnh việc hoàn thiện cơ chế chính sách trong hợp tác công tư.
- Hỗ trợ cho DN mới thành lập.
- Rà soát các chính sách hỗ trợ DN để tối ưu hóa tác động của các chính sách đến hoạt động của DN.
- Hỗ trợ các DN trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng do tác động của dịch Covid-19.
- Hỗ trợ DN về lao động, BHXH, bảo hiểm thất nghiệp.

Khuyến nghị về cải thiện MTKD và chất lượng điều hành

➤ Thực hiện nghiêm túc văn bản số 4606/UBND-KTTH ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh về triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.

- Tối ưu hóa công tác thanh, kiểm tra DN và cơ quan nhà nước.
- Gắn kết việc thực hiện nhiệm vụ được giao với công tác đánh giá cán bộ.
- Tăng cường hiệu quả các chương trình đào tạo, hỗ trợ DN và đối thoại DN.
- Mô hình thực tiễn tốt.



Chương 1

Giới Thiệu Chung

1. Mở đầu

Trong thời gian gần đây, MTKD tại Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực nhờ vào những nỗ lực cải cách của Chính phủ, các bộ ngành và chính quyền các địa phương trên cả nước. Ở cấp Trung ương, Chính phủ đã nỗ lực cải cách TTHC và cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho DN. Kể từ năm 2014, Chính phủ định kỳ hàng năm ban hành các Nghị quyết về cải thiện MTKD, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia (như loạt Nghị quyết 19/NQ-CP từ năm 2014 và từ 2019 là Nghị quyết 02/NQ-CP), về hỗ trợ phát triển DN (Nghị quyết 35/NQ-CP năm 2016), về cắt giảm chi phí cho DN (Nghị quyết 139/NQ-CP năm 2018). Ở cấp địa phương, các tỉnh thành trên cả nước đã đề ra những kế hoạch hành động, giải pháp cụ thể để thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ. Ở Đắk Nông, để triển khai các Nghị quyết về cải thiện MTKD, nâng cao năng lực cạnh tranh, tỉnh đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch hành động, như Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2017; Kế hoạch số 87/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 28/02/2017 về cải thiện MTKD, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Đắk Nông năm 2017, định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện MTKD, nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2018 và những năm tiếp theo;... Năm 2020, nhằm triển khai nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ, tỉnh Đắk Nông đã ban hành Kế hoạch hành động số 47/KH-UBND ngày 21/01/2020. Kế hoạch số 47/KH-UBND nêu lên một số giải pháp và nhiệm vụ cần thực hiện, trong đó có hoạt động triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và cấp huyện.

Năm 2019 là năm đầu tiên tỉnh Đắk Nông thực hiện bộ chỉ số DDCI. Những dữ liệu, giải pháp được nêu trong báo cáo DCI² năm 2019 đã được UBND tỉnh cụ thể hóa qua văn bản số 4606/UBND-KTTH về triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh. Đây là dấu hiệu tích cực,

² Năm 2019, vì số lượng DN/HTX/HKD đánh giá nhóm cấp huyện tương đối ít, không đảm bảo về số lượng đánh giá tối thiểu đối với từng đơn vị, thời gian triển khai khảo sát phải hoàn thành trong năm 2019 nên UBND tỉnh Đắk Nông có văn bản số 6243/UBND-KTTH ngày 25/12/2019 đồng ý DDCI Đắk Nông năm 2019 chỉ tiến hành đánh giá, xếp hạng đối với nhóm sở, ban, ngành và không đánh giá, xếp hạng đối với nhóm cấp huyện.

thể hiện sự quan tâm của tỉnh đến tiếng nói của cộng đồng DN/HTX/HKD. Trong năm 2020, nhóm nghiên cứu hy vọng những dữ liệu trong báo cáo DDCI tiếp tục là nguồn thông tin hữu ích để các nhà hoạch định chính sách cũng như lãnh đạo các sở, ban, ngành/cấp huyện cân nhắc và hành động.

Bố cục Báo cáo DDCI Đắc Nông 2020 gồm 3 chương:

- Chương I giới thiệu thông tin chung về bộ chỉ số, phương pháp nghiên cứu, đặc điểm DN/HTX/HKD tham gia khảo sát.
- Chương II là kết quả khảo sát phân theo nhóm sở, ban, ngành và nhóm cấp huyện.
- Chương III nêu lên tình hình hoạt động của đối tượng tham gia khảo sát, ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động kinh doanh và một số khuyến nghị nhằm cải thiện MTKD, hỗ trợ DN.

2. Mục tiêu

Báo cáo DDCI Đắc Nông được thực hiện với mục tiêu chung là thúc đẩy, cải thiện MTKD và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

- Nâng cao hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh đến cấp sở, ban, ngành và cấp huyện. Rút ngắn khoảng cách từ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh đến thực thi ở cấp sở, ban, ngành và cấp huyện.
- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để nhà đầu tư, DN/HTX/HKD tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền các sở, ban, ngành, và cấp huyện. Trên cơ sở đó đánh giá công tác điều hành của các sở, ban, ngành và cấp huyện trong năm 2020.
- Tiếp tục tạo sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành và cấp huyện, từ đó tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết TTHC liên quan đến DN/HTX/HKD; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực.
- Cung cấp công cụ hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh. DDCI là công cụ giúp nắm bắt kịp thời và phản ánh đầy đủ, khách quan về hiện trạng MTKD tại tỉnh nhằm hỗ trợ công tác hoạch định và thực thi chính sách tại tỉnh.

➤ Xác định những điểm nghẽn trong công tác giải quyết TTHC, song cũng giúp nhận diện những mô hình hay, cách làm tốt để nhân rộng trên địa bàn của tỉnh.

3. Bộ chỉ số DDCI 2020 và phương pháp tiến hành

3.1. Bộ chỉ số DDCI 2020

➤ Những điều chỉnh, bổ sung

Sau khi công bố báo cáo DCI Đắc Nông 2019, nhóm nghiên cứu nhận được một số góp ý từ UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan đến đối tượng được đánh giá và các tiêu chí đánh giá. Dựa trên những ý kiến góp ý và tình hình thực tế tại tỉnh, trong năm 2020 nhóm nghiên cứu đề xuất bổ sung thêm đối tượng được đánh giá, đồng thời điều chỉnh, bổ sung một số tiêu chí trong bộ chỉ số. Chi tiết các điều chỉnh như sau:

✓ Đối tượng được đánh giá:

Trong năm 2020, tăng số lượng được đánh giá từ 24 đơn vị lên 27 đơn vị. Ba đơn vị được bổ sung vào danh sách đánh giá là Sở KH&CN, Sở VH-TT&DL, Cục QLTT. Các đơn vị này thuộc nhóm sở, ban, ngành.

✓ Tiêu chí đánh giá:

Qua quá trình triển khai DCI Đắc Nông vào năm 2019, nhằm đảm bảo tính phù hợp của các tiêu chí với tình hình thực tế ở địa phương, năm 2020 thay thế 02 tiêu chí, cụ thể: Trong chỉ số Tính minh bạch, thay thế tiêu chí “*Sự hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng khi thực hiện các thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tới các sở, ban, ngành/địa phương*” bằng tiêu chí “*Thái độ của cán bộ khi cung cấp thông tin*”; trong chỉ số Chi phí thời gian, thay thế tiêu chí “*Mục đích chính của các cuộc thanh tra, kiểm tra*” bằng tiêu chí “*Đánh giá sự phối hợp, hợp tác giải quyết công việc DN của các đơn vị*”.

✓ Câu hỏi mở rộng

Để đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến cộng đồng DN/HTX/HKD tỉnh Đắc Nông, nhóm nghiên cứu bổ sung một số câu hỏi đánh giá mức độ ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến DN/HTX/HKD và tác động của các chính sách hỗ trợ DN/HTX/HKD ứng phó với dịch Covid-19. Những dữ liệu thực tế này là nguồn thông tin hữu ích giúp nhóm nghiên cứu có thể đề xuất những giải pháp phù hợp để hỗ

trợ cộng đồng DN/HTX/HKD của tỉnh.

➤ Đối tượng được đánh giá:

Năm 2020 có 27 đơn vị được đánh giá và chia làm 2 nhóm:

Bảng 1: Đối tượng được đánh giá

STT	Nhóm 1: Sở, ban, ngành	Nhóm 2: Cấp huyện
1	Sở KH&ĐT	TP Gia Nghĩa
2	Sở TN&MT	Huyện Cư Jút
3	Sở Xây dựng	Huyện Đăk Mil
4	Sở Công thương	Huyện Đăk R'Lấp
5	Sở LĐ -TB &XH	Huyện Đăk Song
6	Sở NN&PTNT	Huyện K'Rông Nô
7	Sở TT&TT	Huyện Đăk G'long
8	Sở Tư pháp	Huyện Tuy Đức
9	Sở GTVT	
10	Sở Tài chính	
11	Công an Tỉnh	
12	VP UBND Tỉnh	
13	Thanh tra tỉnh	
14	BQL các KCN tỉnh	
15	Cục Thuế tỉnh	
16	BHXH tỉnh	
17	Sở KH&CN	
18	Sở VH-TT&DL	
19	Cục QLTT	

➤ Các CSTP và tiêu chí đánh giá:

Bộ chỉ số DDCI Đăk Nông 2020 gồm 8 CSTP là: (1) Tính minh bạch; (2) Tính năng động; (3) Chi phí thời gian; (4) CPKCT; (5) Cạnh tranh bình đẳng; (6) Hỗ trợ DN; (7) Thiết chế pháp lý và (8) Vai trò người đứng đầu. Mỗi CSTP có những tiêu chí đánh giá riêng. Chi tiết các tiêu chí đánh giá như bảng 2.

Bảng 2: Chi tiết các tiêu chí đánh giá**1. Tính minh bạch**

- 1.1. Khả năng tiếp cận thông tin của sở, ban, ngành.
- 1.2. Cần có mối quan hệ để có thể tiếp cận được tài liệu của sở, ban, ngành.
- 1.3. Mức độ đầy đủ, rõ ràng của nội dung thông tin trong quá trình giải quyết TTHC hoặc công việc có liên quan tới các đơn vị.
- 1.4. Thái độ của cán bộ khi cung cấp thông tin.
- 1.5. Mức độ sẵn sàng cung cấp thông tin, văn bản khi DN yêu cầu.
- 1.6. Mức độ truy cập vào Website của các sở, ban, ngành của DN.
- 1.7. Tính hữu ích của thông tin trên Website của các sở, ban, ngành với DN.

2. Tính năng động

- 2.1. Lãnh đạo các sở, ban, ngành linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi cho các DN.
- 2.2. Phản ứng của các sở, ban, ngành trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh.
- 2.3. Kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- 2.4. Chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn.
- 2.5. Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ của sở, ban, ngành khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên.

3. Chi phí thời gian

- 3.1. Số lần DN bị thanh tra, kiểm tra của sở, ban, ngành trong năm qua.
- 3.2. Sự trùng lặp nội dung các cuộc thanh tra, kiểm tra.
- 3.3. Sự tuân thủ nội dung thanh tra, kiểm tra theo Quyết định thanh tra, kiểm tra
- 3.4. Đánh giá sự phối hợp, hợp tác giải quyết công việc DN của các đơn vị.
- 3.5. Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ cho DN khi giải quyết công việc.
- 3.6. Mức độ tuân thủ đúng quy định về thời gian khi giải quyết TTHC.
- 3.7. DN không cần phải đi lại nhiều lần để hoàn tất các TTHC liên quan.

4. CPKCT

- 4.1. Tỷ lệ % DN có trả CPKCT.
- 4.2. Hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành.
- 4.3. Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được.
- 4.4. Công việc không đạt kết quả nếu không chi trả CPKCT.
- 4.5. Sự giảm bớt về CPKCT mà DN phải chi trả.

5. Cạnh tranh bình đẳng

- 5.1. Tồn tại các DN sân sau và DN thân hữu.
- 5.2. Có sự ưu ái trong việc tiếp cận các nguồn lực nhà nước (bao gồm: đất đai, tài chính và đấu thầu) cho DN sân sau và DN thân hữu .
- 5.3. Sự ưu ái dành cho các DN lớn hơn DNNVV trong việc tiếp cận thông tin.
- 5.4. Sự ưu tiên các DN lớn hơn DNNVV trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC.
- 5.5. Các DN lớn được nhiều cơ chế ưu đãi hơn so với DNNVV.
- 5.6. Sự ưu ái gây khó khăn cho DN.
- 5.7. Mức độ quan tâm của sở, ban, ngành tới DNNVV.

6. Hỗ trợ DN

- 6.1. Cung cấp thông tin về các chương trình hỗ trợ DN
- 6.2. Chất lượng các chương trình hỗ trợ DN
- 6.3. Cung cấp thông tin về các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN
- 6.4. Việc giải quyết vướng mắc của DN trong và sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin

7. Thiết chế pháp lý

- 7.1. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định .
- 7.2. Giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN thỏa đáng.
- 7.3. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề.
- 7.4. Cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại.
- 7.5. Hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi sai trái.

8. Vai trò người đứng đầu

- 8.1. Có ảnh hưởng quyết định đến công tác CCHC tại cơ quan.
- 8.2. Dám quyết/ dám làm và dám chịu trách nhiệm.
- 8.3. Có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN.
- 8.4. Lắng nghe và tiếp thu góp ý của DN.
- 8.5. Giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của DN.
- 8.6. Trong cơ quan không có hiện tượng "trên bảo dưới không nghe".

➤ Phương pháp tính điểm

Để có thể có được điểm số DDCI tổng hợp, các điểm CSTP của sở, ban, ngành, cấp huyện sẽ được tập hợp lại và gán trọng số. Trọng số trong công thức tính điểm số DDCI tổng hợp được lựa chọn bằng phương pháp chuyên gia, theo kinh nghiệm thực tiễn để đánh giá mức độ quan trọng, tầm ảnh hưởng của từng CSTP đối với công tác cải thiện MTKD tại địa phương.

Bảng 3: Trọng số đánh giá

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số	
		Nhóm sở, ban,	Nhóm cấp huyện
1	Tính minh bạch	10%	15%
2	Tính năng động	20%	10%
3	Chi phí thời gian	10%	15%
4	CPKCT	15%	15%
5	Cạnh tranh bình đẳng	10%	10%
6	Hỗ trợ DN	10%	10%
7	Thiết chế pháp lý	10%	10%
8	Vai trò người đứng đầu	15%	15%
<i>Điểm DDCI tổng hợp</i>		<i>100%</i>	<i>100%</i>

3.2. Phương pháp tiến hành

➤ Lựa chọn đối tượng trả lời khảo sát

Các đối tượng trả lời khảo sát trong DDCI Đắc Nông là các DN/HTX/HKD đang hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trong 3 đối tượng khảo sát, DN được chọn là đối tượng khảo sát chủ yếu. DN là đối tượng có thể đánh giá cả hai nhóm sở, ban, ngành và cấp huyện, trong khi đó HKD/HTX chỉ đánh giá cấp huyện vì các đối tượng này chủ yếu thực hiện các dịch vụ hành chính công ở cấp

huyện.

➤ Phương thức khảo sát

Sau khi cân nhắc về thời gian, chi phí, nguồn lực và kinh nghiệm triển khai khảo sát, khảo sát qua thư là hình thức được lựa chọn để tiến hành khảo sát. Khảo sát qua thư đã giúp: (1) Đơn vị khảo sát chủ động quản lý về thời gian thực hiện khảo sát, từ đó đảm bảo tiến độ hoàn thiện báo cáo; (2) Tiết kiệm chi phí, phù hợp với kinh phí mà tỉnh phê duyệt; (3) Bảo mật tối đa thông tin người trả lời, giúp đối tượng được khảo sát trả lời đúng với tình hình thực tế ở địa phương.

➤ Xây dựng công cụ khảo sát

VCCI Đà Nẵng phối hợp với các đơn vị thuộc tỉnh xây dựng bộ công cụ khảo sát, bao gồm thư ngỏ tham gia khảo sát và phiếu khảo sát. Mỗi DN tham gia khảo sát được gửi thư ngỏ và 2 phiếu khảo sát (1 phiếu đánh giá nhóm sở, ban, ngành và 1 phiếu đánh giá nhóm cấp huyện); HTX/HKD được gửi thư ngỏ và 1 phiếu khảo sát (phiếu đánh giá nhóm cấp huyện). Mẫu phiếu khảo sát có thể xem ở phụ lục 2 của báo cáo.

➤ Phương pháp chọn mẫu

Dựa vào danh sách DN/HTX/HKD do Sở KH&ĐT tỉnh cung cấp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành rà soát, kiểm tra dữ liệu, chọn mẫu.

Mẫu khảo sát DDCI Đắc Nông năm 2020 thực hiện theo hình thức lấy mẫu ngẫu nhiên, dựa trên các tiêu chí:

- ✓ Địa phương hoạt động: Đang hoạt động tại 8 huyện, TP của tỉnh.
- ✓ Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ – thương mại; Công nghiệp chế biến – chế tạo; Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản; Xây dựng, Bất động sản và Khai khoáng.
- ✓ Thời gian hoạt động của DN: Thành lập trước năm 2019; Thành lập trong và sau năm 2019.

Bảng 4: Mẫu khảo sát

STT	Địa phương	DN			HTX			HKD		
		Tổng số	Mẫu khảo sát	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Mẫu khảo sát	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Mẫu khảo sát	Tỷ lệ (%)
1	TP Gia Nghĩa	881	475	54	31	15	48	2.047	55	3
2	Huyện Đắk Mil	320	226	71	15	10	67	2.289	55	2
3	Huyện Cư Jút	289	180	62	18	15	83	1.553	45	3
4	Huyện Đắk Glong	177	154	87	8	8	100	1.061	45	4
5	Huyện Đắk R'lấp	464	255	55	25	15	60	2.585	50	2
6	Huyện Đắk Song	259	190	73	26	10	38	1.612	50	3
7	Huyện Krông Nô	154	147	95	14	10	71	1.902	50	3
8	Huyện Tuy Đức	107	106	99	9	9	100	1.425	50	4
Tổng		2.651	1.733	65	146	92	63	14.474	400	3

Quá trình triển khai khảo sát đã tiếp cận³ được 1.733 DN, 92 HTX, 400 HKD, chiếm tỷ lệ tương ứng là 65%, 63%, 3% số lượng DN/HTX/HKD đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Về mặt số lượng, năm 2020 đã tiếp cận được nhiều DN/HTX/HKD hơn so với năm 2019 (tổng số tiếp cận năm 2020 là 2.225 đơn vị, năm 2019 là 1.542 đơn vị). Việc tiếp cận nhiều đơn vị là một trong những nguyên nhân giúp số lượng đơn vị tham gia khảo sát trong năm 2020 tăng so với năm 2019. Năm 2019, có 193 đơn vị tham gia cuộc khảo sát, năm 2020 số lượng này là 516 đơn vị.

Bảng 5: Tỷ lệ đơn vị thực hiện khảo sát so với số lượng tiếp cận

	Số lượng tiếp cận	Số phiếu khảo sát hợp lệ thu được	Tỷ lệ (%)
DN	1.733	466	27
HTX	92	19	21
HKD	400	31	8
Tổng	2.225	516	23

Theo dữ liệu từ bảng 5, trong số 3 đối tượng được khảo sát, DN là đối tượng có tỷ lệ phản hồi tốt nhất, tiếp đến là HTX và HKD. Tỷ lệ trả lời khảo sát như trên cho thấy DN/HTX/HKD trên địa bàn tỉnh tiếp nhận cuộc khảo sát là khá tốt.

³ Tiếp cận được hiểu là các hoạt động gọi điện thoại liên hệ, tìm địa chỉ, và tiến hành khảo sát. Như vậy, sẽ có nhiều đơn vị đã được tiếp cận nhưng không có được phiếu khảo sát hợp lệ

➤ Tổ chức thực hiện khảo sát

Theo kinh nghiệm thực tế từ 2019 và nhằm đảm bảo tính khách quan, HHDN tỉnh được lựa chọn làm đơn vị chủ trì triển khai khảo sát năm 2020. Việc lựa chọn Hiệp hội làm đơn vị khảo sát hoàn toàn phù hợp với chức năng của Hiệp hội là đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của DN trên địa bàn.

➤ Phương pháp xây dựng báo cáo

✓ Phân tích dữ liệu khảo sát: Sau khi nhận được phiếu khảo sát từ HHDN tỉnh, nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm tra⁴, nhập liệu và phân tích. Quá trình phân tích dữ liệu được thực hiện qua 2 phương thức độc lập: phân tích thông qua chương trình xử lý Microsoft Excel và phần mềm xử lý thống kê Stata. Việc thực hiện phân tích qua 2 phương thức độc lập này nhằm mục đích kiểm chứng, đối chiếu kết quả để đảm bảo tính chính xác của kết quả tính toán. Kết quả phân tích dữ liệu qua 2 phương thức trên là hoàn toàn trùng khớp. Như vậy, về mặt thống kê, quá trình phân tích dữ liệu đã đảm bảo tính khoa học, khách quan.

✓ Thảo luận nhóm: Nhóm nghiên cứu cùng chuyên gia của VCCI tiến hành các cuộc thảo luận nhóm nhằm đánh giá và lý giải cho những phát hiện nổi bật của báo cáo này.

✓ Thu thập và tham khảo tài liệu khác: Song song với các phương pháp trên, nhóm nghiên cứu tìm hiểu thêm tình hình môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh Đắk Nông thông qua các báo cáo của tỉnh, Cục Thống kê,... và các phương tiện truyền thông.

➤ Số lượng ý kiến thu thập được

Cơ sở dữ liệu đánh giá DDCI Đắk Nông 2020 được xây dựng từ 5.690 ý kiến đánh giá các sở, ban, ngành và 509 ý kiến đánh giá cấp huyện. So với 2019, số lượng ý kiến đánh giá gia tăng ở tất cả các đơn vị. Số lượng các ý kiến đánh giá bảo đảm nhận diện được bức tranh chung về năng lực điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và cấp huyện thuộc tỉnh Đắk Nông. Số lượng ý kiến đánh giá của từng đơn vị phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị và số lượng DN/HTX/HKD đang

⁴ Kiểm tra được thực hiện để phân loại phiếu khảo sát. Đối với những phiếu khảo sát không điền/điền ít thông tin, nhóm nghiên cứu loại bỏ những phiếu này và thông báo tình hình số phiếu với HHDN tỉnh. HHDN tỉnh tiếp tục tiến hành khảo sát để đảm bảo số lượng phiếu tối thiểu. Việc nhập liệu, xử lý dữ liệu được tiến hành với các phiếu có đầy đủ/tương đối đầy đủ thông tin.

hoạt động trên địa bàn từng huyện/TP. Mặc dù số lượng ý kiến đánh giá tại mỗi đơn vị là khác nhau nhưng vẫn đảm bảo về yêu cầu tối thiểu về số lượng ý kiến đánh giá (theo kinh nghiệm của nhóm nghiên cứu, để có thể đánh giá thì mỗi đơn vị phải có ít nhất 30 ý kiến đánh giá).

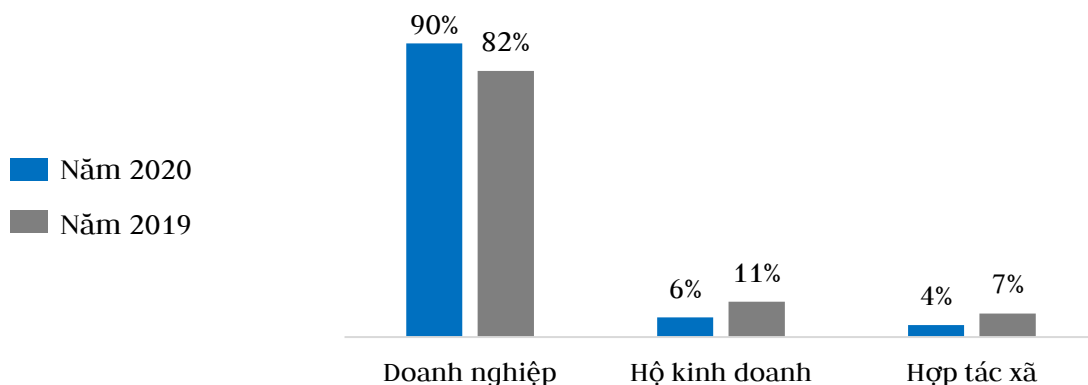
Bảng 6: Số lượng ý kiến đánh giá

STT	Sở, ban, ngành	Số lượng	Cấp huyện	Số lượng
1	Sở KH&ĐT	302	TP Gia Nghĩa	123
2	Sở TN&MT	298	Huyện Cư Jút	56
3	Sở Xây dựng	299	Huyện Đắk Mil	72
4	Sở Công thương	300	Huyện Đắk R'Lấp	72
5	Sở LĐ-TB &XH	299	Huyện Đắk Song	55
6	Sở NN&PTNT	299	Huyện Krông Nô	38
7	Sở TT&TT	298	Huyện Đắk Glong	50
8	Sở Tư pháp	298	Huyện Tuy Đức	43
9	Sở GTVT	301		
10	Sở Tài chính	301		
11	Công an Tỉnh	300		
12	VP UBND Tỉnh	300		
13	Thanh tra tỉnh	300		
14	BQL các KCN tỉnh	298		
15	Cục Thuế tỉnh	301		
16	BHXH tỉnh	299		
17	Sở KH&CN	299		
18	Sở VH-TT&DL	298		
19	Cục QLTT	300		
Tổng cộng		5.690		509

4. Đặc điểm DN/HTX/HKD tham gia khảo sát

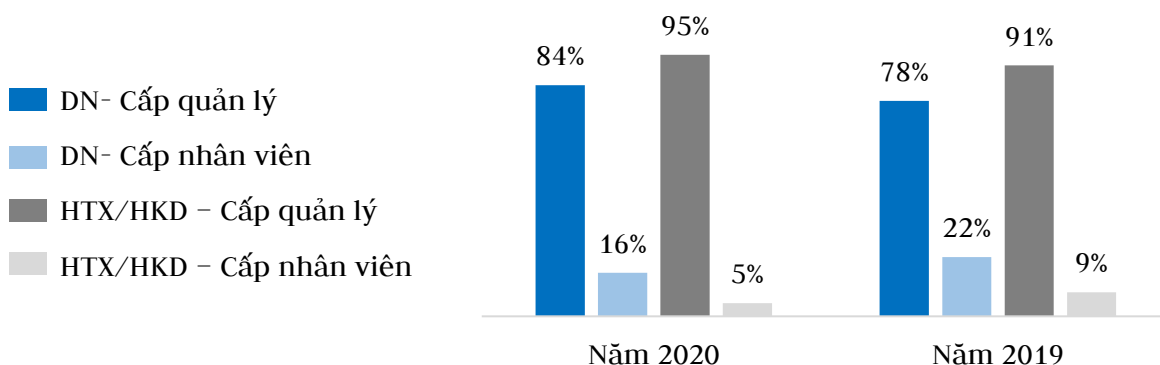
Trong tổng thể đối tượng tham gia khảo sát, DN là đối tượng chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm đa số với tỷ lệ là 90%. Nếu so sánh với năm 2019, tỷ lệ DN tham gia khảo sát đã tăng 8%, HTX giảm 3% và HKD giảm 5%.

Hình 1: Phân loại đối tượng khảo sát



Về chức vụ của người trả lời khảo sát, kết quả cho thấy đa phần người tham gia khảo sát đang đảm nhiệm vai trò quản lý (trưởng phòng, thành viên ban giám đốc,...). Tỷ lệ này ở DN và HTX/HKD đều trên 80% và có sự gia tăng so với năm 2019, các DN/HTX/HKD có sự quan tâm đến cuộc khảo sát, qua đây giúp nâng cao độ tin cậy của dữ liệu.

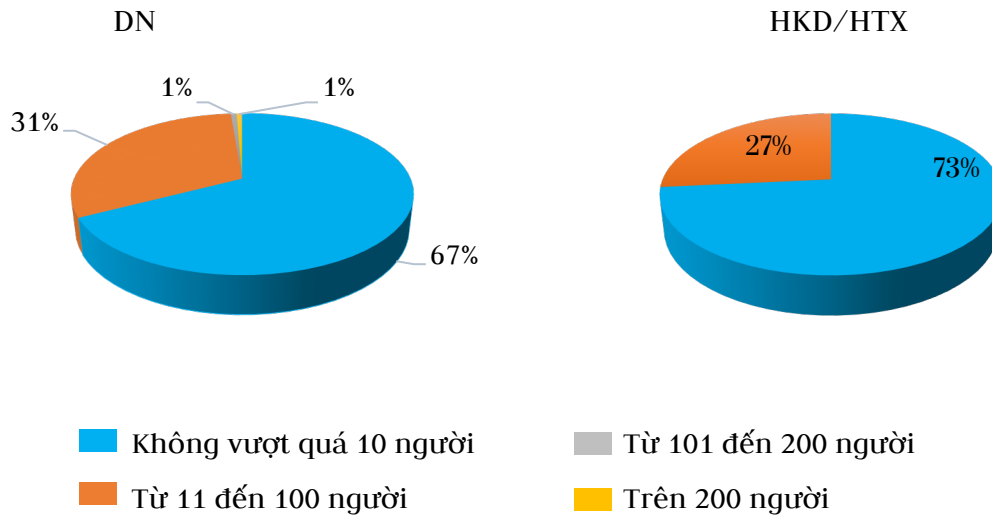
Hình 2: Chức vụ người trả lời khảo sát



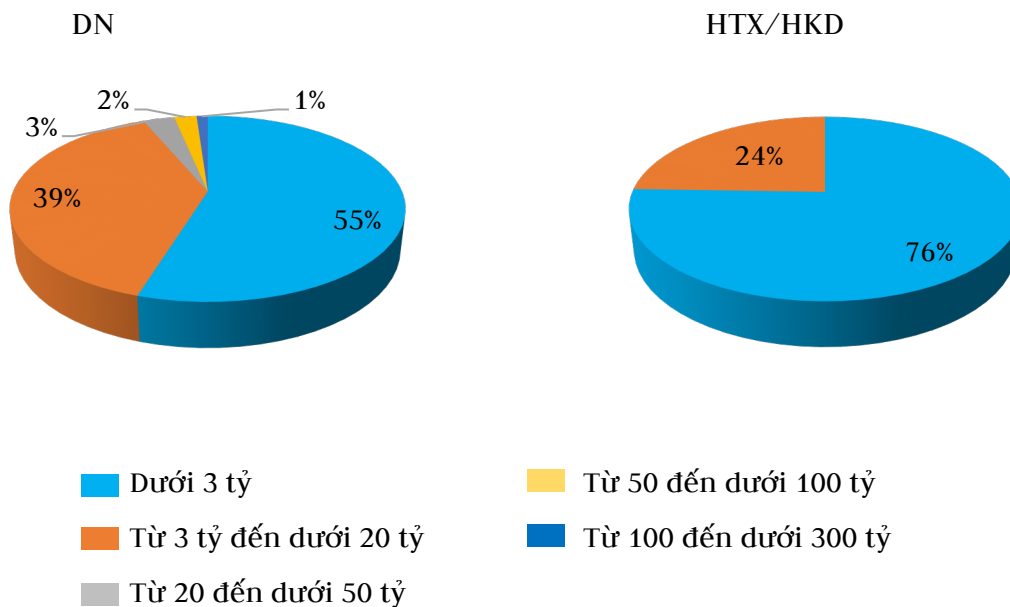
Trong tiêu chí xác định DNVVV, nguồn vốn và số lượng lao động là yếu tố then chốt để xem xét DN có phải là DNVVV hay không. Theo quy định tại Điều 4 Luật Hỗ trợ DNVVV năm 2014, DN được xem là DNVVV khi có số lao động tham gia bảo hiểm bình quân năm không quá 200 người và tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng (hoặc tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng). Với kết quả khảo sát về quy mô lao động và quy mô vốn, dễ dàng nhận thấy hầu như các DN tham gia khảo sát đều là DNVVV. Dữ liệu này hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Tuy nhiên, nếu so sánh với năm 2019, quy mô lao động và quy mô vốn đang có sự sụt giảm. Như về quy mô lao động, năm 2019 có khoảng 2% DN có số lao động trên 200 người, 5% DN có từ 101 đến 200 lao động thì ở năm 2020, các tỷ lệ trên đều ở mức 1%; về quy mô vốn, năm 2019 có khoảng 3% DN có nguồn vốn

trên 300 tỷ, 2% DN có nguồn vốn từ 100 tỷ đến dưới 300 tỷ thì nay trong năm 2020 không có DN nào có nguồn vốn trên 300 tỷ và cũng chỉ có 1% DN có nguồn vốn từ 100 tỷ đến 300 tỷ. Việc sụt giảm quy mô này ở HKD/HTX cũng diễn ra tương tự. Việc giảm quy mô như trên là dấu hiệu cho thấy tình hình hoạt động trong năm 2020 của DN/HTX/HKD là khó khăn.

Hình 3: Số lao động đăng ký

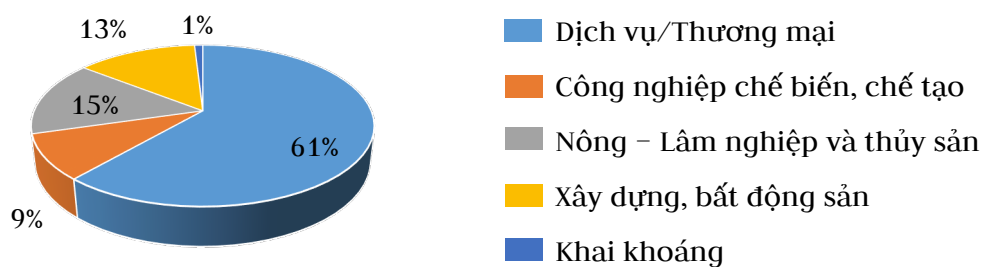


Hình 4: Số vốn đăng ký



Về lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ/thương mại là lĩnh vực hoạt động của đa số DN tham gia khảo sát, với tỷ lệ 61%. Nông - lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng, bất động sản là 2 lĩnh vực tiếp theo có tỷ trọng DN khảo sát lớn, với tỷ lệ lần lượt là 15% và 13%.

Hình 5: Lĩnh vực kinh doanh của DN





Chương 2

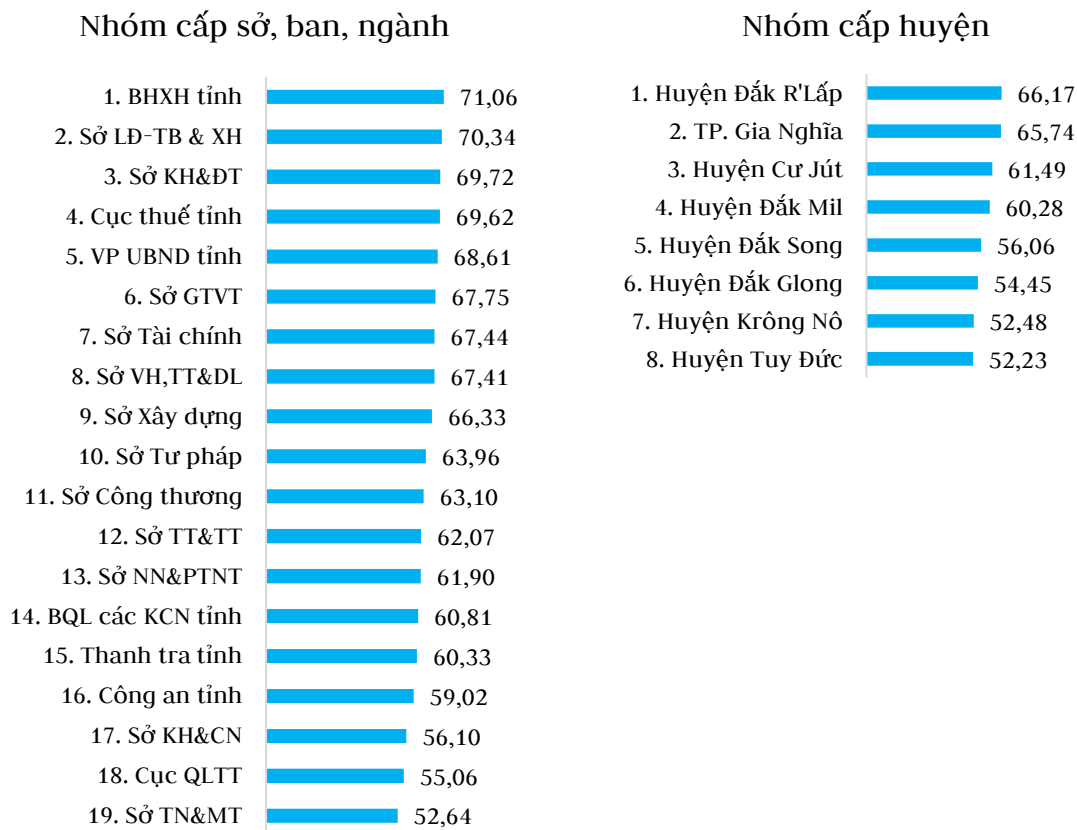
**Kết Quả Đánh Giá
Chất Lượng Điều Hành**

Từ Chương 2 của Báo cáo, DN là khái niệm chỉ các tổ chức kinh tế bao gồm DN/HTX/HKD

1. Tổng quan chung về kết quả khảo sát DDCI Đắk Nông 2020

Hình 6 mô tả điểm số DDCI tổng hợp của 2 nhóm đối tượng được đánh giá năm 2020. Sự phân hóa điểm số thể hiện cảm nhận của DN về chất lượng điều hành nhóm sở, ban, ngành và nhóm cấp huyện là khác nhau. Dù có điểm số thấp hay cao thì các đơn vị được đánh giá vẫn còn nhiều dư địa để cải thiện, như BHHX tỉnh và huyện Đắk R'lấp - đơn vị xếp thứ nhất nhóm sở, ban, ngành và nhóm cấp huyện - lần lượt vẫn cần đến 28,94 (100-71,06) điểm và 33,83 (100-66,17) điểm để có thể chạm mức tối đa 100 điểm.

Hình 6: Điểm tổng hợp DDCI các sở, ban, ngành và cấp huyện



DN đánh giá các đơn vị ở 2 nhóm sở, ban, ngành và cấp huyện khá đồng đều, không có mức chênh lệch điểm quá lớn giữa các đơn vị với nhau. DN đánh giá nhóm sở, ban, ngành cao hơn nhóm cấp huyện thông qua sự chênh lệch giữa điểm cao nhất và điểm thấp nhất của mỗi nhóm. Ở mỗi nhóm, chênh lệch điểm số giữa các vị trí liền kề nhau là thấp, do vậy nếu các đơn vị có những nỗ lực cải thiện thì năm đến vị thứ hoàn toàn có thể thay đổi. Trong năm 2020, ba đơn vị được đánh giá tốt nhất ở nhóm sở, ban, ngành là BHHX tỉnh, Sở LĐ-TB&XH và Sở KH&ĐT, ở nhóm cấp

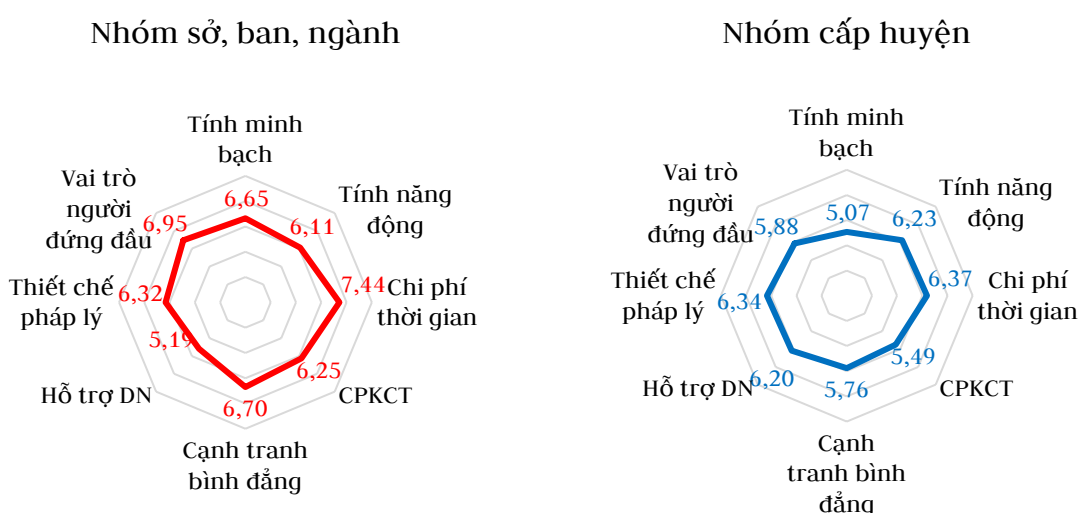
huyện là huyện Đăk R'Lấp, TP Gia Nghĩa và huyện Cư Jút.

Kết quả từ trung vị các CSTP cho thấy nhóm sở, ban, ngành nổi trội hơn nhóm cấp huyện. Nhóm sở, ban, ngành có điểm số trung vị là 63,96 điểm, trung vị nhóm cấp huyện là 58,17 điểm. Về các CSTP, có 5/8 chỉ số nhóm sở, ban, ngành có điểm số trung vị cao hơn nhóm cấp huyện. Trong 8 CSTP của khảo sát DDCI Đăk Nông năm 2020, DN đánh giá khá cao chỉ số Chi phí thời gian ở cả hai nhóm sở, ban, ngành và cấp huyện. Đây cũng là CSTP có điểm trung vị xếp vị thứ cao nhất trong 8 CSTP của cả hai nhóm. Ở cấp sở, ban, ngành, điểm trung vị chỉ số Chi phí thời gian đạt 7,44 điểm, đối với cấp huyện thì điểm trung vị là 6,37 điểm.

Điểm hạn chế của nhóm sở, ban, ngành là chỉ số Hỗ trợ DN: CSTP này thấp nhất trong 8 CSTP đánh giá nhóm sở, ban, ngành với trung vị ở mức 5,19 điểm. Đây cũng là chỉ số duy nhất giảm điểm trung vị so với năm 2019. Tỷ lệ DN được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN hay chương trình trao đổi, đối thoại đã giảm so với năm 2019. Đây cũng là điều đã được dự báo trước do tác động của đại dịch Covid-19 tạo nên.

Điểm hạn chế của nhóm cấp huyện là Tính minh bạch: DN đánh giá trung vị chỉ số Tính minh bạch thấp nhất trong 8 CSTP được đánh giá nhóm cấp huyện với mức trung vị là 5,07 điểm. Đáng lưu ý là có 21% DN phải có “mối quan hệ” để có thể tiếp cận được tài liệu của cấp huyện.

Hình 7: Trung vị điểm số các sở, ban, ngành và cấp huyện



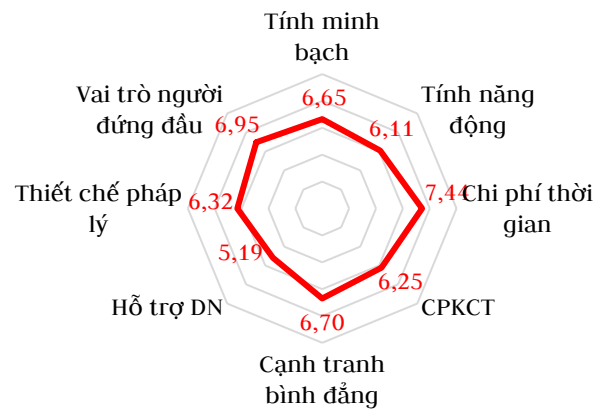
2. Kết quả khảo sát các sở, ban, ngành

2.1. Kết quả đánh giá và xếp hạng chung các sở, ban, ngành

Trên bình diện chung, điểm số trung vị của các CSTP ở mức tương đối tốt. DN đánh giá các sở, ban, ngành có điểm mạnh nhất ở chỉ số Chi phí thời gian và điểm

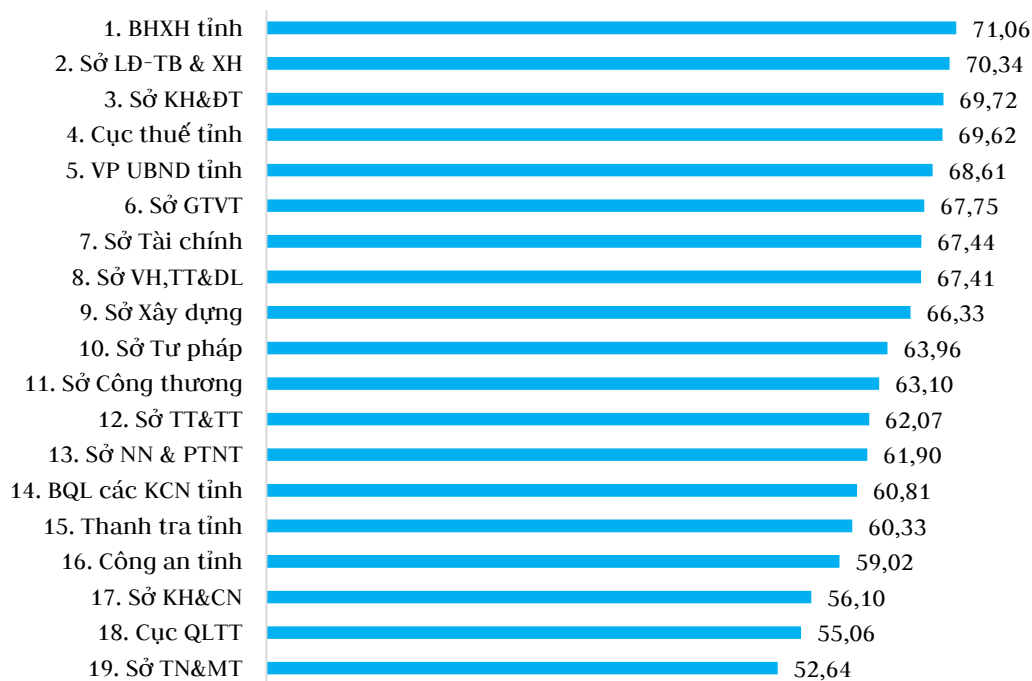
yếu nhất là chỉ số Hỗ trợ DN. Dư địa ở chỉ số có mức trung vị cao nhất đến điểm số tối đa là 2,56 điểm, khoảng cách giữa CSTP có mức trung vị cao nhất và CSTP có mức trung vị thấp nhất là 2,25 điểm. Nhìn chung, DN tỉnh Đắk Nông cho rằng các sở, ban, ngành của tỉnh cần cải thiện ở tất cả CSTP.

Hình 8: Trung vị điểm số CSTP các sở, ban, ngành



Kết quả DDCI tổng hợp nhóm các sở, ban, ngành năm 2020 được thể hiện qua hình sau:

Hình 9: Điểm tổng hợp DDCI các sở, ban, ngành



Xếp hạng nhóm sở, ban, ngành năm 2020 cho thấy nỗ lực cải thiện của hầu hết các đơn vị. Điểm số trung vị của nhóm sở, ban, ngành trong năm 2020 có sự tăng điểm so với năm 2019. Cụ thể điểm số trung vị nhóm sở, ban, ngành trong năm 2020 là 63,96 điểm, tăng 7,96 điểm so với năm 2019 (56 điểm). Xếp hạng nhóm sở, ban, ngành ghi nhận 03 đơn vị có điểm số tổng hợp cao nhất lần lượt là BHXH tỉnh

(71,06 điểm), Sở LD-TB&XH (70,34 điểm) và Sở KH&ĐT (69,72 điểm).

BHXH tỉnh là đơn vị có điểm số cao nhất trong cấp sở, ban, ngành. So với năm 2019, tổng điểm của đơn vị đã tăng 12,25 điểm, cụ thể đạt 71,06 điểm. Mặc dù không phải là đơn vị có điểm số tăng nhiều nhất, nhưng sự nỗ lực cải thiện trong năm của đơn vị đã nhận được DN tỉnh đánh giá tích cực. Trong 8 CSTP được đánh giá, đơn vị này có 6/8 CSTP tăng điểm, cụ thể: Tính năng động (tăng 1,42 điểm), Chi phí thời gian (tăng 1,84 điểm), CPKCT (tăng 0,86 điểm), Hỗ trợ DN (tăng 0,54 điểm), Thiết chế pháp lý (tăng 3,06 điểm) và Vai trò người đứng đầu (2,00 điểm). Hai chỉ số giảm điểm của BHXH là Tính minh bạch (giảm 0,07 điểm) và Cạnh tranh bình đẳng (giảm 0,26 điểm). BHXH tỉnh có 2/8 CSTP có điểm số cao nhất so với nhóm sở, ban, ngành là Tính minh bạch và Hỗ trợ DN. Trong CSTP Tính minh bạch, 02 tiêu chí được cộng đồng DN đánh giá khá tốt là “Sở, ban, ngành cung cấp thông tin kịp thời” với tỷ lệ 93% DN đồng ý - tăng 12% so với năm 2019 và tiêu chí “Nội dung thông tin đầy đủ rõ ràng” - tỷ lệ DN đồng ý là 64%, tăng 13% so với năm 2019. Bên cạnh 2 tiêu chí được đánh giá khá tốt trên, đơn vị cần lưu ý về thái độ cung cấp thông tin của cán bộ khi chỉ có khoảng 41% DN đồng ý cán bộ nhiệt tình cung cấp thông tin. Ở CSTP Hỗ trợ DN, có 2/4 tiêu chí BHXH tỉnh nhận được tỷ lệ DN đồng ý cao là tiêu chí “DN được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do sở, ban, ngành tổ chức” (72% DN được mời/tham dự) và tiêu chí “DN đồng ý các chương trình hỗ trợ DN là thiết thực” - 95% DN đồng ý. Bên cạnh những CSTP có điểm số cao, BHXH tỉnh cần quan tâm cải thiện các chỉ số đã giảm điểm gồm Tính minh bạch (giảm 0,07 điểm) và Cạnh tranh bình đẳng (giảm 0,26 điểm).

Đơn vị xếp vị thứ 2 trong nhóm sở, ban, ngành là Sở LD-TB&XH với 70,34 điểm. So với năm 2019 điểm số của đơn vị tăng 14,58 điểm và tăng 7 bậc trong bảng xếp hạng. Trong 8 CSTP, Sở LD-TB&XH có 7/8 CSTP tăng điểm, CSTP tăng điểm nhiều nhất là Tính năng động (tăng 3,12 điểm); Hỗ trợ DN là chỉ số duy nhất giảm điểm. Trên bình diện chung, Sở LD-TB&XH có 3/8 CSTP có điểm số cao so với nhóm sở, ban, ngành là Tính năng động, CPKCT và Thiết chế pháp lý. Một số tiêu chí được đánh giá tốt ở đơn vị này là “Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật của lãnh đạo sở, ban, ngành” (tỷ lệ DN đồng ý là 85%); “Tỷ lệ DN chi trả CPKCT” (11% đồng ý là có chi trả); “Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm

minh, theo đúng quy trình, quy định” (91% DN đồng ý);... Trong năm 2020, để hỗ trợ DN, người lao động vượt qua khó khăn do dịch bệnh, Sở LD-TB&XH đã có những hành động thiết thực, giúp người dân tiếp cận được nguồn hỗ trợ từ nhà nước... Ngoài những điểm tích cực đã làm được, Sở LD-TB&XH vẫn còn nhiều dư địa để cải thiện.

Đơn vị xếp vị thứ 3 trong nhóm sở, ban, ngành là Sở KH&ĐT với 69,72 điểm - tăng 1,78 điểm so với năm 2019. Tính minh bạch, Chi phí thời gian, Cạnh tranh bình đẳng là những chỉ số tăng điểm so với năm 2019. Trong chỉ số Tính minh bạch, tiêu chí được DN đánh giá khá cao là *“Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của cấp huyện”* (88%DN đồng ý dễ tiếp cận). Kết quả khảo sát DDCI 2020 cũng cho thấy DN đánh giá cao về công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN, khi tỷ lệ DN đồng ý sự phối hợp diễn ra tốt của Sở là 85% - cao nhất trong nhóm sở, ban, ngành. Ở chỉ số Cạnh tranh bình đẳng, mặc dù vẫn còn 12% DN cho rằng đơn vị có DN sâu, thân hữu nhưng việc ưu ái trong các lĩnh vực như tiếp cận nguồn lực nhà nước, tiếp cận thông tin, giải quyết khó khăn, kiến nghị, TTHC,... đã được giảm so với năm 2019. Đây là dấu hiệu tích cực trong việc cạnh tranh lành mạnh giữa các DN. Tương tự 2 đơn vị đứng đầu, Sở KH&ĐT vẫn còn nhiều dư địa cải thiện, đặc biệt ở chỉ số Thiết chế pháp lý. Trong CSTP Thiết chế pháp lý, tiêu chí *“DN phải phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề”* có 19% tỷ lệ DN đồng ý (tăng 10% so với 2019), cho thấy việc giải quyết công tác hành chính của Sở chưa đáp ứng được yêu cầu của DN. Đơn vị phải có những động thái cụ thể, thiết thực hơn trong hỗ trợ, thực thi và giải quyết vấn đề, yêu cầu hành chính của DN để CSTP Thiết chế pháp lý cải thiện trong những năm tiếp theo.

Xếp hạng cấp sở, ban ngành ghi nhận 03 đơn vị có điểm số với vị thứ thấp nhất lần lượt là Sở KH&CN (56,10 điểm), Cục QLTT (55,06 điểm) và Sở TN&MT (52,64 điểm).

Sở KH&CN là đơn vị có điểm xếp vị thứ 17/19 trong nhóm sở, ban, ngành với tổng điểm đạt 56,10 điểm. Điểm số các CSTP của đơn vị đều dưới mức trung vị, nằm trong khoảng 13 đến 19 trên tổng số 19 đơn vị nhóm sở, ban, ngành. CSTP xếp vị thứ cao nhất của đơn vị là Cạnh tranh bình đẳng xếp vị thứ 13/19, nhưng có đến 5/7 tiêu chí nhận được tỷ lệ DN đồng ý không cao hơn trung vị. Kết quả khảo sát

cho thấy, để cải thiện điểm số ở các CSTP, đơn vị cần quan tâm đến tất cả tiêu chí, đặc biệt ở các tiêu chí như “Sở, ban, ngành cung cấp thông tin kịp thời” (tỷ lệ DN đồng ý là 69%); “Sở, ban, ngành chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn” (tỷ lệ DN đồng ý là 52%)... Năm 2020 là năm đầu tiên Sở KH&CN tham gia đánh giá DDCI, mặc dù điểm tổng hợp với vị thứ chưa cao nhưng đây là cơ hội để đơn vị nhìn nhận những mặt chưa tốt để cải thiện và phát huy những điểm tích cực trong điều hành.

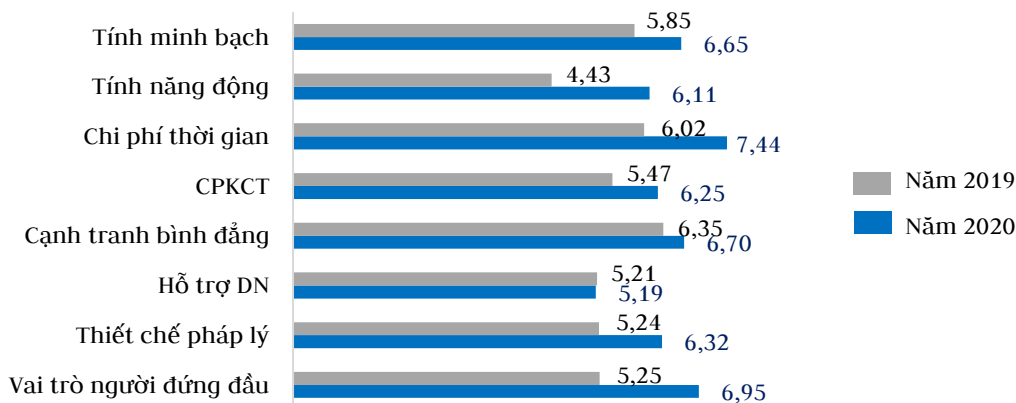
Xếp ở vị thứ 18/19 trong cấp sở, ban, ngành là Cục QLTT với tổng điểm đạt 55,06 điểm. Tương tự Sở KH&CN, các chỉ số của đơn vị không được DN đánh giá cao, hầu như các chỉ số chỉ nằm trong khoảng từ 14 đến 19 trên tổng số 19 sở, ban, ngành tham gia đánh giá, trong đó 02 CSTP có điểm xếp ở vị thứ thấp nhất đó là Tính năng động và Hỗ trợ DN. Ngoài ra, Cục cần lưu ý về vấn đề CPKCT khi vẫn còn 17% DN cho rằng đã chi trả chi phí này, 18% đồng ý có hiện tượng những nhiều khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành - tỷ lệ cao nhất trong nhóm sở, ban, ngành. Năm 2020 là năm đầu tiên đánh giá chất lượng điều hành của Cục QLTT, mặc dù điểm tổng hợp với vị thứ chưa cao nhưng đây là cơ hội để đơn vị nhìn nhận những mặt chưa tốt để cải thiện và phát huy những điểm tích cực trong điều hành.

So với năm 2019, Sở TN&MT mặc dù có điểm số tổng hợp tăng 18,41 điểm nhưng tiếp tục là đơn vị xếp cuối cùng trong nhóm cấp sở, ban, ngành với 52,64 điểm. Đơn vị có 7/8 CSTP cải thiện điểm số so với năm 2019 nhưng mức tăng chưa cao, chưa tạo sự cách biệt lớn. Ngoài ra, sự nỗ lực của các đơn vị khác được cộng đồng DN đón nhận tích cực hơn đã khiến vị thứ xếp hạng của sở TN&MT không thay đổi so với năm 2019. Đơn vị có 5/8 CSTP có điểm xếp ở vị thứ thấp nhất và 3/8 CSTP xếp ở các vị thứ 16 và 18. Các CSTP có điểm số thấp so với nhóm sở, ban, ngành là Tính minh bạch, Chi phí thời gian, CPKCT, Cạnh tranh bình đẳng và Thiết chế pháp lý. Ở Đăk Nông, vấn đề liên quan đến đất đai, tài nguyên đang là điểm nghẽn của tỉnh. Nếu không thể tháo gỡ điểm nghẽn này, cộng đồng DN khó có thể đánh giá tốt vai trò, chất lượng của Sở TN&MT. Vì vậy, ngoài lưu ý cải thiện các CSTP nói trên thì đơn vị cần tập trung nguồn lực giải quyết các vấn đề liên quan đến đất đai, tài nguyên đã và đang tồn tại ở tỉnh.

2.2. Thay đổi DDCI các sở, ban, ngành giữa năm 2020 với 2019

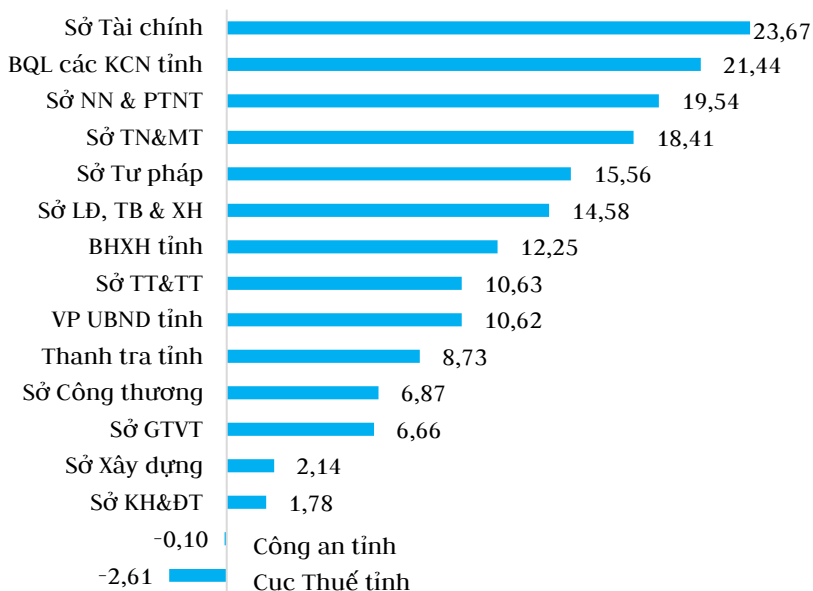
Những thay đổi về điểm trung vị của CSTP các nhóm sở, ban, ngành được thể hiện ở biểu đồ sau:

Hình 10: Trung vị điểm số CSTP các sở, ban, ngành năm 2020 so với 2019



Nhóm sở, ban, ngành có 7/8 chỉ số có điểm trung vị của năm 2020 cao hơn so với năm 2019. Trong 7 chỉ số tăng điểm, Vai trò người đứng đầu là chỉ số có mức tăng điểm nhiều nhất với 1,7 điểm. Về chỉ số giảm điểm, Hỗ trợ DN là chỉ số duy nhất có điểm số trung vị thấp hơn năm 2019. Trong năm 2020, dưới tác động của dịch bệnh Covid-19, Chính phủ đã ban hành nhiều chỉ thị với nội dung hạn chế tập trung đông người, vì vậy hoạt động hỗ trợ DN của các đơn vị đã chịu ảnh hưởng không nhỏ và đây có thể là một trong các nguyên nhân khiến điểm số ở chỉ số này giảm so với năm 2019.

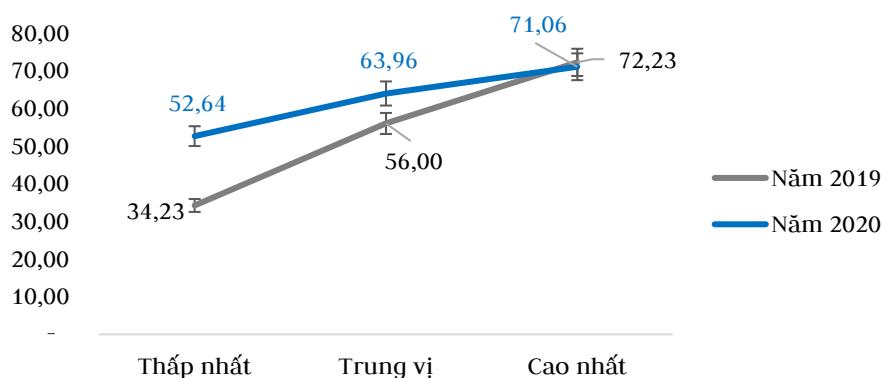
Hình 11: Điểm số tăng/giảm của mỗi sở, ban, ngành năm 2020 so với 2019



Năm 2020, xu thế chung ở nhóm sở, ban, ngành là có sự tăng về điểm số. Một số sở, ban, ngành được cộng đồng DN đánh giá cải thiện rõ rệt về chất lượng điều hành kinh tế, tỷ lệ DN đánh giá tốt các CSTP ở các đơn vị này cao hơn hẳn so với năm 2019. Đây là tín hiệu tích cực đáng được ghi nhận. Tuy xu thế chung là tăng điểm nhưng vẫn còn 2 đơn vị có điểm số giảm, là Công an tỉnh (giảm 0,1 điểm) và Cục Thuế tỉnh (giảm 2,61 điểm). Sự giảm điểm này có thể xuất phát từ nguyên nhân: sự kỳ vọng của DN đối với các đơn vị này là cao hơn so với thực tế diễn ra hoặc công tác thực thi và triển khai chưa thực sự mang lại hiệu quả.

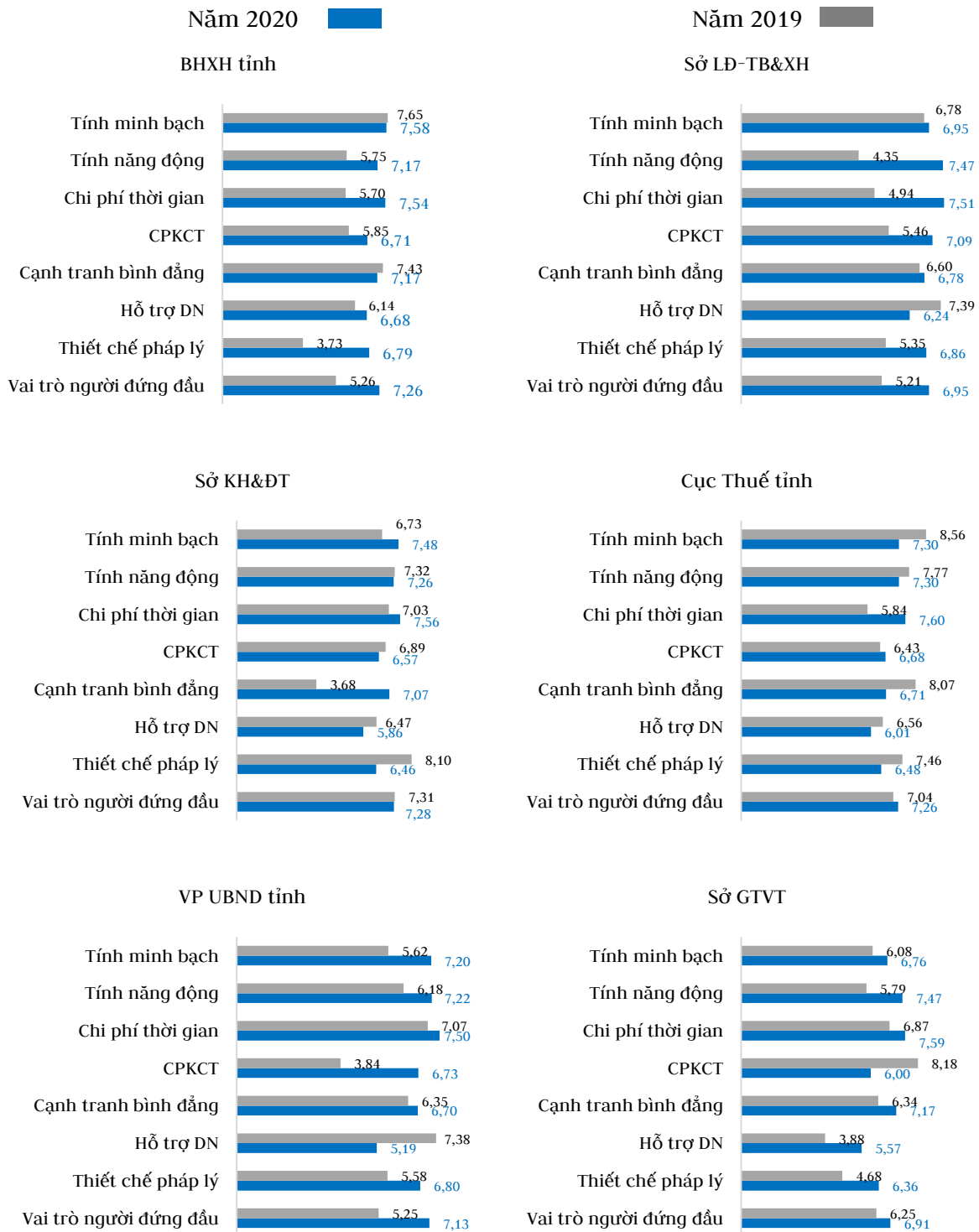
Về khoảng cách điểm giữa đơn vị đứng đầu và cuối, năm 2020 khoảng cách này đã được thu hẹp so với năm 2019. Năm 2019, khoảng cách này là 38 điểm, năm 2020 là 18,42 điểm. Mức trung vị điểm số tăng từ 56 điểm năm 2019 lên 63,96 điểm năm 2020. Như vậy, có thể thấy trong năm 2020, chất lượng điều hành chung nhóm sở, ban, ngành tốt hơn năm 2019 và khoảng cách điểm số giữa các đơn vị đang được thu hẹp.

Hình 12: Khoảng cách điểm số đơn vị đứng đầu/cuối năm 2020 so với 2019

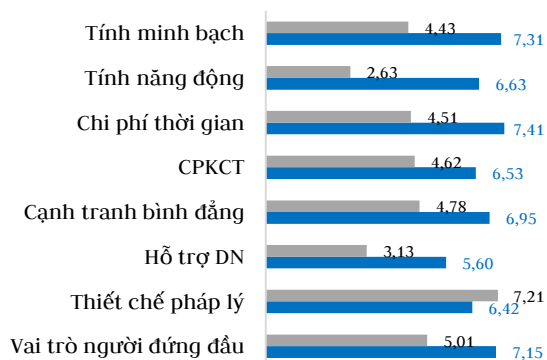


Để có cái nhìn tổng quan về sự thay đổi về điểm số các CSTP cũng như những điểm mạnh và những mặt cần cải thiện của các đơn vị được đánh giá, có thể tham khảo biểu đồ phía dưới.

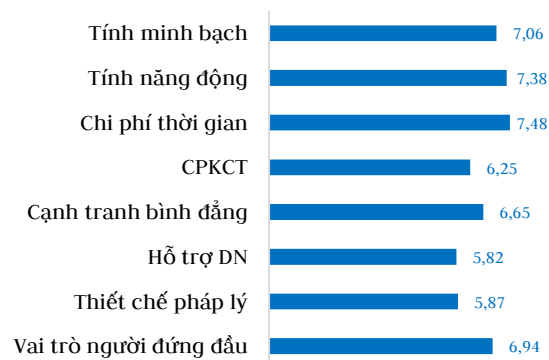
Hình 13: Biểu đồ hoạt động của từng đơn vị theo CSTP các sở, ban, ngành



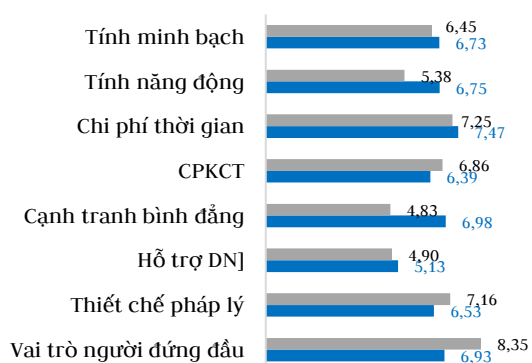
Sở Tài chính



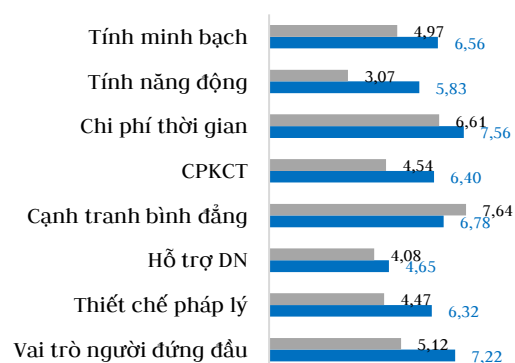
Sở VH,TT&DL



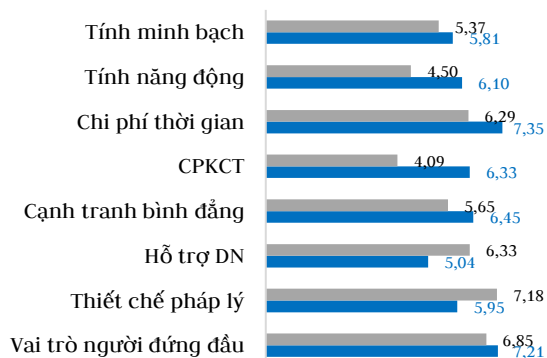
Sở Xây dựng



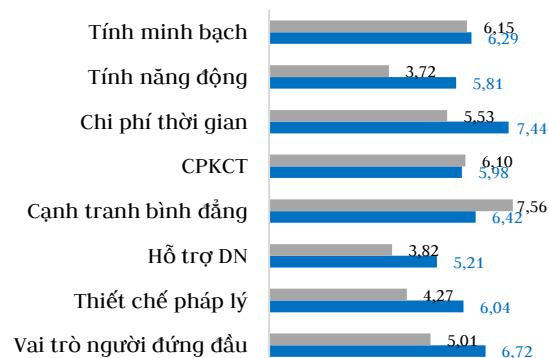
Sở Tư pháp



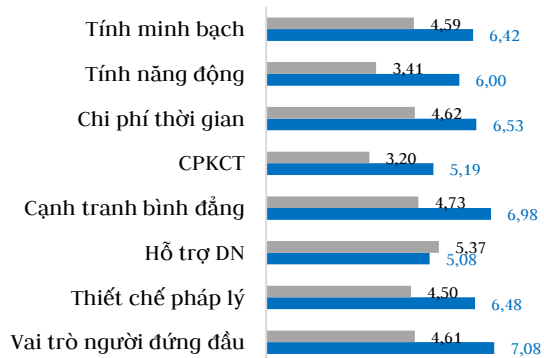
Sở Công thương



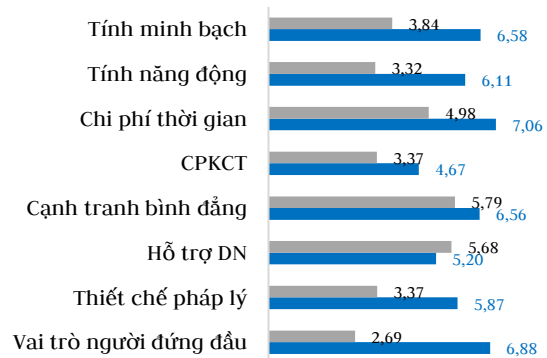
Sở TT&TT



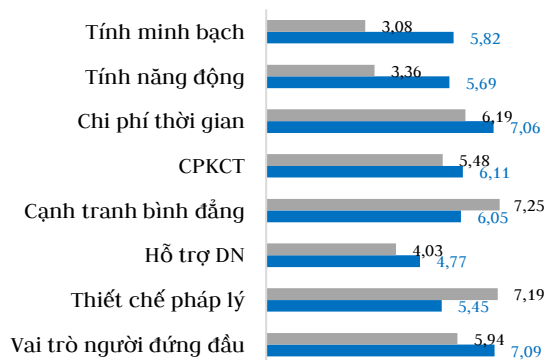
SỞ NN&PTNT



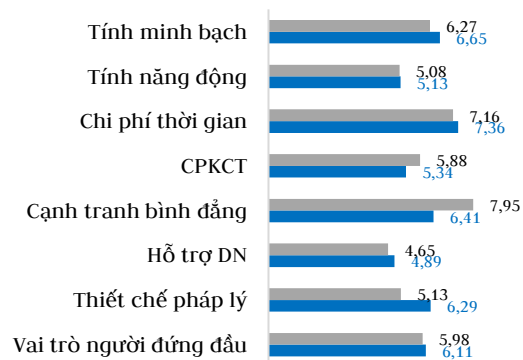
BQL các KCN tỉnh



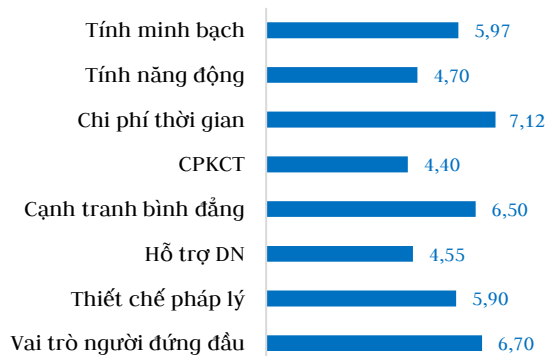
Thanh tra tỉnh



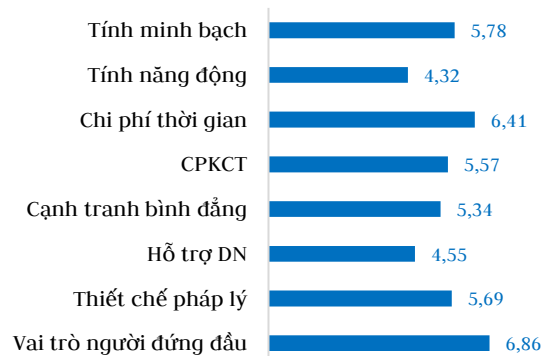
Công an tỉnh



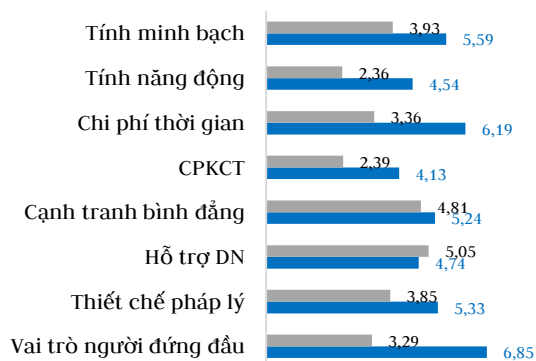
SỞ KH&CN



Cục QLTT



SỞ TN&MT

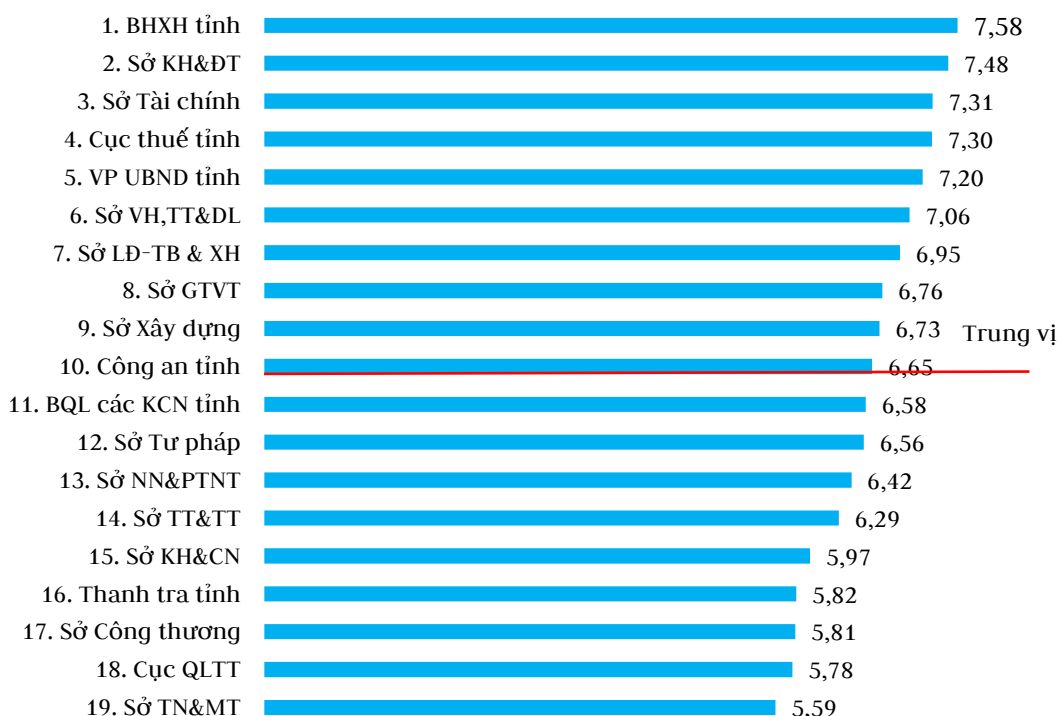


2.3. Chi tiết các CSTP các sở, ban, ngành

2.3.1. CSTP Tính minh bạch

Năm 2020, cộng đồng DN tỉnh đánh giá tích cực đối với nhóm sở, ban, ngành trong cải thiện Tính minh bạch khi điểm trung vị của CSTP này đạt 6,65 điểm, tăng 0,80 điểm so với năm 2019, xếp vị thứ 4/8 CSTP. Điểm số Tính minh bạch của nhóm sở, ban, ngành như sau:

Hình 14: CSTP Tính minh bạch các sở, ban, ngành

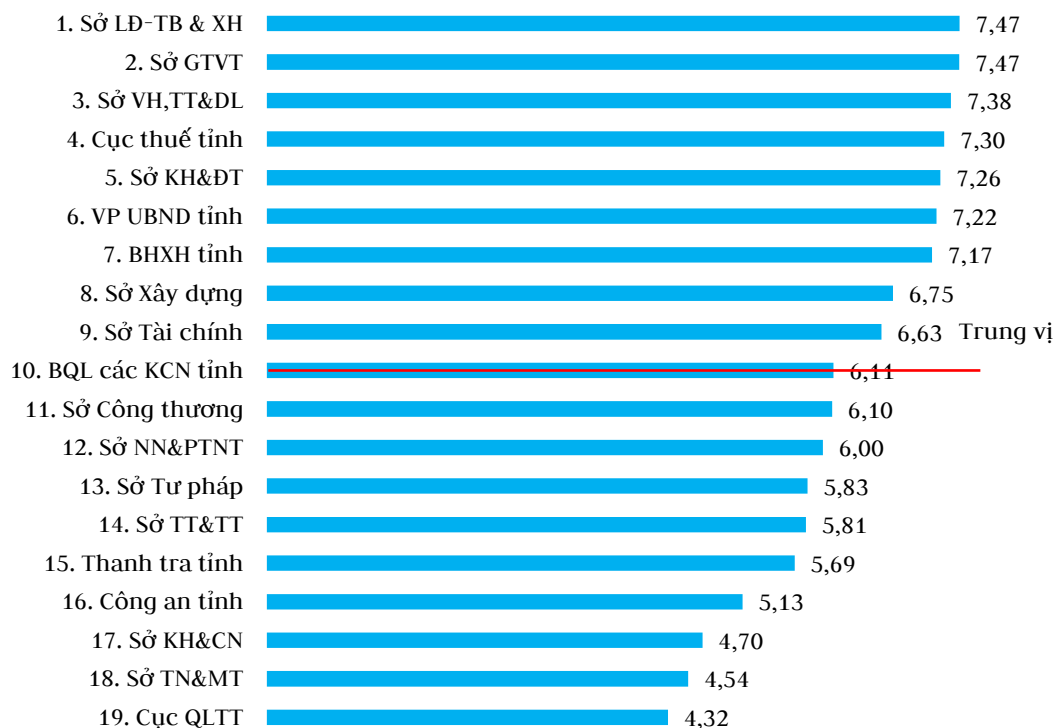


Ở CSTP này, đơn vị có điểm số cao nhất là BHHH tỉnh với 7,58 điểm. Hai đơn vị có điểm số cao tiếp theo lần lượt là Sở KH&ĐT và Sở Tài chính với 7,48 điểm và 7,31 điểm. Đơn vị có điểm số thấp nhất là Sở TN&MT với 5,59 điểm, nhưng điểm số này cao hơn đơn vị có điểm số thấp nhất năm 2019 là 2,51 điểm. Năm 2020, CSTP Tính minh bạch bổ sung thêm tiêu chí “*Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho DN*”. Trung vị của tiêu chí này không quá cao với tỷ lệ DN đồng ý cán bộ đã nhiệt tình cung cấp thông tin là 39%. So với năm 2019, các tiêu chí của CSTP này đều thay đổi theo hướng tích cực. Như tiêu chí “*Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của cấp huyện*” tăng từ 78% năm 2019 lên 88% năm 2020; tiêu chí “*Cần có “mối quan hệ” để có thể tiếp cận được tài liệu của sở, ban, ngành*” giảm từ 38% năm 2019 xuống còn 28% năm 2020.

2.3.2. CSTP Tính năng động

Với CSTP Tính năng động, 3 đơn vị có điểm số cao nhất là Sở LD-TB&XH, Sở GTVT và Sở VH,TT&DL. So với năm 2019, mặc dù đơn vị có điểm số cao nhất giảm 0,30 điểm nhưng điểm trung vị của chỉ số này đã tăng 1,68 điểm. Chi tiết điểm số Tính năng động nhóm sở, ban, ngành như sau:

Hình 15: CSTP Tính năng động các sở, ban, ngành⁵



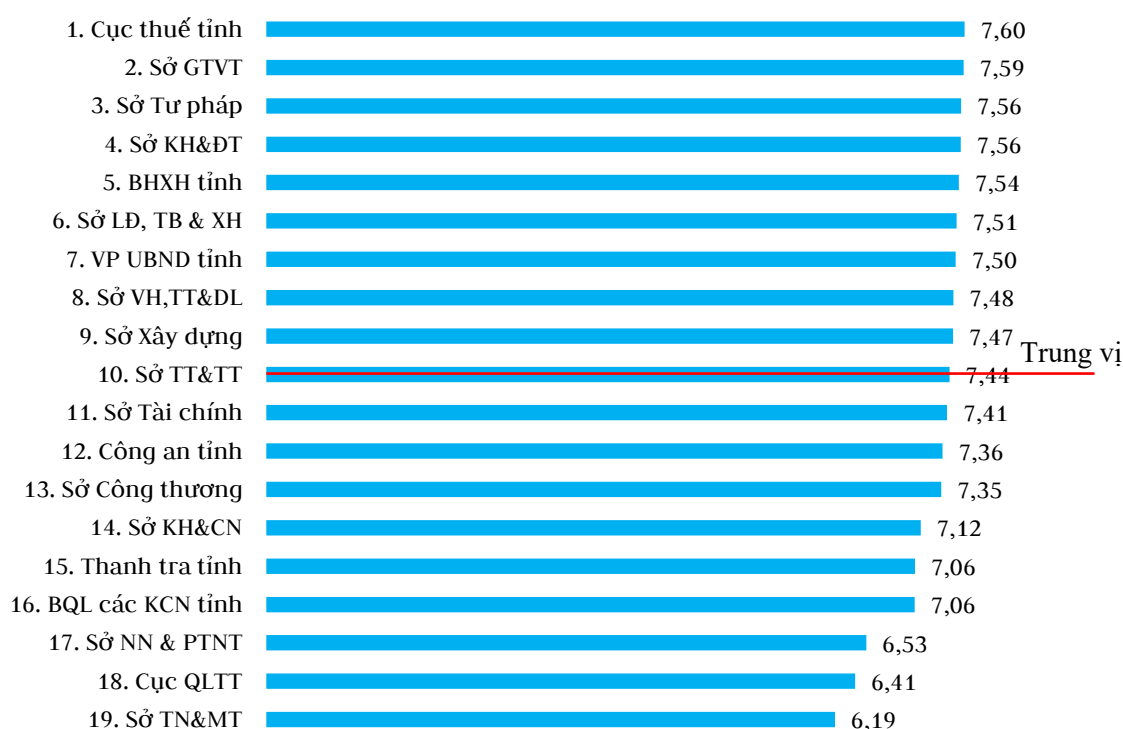
Nhìn chung, các tiêu chí trong CSTP Tính năng động được phần lớn DN đánh giá theo hướng tích cực hơn so với năm 2019. Ba tiêu chí “Sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, trao đổi trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh”; “Sở, ban, ngành kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình” và “Sở, ban, ngành chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn)” có tỷ lệ DN đánh giá tốt tăng khoảng 10% so với năm 2019. Mặc dù xu hướng cải thiện là tích cực nhưng dư địa cải thiện ở các tiêu chí này là khá lớn, như tiêu chí “Sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, trao đổi trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh” vẫn cần đến 51% để đạt mức tối đa.

⁵ Điểm số được làm tròn ở số thập phân thứ hai, do đó một số đơn vị trên hình có cùng điểm số nhưng thứ hạng khác nhau là do điểm số khác nhau ở số thập phân thứ ba trở lên

2.3.3. CSTP Chi phí thời gian

Chi phí thời gian là chỉ số đo lường thời gian DN bỏ ra để thực hiện các TTHC cũng như mức độ thường xuyên và thời gian DN phải tạm ngừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra. Năm 2020, trung vị CSTP Chi phí thời gian nhóm sở, ban, ngành đạt 7,44 điểm, tăng 1,42 điểm so với năm 2019. Đây là CSTP có điểm số trung vị cao nhất trong 8 CSTP nhóm sở, ban, ngành.

Hình 16: CSTP Chi phí thời gian các sở, ban, ngành

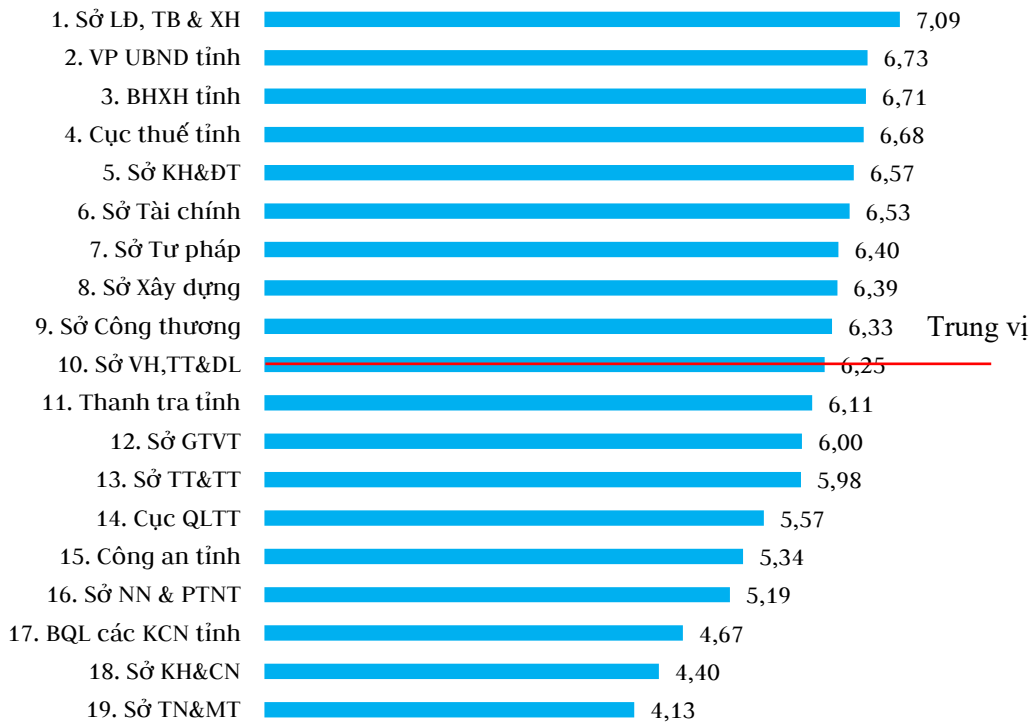


Điểm số đơn vị đứng đầu là 7,60 điểm, đơn vị đứng cuối là 6,19 điểm. Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu và cuối ở chỉ số này là tương đối ngắn, là 1,41 điểm. Dữ liệu khảo sát cho thấy trong năm 2020, địa phương vẫn còn hiện tượng thanh, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong DN. Trung vị tiêu chí “*Tỷ lệ DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm qua*” là 10%. Về cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, theo đánh giá của DN việc phối hợp giữa các đơn vị là tương đối tốt, với tỷ lệ DN đồng ý khoảng 82%. Tuy nhiên, trong nội tại mỗi đơn vị, DN cảm nhận rằng vẫn còn hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm. Trung vị tỷ lệ DN đồng ý có “*Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn*” là 17%. Mặc dù Chi phí thời gian là chỉ số được đánh giá tốt nhưng dư địa cải thiện vẫn còn nhiều.

2.3.4. CSTP Chi phí không chính thức

Điểm số CPKCT nhóm sở, ban, ngành có điểm số dao động từ 4,13 điểm đến 7,09 điểm. Chi tiết điểm số chỉ số CPKCT được biểu thị cụ thể như hình phía dưới.

Hình 17: CSTP CPKCT các sở, ban, ngành

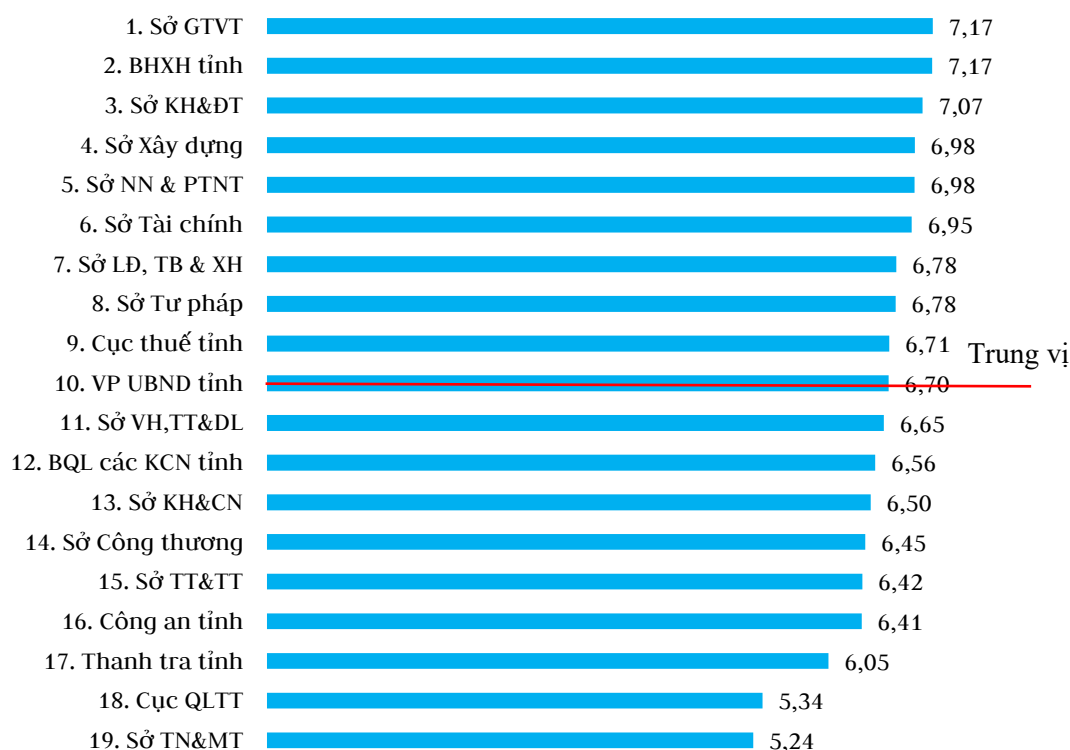


Trung vị của CSTP CPKCT đạt 6,25 điểm, tăng 0,78 điểm so với năm 2019, xếp vị thứ 6/8 CSTP. Đơn vị có điểm số cao nhất là Sở LD-TB&XH với 7,09 điểm. Hai đơn vị có điểm số đứng sau lần lượt là VP UBND tỉnh (6,73 điểm) và BHXH tỉnh với 6,71 điểm. So với năm 2019, tỷ lệ DN chi trả CPKCT đã giảm, giảm từ 16% năm 2019 xuống còn 11% năm 2020. Đánh giá về hiện tượng những nhiều, vẫn còn khoảng 15% DN cho rằng “Hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các Sở, ban, ngành”. Về mức chi phí, chỉ có khoảng 24% DN đồng ý mức chi phí chi trả đã giảm so với năm 2019. Như vậy, qua dữ liệu có thể thấy trong năm 2020, tỷ lệ DN chi trả là giảm nhưng mức chi lại tăng. Đây là điểm mà các đơn vị cần lưu ý.

2.3.5. CSTP Cạnh tranh bình đẳng

Cạnh tranh bình đẳng là 1 trong 7 CSTP có sự có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019, trung vị của CSTP này đã tăng 0,35 điểm đạt 6,70 điểm và xếp vị thứ 3/8 CSTP. Khoảng cách về điểm số của các đơn vị đã có sự thu hẹp theo chiều hướng tích cực.

Hình 18: CSTP Cạnh tranh bình đẳng các sở, ban, ngành

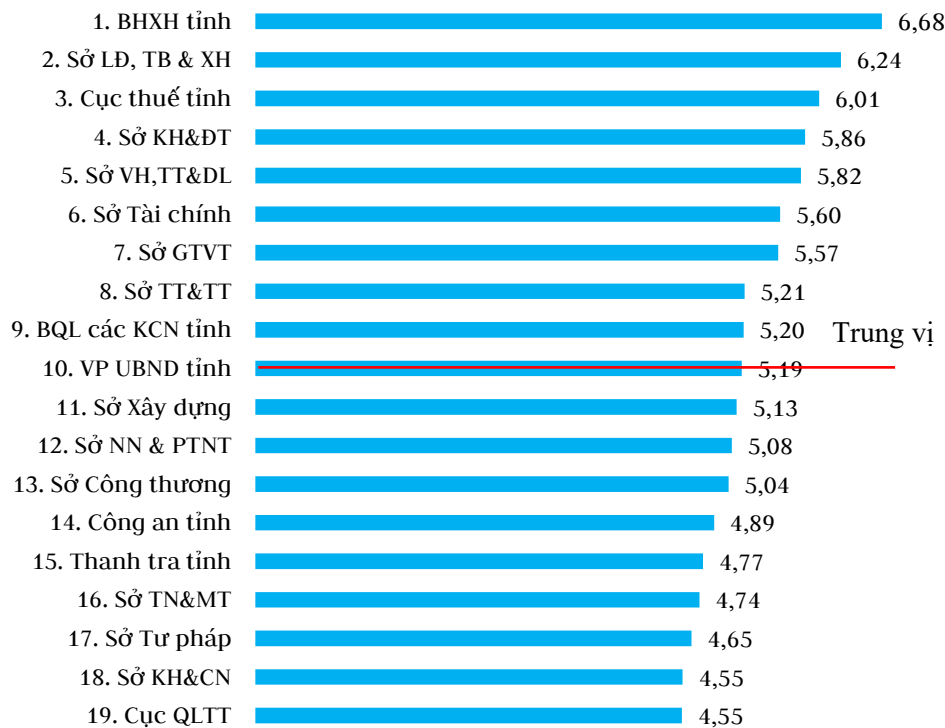


Ở CSTP Cạnh tranh bình đẳng, hai đơn vị được đánh giá tốt nhất từ DN lần lượt là Sở GTVT và BHXH tỉnh với cùng 7,17 điểm. Tiếp đến là Sở KH&ĐT với 7,07 điểm, đây là đơn vị có sự cải thiện tích cực nhất ở CSTP này so với năm 2019 khi tăng 3,38 điểm. Sở TN&MT tuy đã có sự cải thiện về điểm số khi tăng 0,43 điểm nhưng là đơn vị xếp cuối cùng với 5,24 điểm, đòi hỏi sự nỗ lực hơn nữa của đơn vị này. Cộng đồng DN tỉnh cảm nhận các sở, ban, ngành trong năm nay đã quan tâm hơn đến các DNNVV hơn năm 2019 thông qua sự tăng tỷ lệ của tiêu chí “Sở, ban, ngành thường xuyên quan tâm đến các DNNVV” từ 10% (2019) lên 17% (2020). Dữ liệu khảo sát cũng cho thấy vẫn còn hiện tượng ưu ái giữa các DN sâu sau, DN lớn so với DNNVV. Như về việc tiếp cận nguồn lực nhà nước, trung vị tỷ lệ DN đồng ý “DN sâu sau, DN thân hữu được ưu ái hơn trong tiếp cận nguồn lực nhà nước (ví dụ: đấu thầu, khoáng sản...)” là 62%; “DN lớn được nhiều cơ chế ưu đãi hơn so với DNNVV” là 65%;...

2.3.6. CSTP Hỗ trợ DN

Điểm số chỉ số Hỗ trợ DN nhóm sở, ban, ngành không quá cao. Có 6 đơn vị có điểm số dưới 5 điểm và không có đơn vị nào đạt trên 7 điểm. Nếu so với năm 2019, trung vị của chỉ số này đã giảm 0,02 điểm, đây là chỉ số giảm điểm duy nhất trong nhóm sở, ban, ngành.

Hình 19: CSTP Hỗ trợ DN các sở, ban, ngành

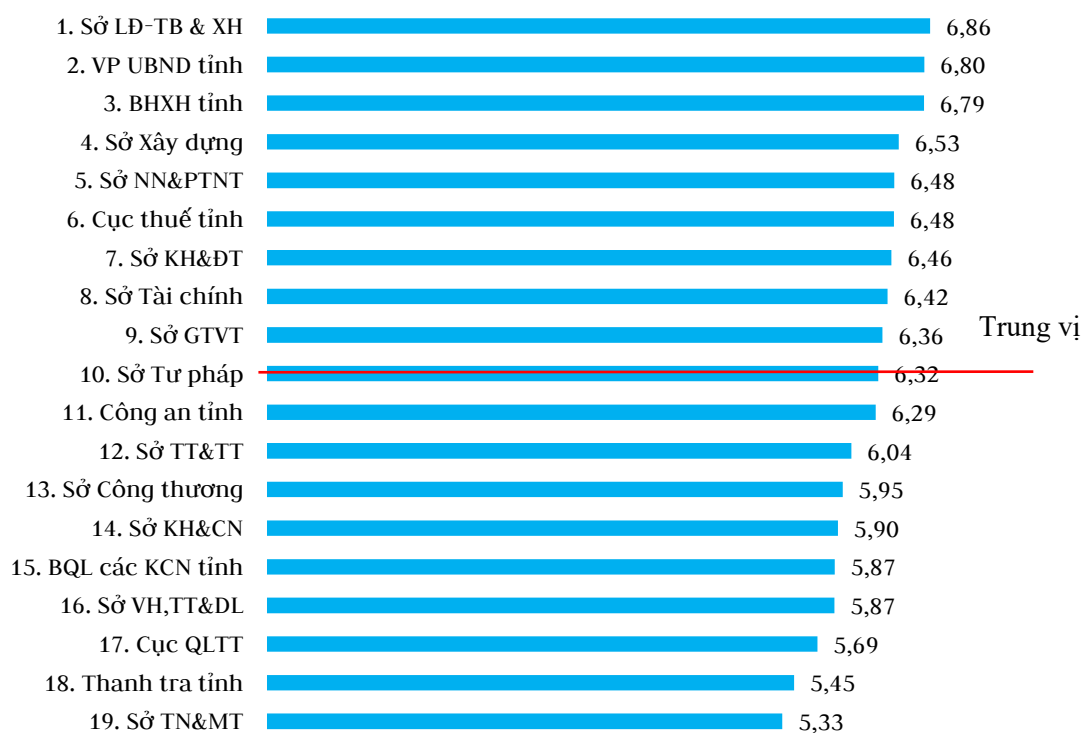


BHXH tỉnh là đơn vị có điểm số cao nhất với 6,68 điểm, hai đơn vị có điểm số cao tiếp theo là Sở LĐ-TB&XH và Cục Thuế tỉnh với điểm số lần lượt là 6,24 điểm và 6,01 điểm. Cục QLTT là đơn vị xếp ở vị trí cuối cùng với 4,55 điểm nhưng cũng đã tăng 1,41 điểm so với đơn vị đứng cuối của năm 2019. So với năm 2019, tỷ lệ DN được mời/tham gia các chương trình hỗ trợ DN hoặc buổi đối thoại đã giảm. Mặc dù vậy, DN đánh giá nội dung những chương trình/buổi đối thoại có chất lượng hơn năm 2019. Trong năm đến, khi dịch bệnh đã được kiểm soát thì các đơn vị cần lưu ý tăng cường trong công tác hỗ trợ DN hơn nữa.

2.3.7. CSTP Thiết chế pháp lý

Trung vị CSTP Thiết chế pháp lý của nhóm sở, ban, ngành đạt 6,32 điểm, tăng 1,08 điểm so với năm 2019, xếp vị thứ 5/8 CSTP. Điểm số Thiết chế pháp lý của các sở, ban, ngành được thể hiện qua hình sau:

Hình 20: CSTP Thiết chế pháp lý các sở, ban, ngành

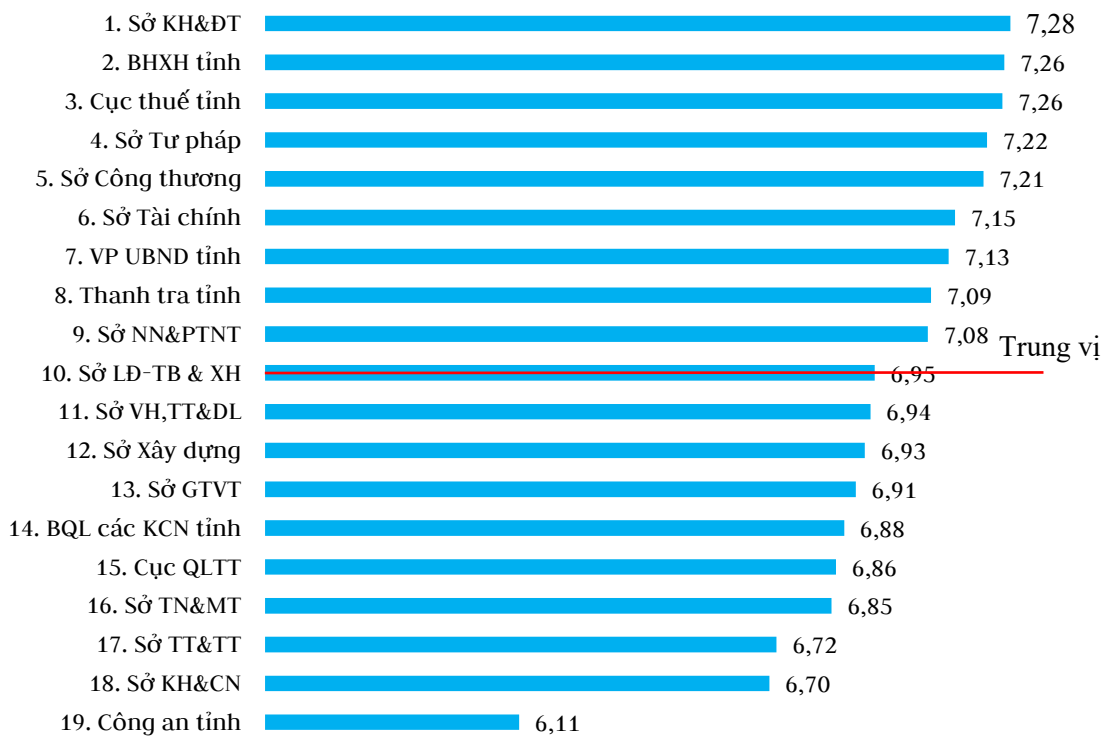


Ba đơn vị có được sự đánh giá tích cực nhất của cộng đồng DN lần lượt là Sở LD-TB&XH (6,86 điểm), VP UBND tỉnh (6,80 điểm) và BHXH tỉnh (6,79 điểm). Là đơn vị có điểm số cao nhất nhưng Sở LD-TB&XH đã giảm 1,24 điểm so với đơn vị đứng đầu của năm 2019. Sự chênh lệch về điểm số giữa các đơn vị đã được rút ngắn khi khoảng cách giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối là 1,53 điểm (khoảng cách này ở năm 2019 là 4,73 điểm). Mặc dù một số tiêu chí như “Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định”; “Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng” được đánh giá tốt hơn năm 2019 nhưng vẫn còn khá nhiều dư địa để cải thiện. Ngoài ra, các đơn vị cần lưu ý đến việc đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, khó khăn khi chỉ có khoảng 64% DN là đồng ý, giảm 7% so với năm 2019.

2.3.8. CSTP Vai trò người đứng đầu

Trong CSTP Vai trò người đứng đầu Sở KH&ĐT đơn vị có điểm số cao nhất với 7,28 điểm, BHXH tỉnh và Cục Thuế tỉnh là hai đơn vị xếp lần lượt ở các vị trí tiếp theo với cùng 7,26 điểm. Công an tỉnh là đơn vị có điểm số ở vị trí cuối cùng với 6,11 điểm, cao hơn so với đơn vị đứng vị cuối cùng năm 2019 đến 3,42 điểm, góp phần làm cho trung vị của CSTP Vai trò người đứng đầu tăng 1,70 điểm và xếp vị thứ 2/8 CSTP. Điểm số Vai trò người đứng đầu của các sở, ban, ngành được thể hiện qua hình sau:

Hình 21: CSTP Vai trò người đứng đầu các sở, ban, ngành



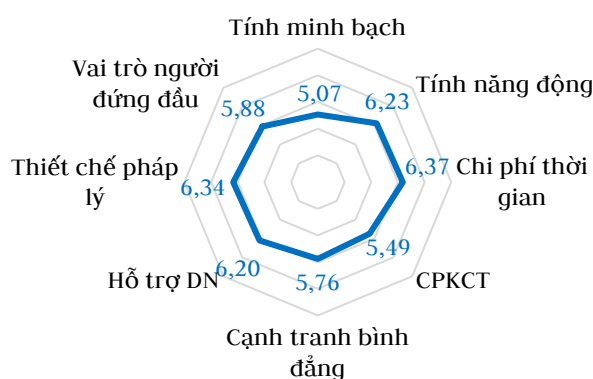
Ở CSTP này, lãnh đạo sở, ban, ngành cần quan tâm hơn nữa đến công tác cải cách hành chính khi tỷ lệ DN đồng ý “Lãnh đạo Sở, Ban, ngành có ảnh hưởng quyết định đến công tác CCHC tại địa phương” đã giảm 4% so với năm 2019 xuống còn 83%. Tiêu chí “Có hiện tượng “trên bảo dưới không nghe” diễn ra trong đơn vị” giảm mạnh từ 15% xuống còn 8%, cho thấy hiện tượng này đã có sự cải thiện theo hướng tích cực. Các tiêu chí còn lại đều có tỷ lệ % DN đồng ý cao hơn so với năm 2019, cho thấy vai trò của người đứng đầu các sở, ban, ngành trong năm 2020 đã được DN đánh giá cao.

3. Kết quả khảo sát cấp huyện

3.1. Kết quả đánh giá và xếp hạng chung cấp huyện

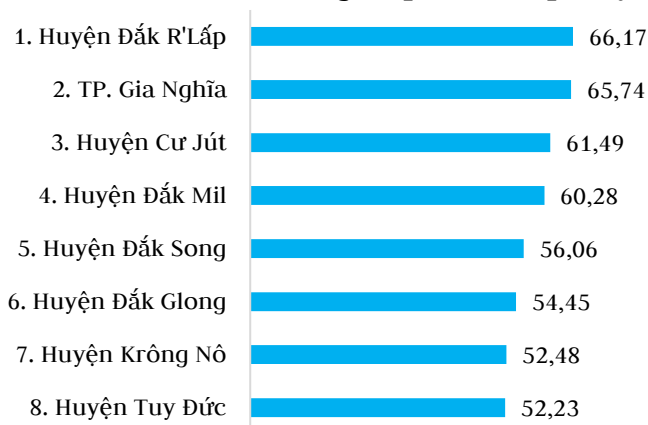
Hình 22 mô tả điểm số trung vị của nhóm cấp huyện. Trung vị điểm số nhóm cấp huyện tương đối đồng đều, khoảng cách trung vị các CSTP không quá lớn, điểm trung vị các CSTP từ 5,07 điểm đến 6,37 điểm – đây là mức điểm số không cao. CSTP có trung vị cao nhất là Chi phí thời gian với 6,37 điểm; Tính minh bạch là CSTP có trung vị thấp nhất với 5,07 điểm. Khoảng cách từ chỉ số có mức trung vị cao nhất đến mức điểm tối đa (10 điểm) là 3,63 điểm, đối với chỉ số có mức trung vị thấp nhất là 4,93 điểm. Có thể thấy, dư địa cải thiện ở các chỉ số là khá rộng.

Hình 22: Trung vị điểm số CSTP cấp huyện



DDCI Đắk Nông 2020 là kết quả tính toán theo thang điểm 100, điểm số tổng hợp có trọng số của 8 CSTP thể hiện đánh giá của DN tỉnh. Kết quả đánh giá ghi nhận 3 đơn vị có vị thứ cao nhất là huyện Đắk R'Lấp (66,17 điểm), TP Gia Nghĩa (65,74 điểm) và huyện Cư Jút (61,49 điểm).

Hình 23: Điểm tổng hợp DDCI cấp huyện



Huyện Đắk R'Lấp là đơn vị đứng đầu nhóm cấp huyện với điểm số tổng hợp là 66,17 điểm. Đơn vị này có 2/8 CSTP có điểm số cao nhất trong nhóm cấp huyện

là Tính minh bạch và Chi phí thời gian. Ở Tính minh bạch, tiêu chí có kết quả đánh giá tốt so với các đơn vị còn lại là “*DN có truy cập vào website của các Cấp huyện*” (tỷ lệ DN đã từng truy cập là 85%) và “*Cấp huyện cung cấp thông tin kịp thời*” (tỷ lệ DN đồng ý là 86%). Về Chi phí thời gian, DN đánh giá khá tốt về cơ chế phối hợp khi giải quyết thủ tục hành chính của địa phương này. Tỷ lệ DN đồng ý “*Công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN của đơn vị được thực hiện tốt*” của huyện là 84% và chỉ có khoảng 15% DN đồng ý “*Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn*”. Bên cạnh những tiêu chí được đánh giá khá tốt như trên, huyện Đắk R’Lấp cần lưu ý cải thiện chỉ số CPKCT khi vẫn còn 20% DN đồng ý hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan và chỉ có khoảng 30% DN đồng ý công việc đạt hiệu quả hơn sau khi chi trả CPKCT.

TP Gia Nghĩa là đơn vị đứng thứ 2 với 65,74 điểm. So với đơn vị đứng đầu, khoảng cách điểm số này là 0,43 điểm. Điểm mạnh của đơn vị nằm ở chỉ số Tính năng động và Cạnh tranh bình đẳng. Một số tiêu chí được DN đánh giá tốt ở chỉ số Tính năng động là “*Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật của lãnh đạo Cấp huyện*” và “*Cấp huyện chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn*”. Trong 9 tháng đầu năm 2020, TP Gia Nghĩa đã triển khai quy hoạch chi tiết của 10 dự án, tổ chức rà soát quy hoạch trên địa bàn để báo cáo UBND tỉnh cho chủ trương điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế; Ước thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố 9 tháng qua đạt hơn 591 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2019;...⁶. Những hành động của TP Gia Nghĩa đã mang lại kết quả tích cực cho nền kinh tế địa phương. Song song với những điểm mạnh, TP Gia Nghĩa vẫn tồn tại một số vấn đề cần lưu ý. Ở chỉ số CPKCT, vẫn có khoảng 21% DN cho rằng đã chi trả chi phí khi thực hiện TTHC, 22% DN đồng ý mức CPKCT giảm (đồng nghĩa có 78%DN cho rằng mức chi phí đang tăng hoặc không thay đổi),... Ở chỉ số Thiết chế pháp lý, có 19% DN cho rằng phải phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề...

Địa phương có điểm số tổng hợp DDCI cao thứ ba trong nhóm cấp huyện là

⁶ <http://baodaknong.org.vn/gia-nghia-tiem-nang-va-phat-trien/thanh-pho-gia-nghia-tap-trung-cac-giai-phap-phat-trien-kinh-te-82531.html>

huyện Cư Jút. Huyện Cư Jút có điểm số tổng hợp là 61,49 điểm, các CSTP dao động trong khoảng từ 5-7 điểm. CSTP có điểm số cao so với các đơn vị khác là CPKCT; Hỗ trợ DN và Vai trò người đứng đầu. Một số tiêu chí được DN đánh giá tốt là “*Hiện tượng nhũng nhiễu là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các Cấp huyện*” – tỷ lệ DN đồng ý là 9%; “*DN đồng ý các chương trình hỗ trợ DN là thiết thực*” – tỷ lệ DN đồng ý là 85%; “*Lãnh đạo Cấp huyện có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN*” – tỷ lệ DN đồng ý là 96%. Bên cạnh đó, huyện cần chú ý cải thiện chỉ số Tính năng động. Đa phần các tiêu chí ở chỉ số Tính năng động chưa được cộng đồng DN tỉnh đánh giá cao, như vẫn còn 34% DN đồng ý với nhận định “*Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ Cấp huyện khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên*” – cao nhất trong nhóm cấp huyện.

Nhóm 3 địa phương có điểm số tổng hợp thấp nhất trong nhóm cấp huyện là huyện Tuy Đức, huyện Krông Nô và huyện Đắk Glong.

Huyện Tuy Đức có điểm số tổng hợp là 52,23 điểm, xếp cuối cùng trong bảng xếp hạng. Ngoại trừ chỉ số Tính minh bạch, những chỉ số còn lại của huyện có vị khá thấp so với các địa phương trong nhóm cấp huyện. Có 2/8 CSTP huyện Tuy Đức xếp thứ 7 và 2/8 CSTP xếp cuối cùng trong 8 địa phương được đánh giá. Các chỉ số chưa được đánh giá tốt là Chi phí thời gian; CPKCT; Cạnh tranh bình đẳng; Thiết chế pháp lý. Một số tiêu chí mà địa phương cần lưu ý cụ thể như sau: “*Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn*” (32% DN đồng ý); “*DN có trả CPKCT*” (21% DN đồng ý có chi trả); “*Công việc đạt kết quả hơn sau khi chi trả CPKCT*” (tỷ lệ DN đồng ý là 32%); “*CPKCT được giảm bớt (về giá trị khoản CPKCT)*” (tỷ lệ DN đồng ý là 12%); “*Việc ưu ái cho các DN lớn, DN sâu sau, DN thân hữu có gây khó khăn cho DN*” (tỷ lệ DN đồng ý là 34%); “*Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định*” (tỷ lệ DN đồng ý là 76%);

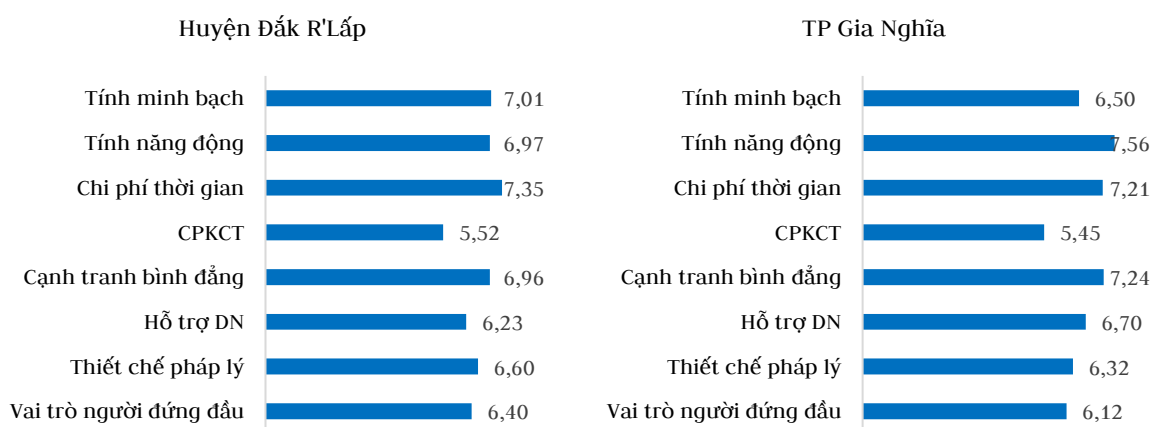
Huyện Krông Nô xếp thứ 7/8 địa phương nhóm cấp huyện. Điểm số DDCI tổng hợp của huyện Krông Nô là 52,48 điểm, cao hơn đơn vị đứng cuối 0,25 điểm. Tương tự huyện Tuy Đức, huyện Krông Nô có yếu ở nhiều chỉ số, như Tính minh bạch; Tính năng động; Chi phí thời gian; Cạnh tranh bình đẳng; Hỗ trợ DN. Nếu so sánh với trung vị, các chỉ số của huyện đều có điểm số dưới mức trung vị. Trong thời gian đến, huyện cần tập trung cải thiện ở tất cả các chỉ số, đặc biệt là chỉ số Tính năng

động; Chi phí thời gian và Cạnh tranh bình đẳng. Điểm sáng của huyện nằm ở tiêu chí “Tỷ lệ DN đi từ 1-2 lần để hoàn tất TTHC (không kể lần đến tìm hiểu đầu tiên)” (tỷ lệ DN đi 1-2 lần là 84%; “Công việc đạt kết quả hơn sau khi chi trả CPKCT” (40% DN đồng ý – mặc dù tỷ lệ này chưa cao nhưng đứng 2/8 địa phương).

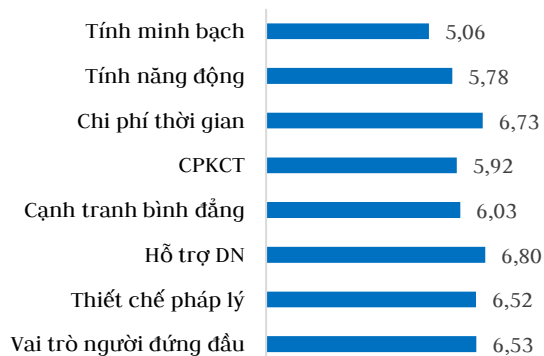
Xếp vị thứ liền trên huyện Krông Nô là huyện Đắk Glong (54,45 điểm). Huyện Đắk Glong có 3 chỉ số cần lưu ý cải thiện là chỉ số Tính năng động; Hỗ trợ DN và Vai trò người đứng đầu. Trong 3 chỉ số trên, Vai trò người đứng đầu là chỉ số xếp thứ 8/8 địa phương, 2 chỉ số còn lại xếp thứ 7/8 địa phương. Một số tiêu chí chưa được DN đánh giá cao là “Lãnh đạo Cấp huyện chưa giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của DN” (70% DN đồng ý); “Cấp huyện chủ động nghiên cứu, trao đổi trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh” (có khoảng 46% đồng ý là chủ động);... CSTP tốt nhất ở địa phương này là chỉ số CPKCT (5,74 điểm). Tuy vậy, dư địa cải thiện ở chỉ số này vẫn còn khá lớn. Trong những năm tiếp theo, huyện nên có các phương án cải thiện đồng bộ tất cả các CSTP.

Để có cái nhìn tổng quan về sự thay đổi về điểm số các CSTP cũng như những điểm mạnh và những mặt cần cải thiện của các địa phương được đánh giá, có thể tham khảo biểu đồ thể hiện CSTP từng đơn vị nhóm cấp huyện

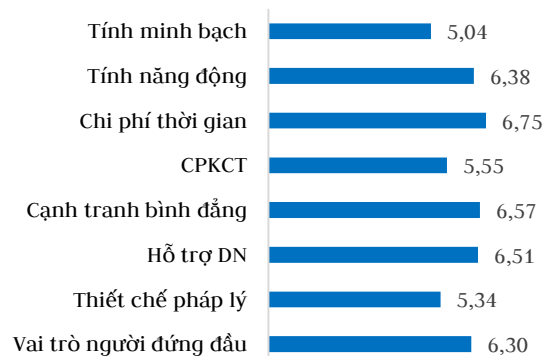
Hình 24: Biểu đồ hoạt động từng đơn vị theo CSTP cấp huyện năm 2020



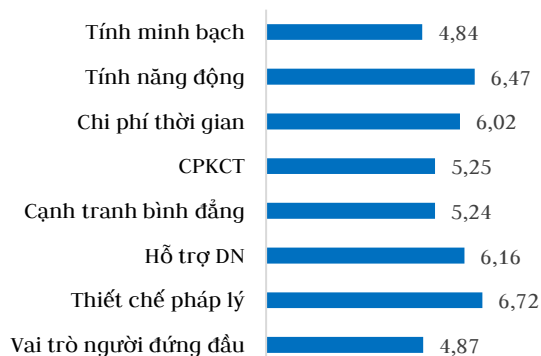
Huyện Cư Jút



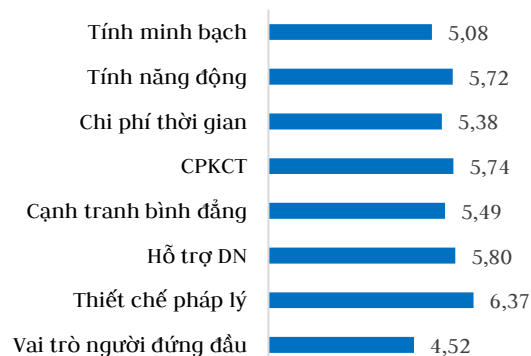
Huyện Đắk Mil



Huyện Đắk Song



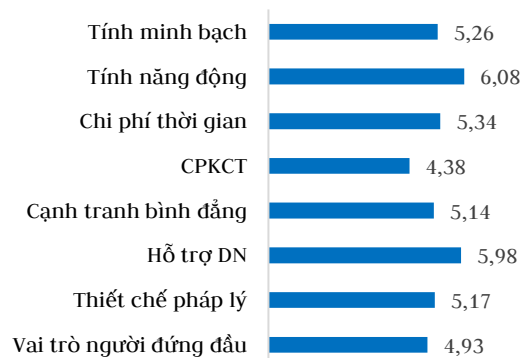
Huyện Đắk Glong



Huyện Krông Nô



Huyện Tuy Đức



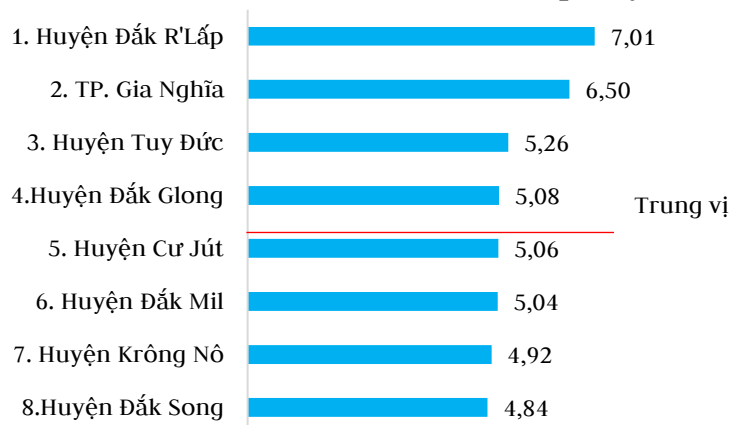
3.2. Chi tiết các CSTP cấp huyện

Có 8 CSTP đánh giá cấp địa phương. Các tiêu chí cụ thể của từng CSTP được miêu tả cụ thể ở chương I.

3.2.1. CSTP Tính minh bạch

Một trong những thay đổi chủ yếu so với chỉ số Tính minh bạch năm 2019 là sự thay thế tiêu chí “*Sự hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tới các sở, ngành/địa phương*” bằng tiêu chí “*Thái độ của cán bộ khi cung cấp thông tin cho DN*”. Về kết quả, nếu xét theo mức điểm số trung bình 5 điểm thì có 2 đơn vị có điểm số dưới 5.

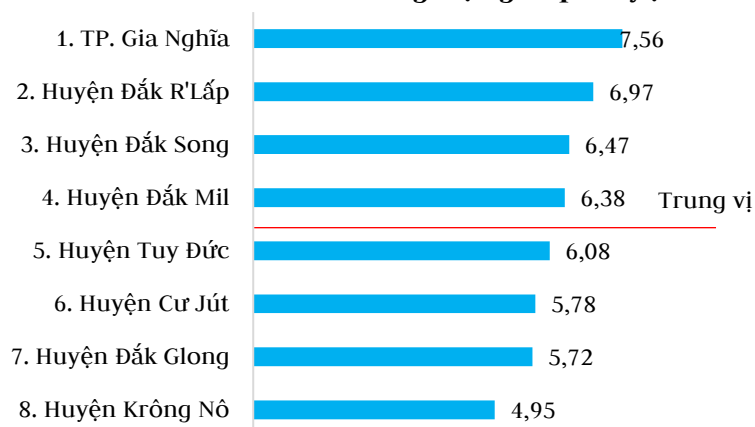
Hình 25: CSTP Tính minh bạch cấp huyện



Ba địa phương có điểm số Tính minh bạch cao nhất là huyện Đắk R'Lấp, TP Gia Nghĩa và huyện Tuy Đức với điểm số lần lượt là 7,01 điểm, 6,5 điểm 5,26 điểm. Điểm số trung vị của chỉ số Tính minh bạch là 5,07 điểm. Các tiêu chí trong chỉ số Tính minh bạch có tỷ lệ DN đánh giá không đồng đều. Tiêu chí có tỷ lệ DN đánh giá khá tốt ở chỉ số này là “*Tính hữu ích của thông tin trên Website của cấp địa phương*” – trung vị 90% DN đồng ý, “*Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin ở cấp huyện*” – 88% DN đồng ý tương đối dễ tiếp cận/dễ tiếp cận. Tiêu chí mà hầu hết địa phương cần cải thiện ở chỉ số Tính minh bạch là “*Mức độ đầy đủ, rõ ràng của nội dung thông tin*” – chỉ có khoảng 40% đồng ý là đầy đủ, rõ ràng; “*Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho DN*” – chỉ có khoảng 27% DN đồng ý cán bộ đã nhiệt tình.

3.2.2. CSTP Tính năng động

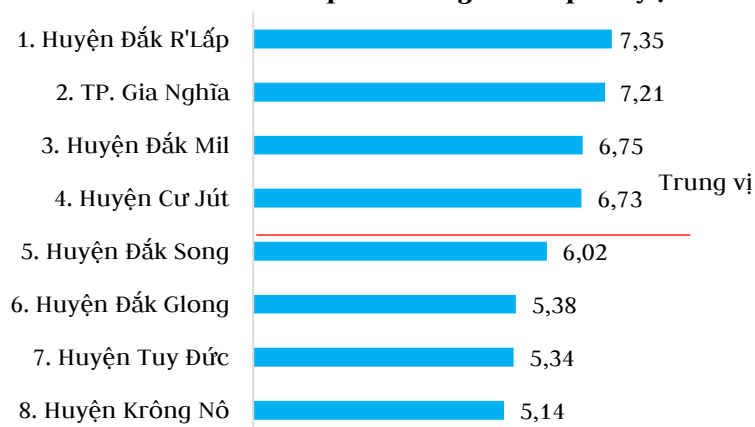
Tính năng động nhóm cấp địa phương có điểm số nằm trong khoảng từ 4,95 điểm đến 7,56 điểm. Đây là một trong ba chỉ số được DN đánh giá khá tốt ở nhóm cấp huyện.

Hình 26: CSTP Tính năng động cấp huyện

Đơn vị có điểm số tương đối tách biệt so với nhóm cấp huyện là TP Gia Nghĩa, với 7,56 điểm. Trong chỉ số Tính năng động, DN đánh giá khá tốt về tiêu chí “*Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật của lãnh đạo cấp địa phương*”, với mức trung vị là 86%. Khi được đặt câu hỏi “*Ông/bà đánh giá như thế nào về cách phản ứng của cấp huyện trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh*”, trung vị tỷ lệ DN đồng ý các địa phương đã chủ động nghiên cứu, trao đổi là 54%. Như vậy, vẫn còn phân nửa chưa thực sự chủ động. Trong năm đến, các địa phương cần lưu ý cải thiện thêm ở tiêu chí này.

3.2.3. CSTP Chi phí thời gian

Chi phí thời gian được xem xét trên cơ sở thời gian mà DN đã tiêu tốn trong việc tiếp các đoàn thanh, kiểm tra hoặc thực hiện các TTHC. Tương tự chỉ số Tính minh bạch, trong năm 2020 chỉ số Chi phí thời gian có sự thay đổi trong các tiêu chí đánh giá. Cụ thể là bổ sung thêm tiêu chí đánh giá về phối hợp, hợp tác giải quyết công việc DN của các đơn vị. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, đây là chỉ số được cộng đồng DN tỉnh đánh giá tốt nhất trong 8 CSTP.

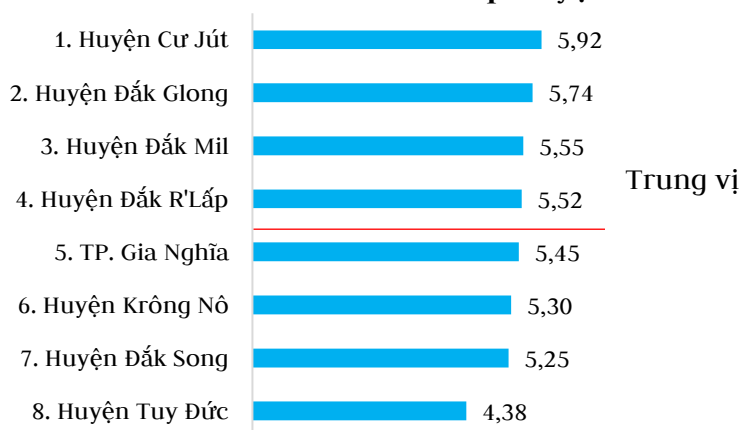
Hình 27: CSTP Chi phí thời gian cấp huyện

Trung vị của chỉ số này là 6,37 điểm. Các đơn vị có điểm số trên 7 điểm là huyện Đắk R'Lấp (7,35 điểm), TP Gia Nghĩa (7,21 điểm). Trên bình diện chung, đa phần các DN cho rằng sự hướng dẫn của cán bộ là đầy đủ, rõ ràng, với trung vị tỷ lệ DN đồng ý là 92%. Bên cạnh đó, thời gian xử lý TTHC cũng là tiêu chí được DN đánh giá khá tốt, với trung vị tỷ lệ là 89%. Về hoạt động thanh, kiểm tra, dữ liệu khảo sát chỉ ra rằng trong năm 2020 có khoảng 9% DN bị thanh, kiểm tra từ 2 lần trở lên. Mặc dù có 61% DN đồng ý các cuộc thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi, nhưng nếu hoạt động này diễn ra nhiều lần trong 1 năm thì có thể dẫn đến những tác dụng phụ không mong muốn. Về công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN, hiện nay các DN cảm nhận vẫn còn hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn, trung vị tỷ lệ DN đồng ý là 20%.

3.2.4. CSTP Chi phí không chính thức

Điểm số chỉ số CPKCT nhóm cấp địa phương không quá cao. Theo dữ liệu khảo sát, không có đơn vị nào có điểm số trên 6 điểm và có 1 đơn vị có điểm số dưới 5 điểm.

Hình 28: CSTP CPKCT cấp huyện



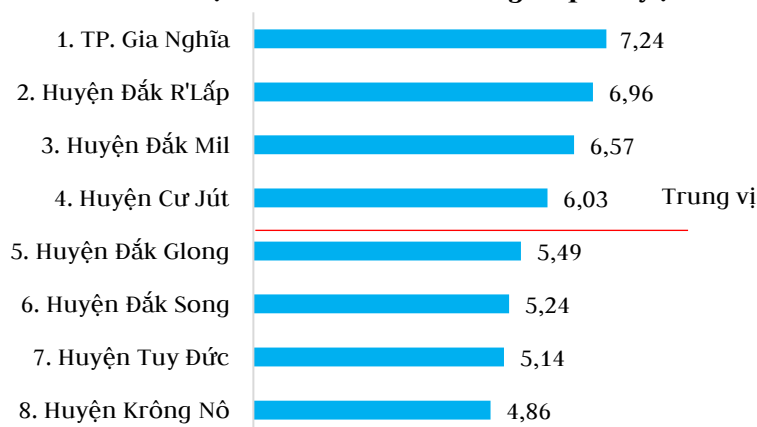
Chỉ số CPKCT có điểm số trung vị là 5,49 điểm. Huyện Cư Jút là địa phương có điểm số cao nhất với 5,92 điểm, tiếp đến là huyện Đắk Glong và huyện Đắk Mil. Trong năm 2020, tất cả các địa phương đều có hiện tượng DN phải chi trả CPKCT và vẫn tồn tại việc nhũng nhiễu trong công tác giải quyết TTHC/công việc liên quan khác. Về tiêu chí “Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được”, có khoảng 32% DN đồng ý mức chi trả là chấp nhận được. Xu thế giảm bớt về mức chi phí cũng chỉ khoảng 20%. Như vậy, việc chi trả CPKCT có thể đã trở thành gánh nặng của DN

trong quá trình hoạt động.

3.2.5. CSTP Cạnh tranh bình đẳng

Trong bối cảnh hội nhập, việc cạnh tranh bình đẳng là điều kiện tiên quyết để thu hút đầu tư. Cạnh tranh bình đẳng được khảo sát thông qua 7 tiêu chí. Hình 29 đã biểu thị điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của các địa phương.

Hình 29: CSTP Cạnh tranh bình đẳng cấp huyện



Trung vị điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng là 5,76 điểm. TP Gia Nghĩa là địa phương được đánh giá tốt nhất trong nhóm cấp huyện với 7,24 điểm. Trong 7 tiêu chí được đánh giá, tiêu chí được DN đánh giá tốt là “*Tồn tại DN sâu sau, DN thân hữu tại địa phương*”, với trung vị tỷ lệ DN đồng ý có sự tồn tại là 11%. Tuy nhiên, nếu so sánh với nhóm sở, ban, ngành thì tỷ lệ DN cho rằng cấp huyện có DN sâu sau, thân hữu hơn và sự ưu ái là cao hơn. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng ở cấp địa phương, sự đối xử bất bình đẳng giữa các DN đang tồn tại ở các lĩnh vực như tiếp cận nguồn lực nhà nước, tiếp cận thông tin, quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC,...

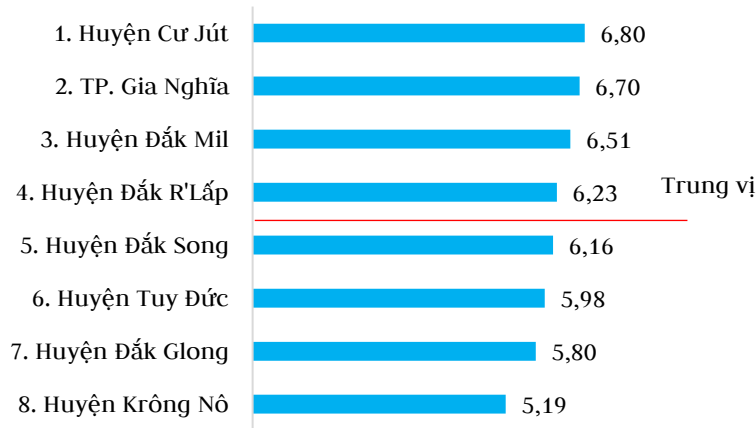
3.2.6. CSTP Hỗ trợ DN

Năm 2020, mức chênh lệch điểm số của các địa phương ở chỉ số Hỗ trợ DN nhóm cấp huyện là không đáng kể. Mức chênh lệch lớn nhất giữa 2 địa phương là 0,68 điểm. Chi tiết điểm số chỉ số Hỗ trợ DN như hình 30.

Trung vị điểm số của chỉ số này là 6,20 điểm. Trong nhóm cấp huyện, huyện Cư Jút và TP Gia Nghĩa là 2 địa phương được đánh giá tốt nhất trong công tác hỗ trợ DN. Điểm số chỉ số Hỗ trợ DN của 2 địa phương này là khá gần nhau, điểm số lần lượt là 6,80 điểm và 6,70 điểm. Trên bình diện chung, công tác phổ biến các chính sách hỗ trợ DN và tổ chức chương trình trao đổi, phổ biến thông tin đến DN đã được các địa phương quan tâm. Về chất lượng, phần lớn DN đồng ý các chương trình hỗ

trợ DN là thiết thực – trung vị tỷ lệ đồng ý là 84%. Để có thể cải thiện hơn nữa chỉ số này, các địa phương cần đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ DN trong các năm tiếp theo, cần chú ý ở tần suất các hoạt động cũng như chất lượng của từng hoạt động.

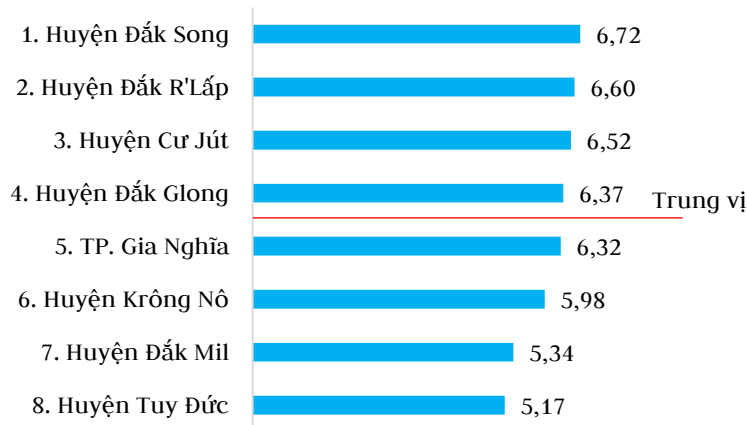
Hình 30: CSTP Hỗ trợ DN cấp huyện



3.2.7. CSTP Thiết chế pháp lý

Điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý nhóm cấp huyện có trung vị điểm số là 6,34 điểm. Điểm số của các địa phương dao động trong khoảng từ 5,17 đến 6,72 điểm.

Hình 31: CSTP Thiết chế pháp lý cấp huyện

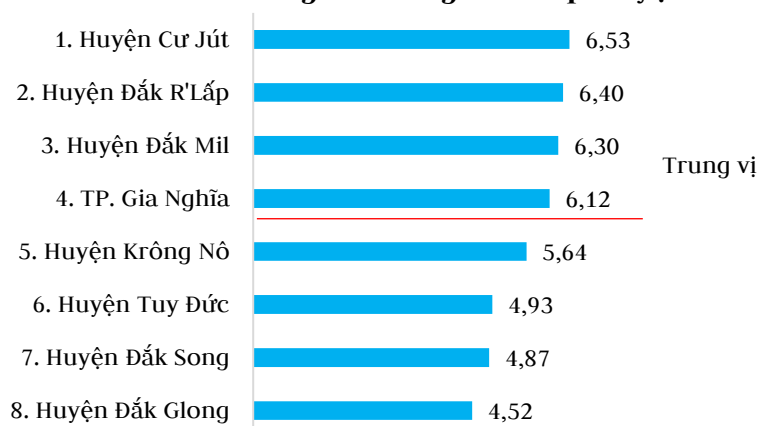


Trong chỉ số Thiết chế pháp lý, tỷ lệ DN đồng ý “Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định” là khá cao với trung vị là 87%. Mặc dù vậy, vẫn còn 12% DN cho rằng để giải quyết vấn đề thì phải vượt cấp; Cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vẫn ở mức khá khiêm tốn với trung vị là 65%. Để cải thiện CSTP Thiết chế pháp lý lãnh đạo cấp huyện cần thực hiện thường xuyên việc bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn cho các cán bộ của đơn vị để có thể xử lý các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN một cách thỏa đáng, hạn chế tình trạng kiến nghị, khiếu nại vượt cấp.

3.2.8. CSTP Vai trò người đứng đầu

Điểm số chỉ số Vai trò người đứng đầu được hiển thị như hình phía dưới. Địa phương có điểm số cao nhất trong nhóm cấp huyện là huyện Cư Jút (6,53 điểm).

Hình 32: CSTP Vai trò người đứng đầu cấp huyện



Chỉ số Vai trò người đứng đầu có trung vị điểm số là 5,88 điểm, xếp 5/8 CSTP. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng lãnh đạo cấp huyện đã có lắng nghe, tiếp thu ý kiến góp ý của DN và có hành động cụ thể, thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN. Cụ thể: Tỷ lệ DN đồng ý “Lãnh đạo Cấp huyện lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN” và “Lãnh đạo Cấp huyện có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN” đều ở mức khoảng 88%. Bên cạnh những tiêu chí đánh giá khá tốt trên, các địa phương cần lưu ý đến thời gian giải quyết vì vẫn còn 65% DN cho rằng lãnh đạo cấp huyện chưa giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của DN.

Chương 3

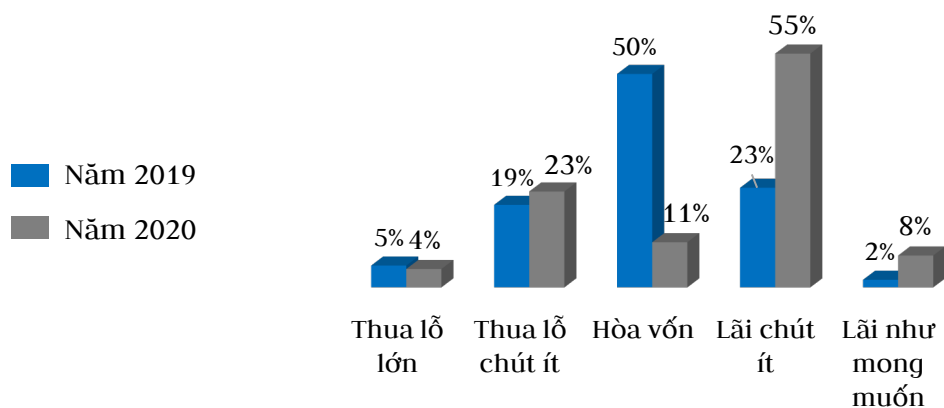
**Một Số Giải Pháp,
Khuyến Nghị Nhằm
Hỗ Trợ DN và
Cải Thiện MTKD**

1. Tình hình DN/HTX/HKD tham gia khảo sát và tác động của dịch bệnh Covid-19

1.1. Tình hình kinh doanh năm 2020 và kế hoạch trong 2 năm đến

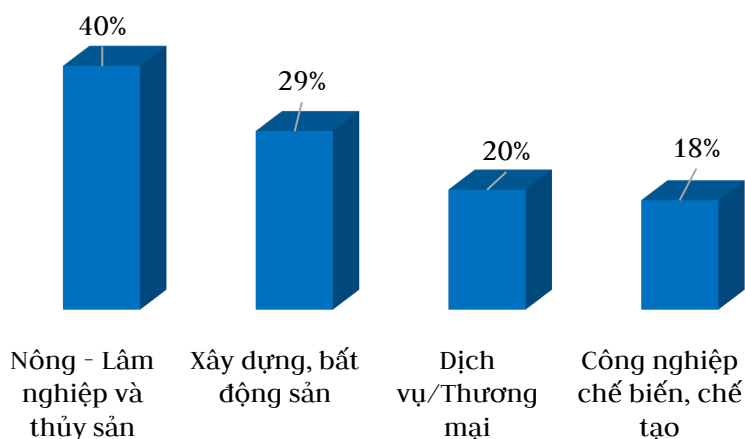
Dữ liệu khảo sát năm 2019 cho thấy tỷ lệ DN/HTX/HKD tin rằng trong năm 2020 hoạt động kinh doanh của đơn vị mình sẽ tốt chiếm tỷ lệ tương đối. Tuy nhiên, trong năm 2020, Việt Nam nói riêng và cả thế giới nói chung đã hứng chịu đại dịch lớn, khiến nền kinh tế bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng. Những ảnh hưởng từ dịch bệnh là một trong những nguyên nhân khiến DN Việt Nam không dám mở rộng quy mô, thậm chí còn giảm quy mô kinh doanh để có thể tồn tại. Đây chính là lý do khiến những kỳ vọng của cộng đồng DN tỉnh trong năm 2019 không thể hiện thực hóa ở năm 2020. Tỷ lệ DN báo lãi đã giảm mạnh so với năm 2019, tỷ lệ DN trả lời có lãi chút ít đã giảm từ 55% năm 2019 xuống chỉ còn 23% trong năm 2020, tỷ lệ DN cho biết hoạt động kinh doanh năm 2020 có lãi như mong muốn đã giảm từ 8% xuống còn 2%. Tỷ lệ DN báo có thua lỗ lớn trong năm tăng từ 4% năm 2019 lên 5% năm 2020. Mặc dù tỷ lệ DN có lãi giảm mạnh tuy nhiên tỷ lệ DN báo lỗ không gia tăng quá nhiều, chủ yếu là các DN cho biết hòa vốn (trong năm 2020 tăng 39%, đạt 50%).

Hình 33: Tình hình kinh doanh của DN



Phân tích cụ thể theo từng lĩnh vực, có thể thấy DN kinh doanh trong lĩnh vực Nông-Lâm nghiệp và thủy sản có tỷ lệ thua lỗ trong năm 2020 nhiều nhất với 40%. Lĩnh vực xây dựng, bất động sản có tỷ lệ DN báo lỗ cao thứ hai với 29%. Hai lĩnh vực Dịch vụ/Thương mại và Công nghiệp chế biến, chế tạo có tỷ lệ DN cho biết trong năm kinh doanh thua lỗ khá tương đồng nhau lần lượt là 20% và 18%.

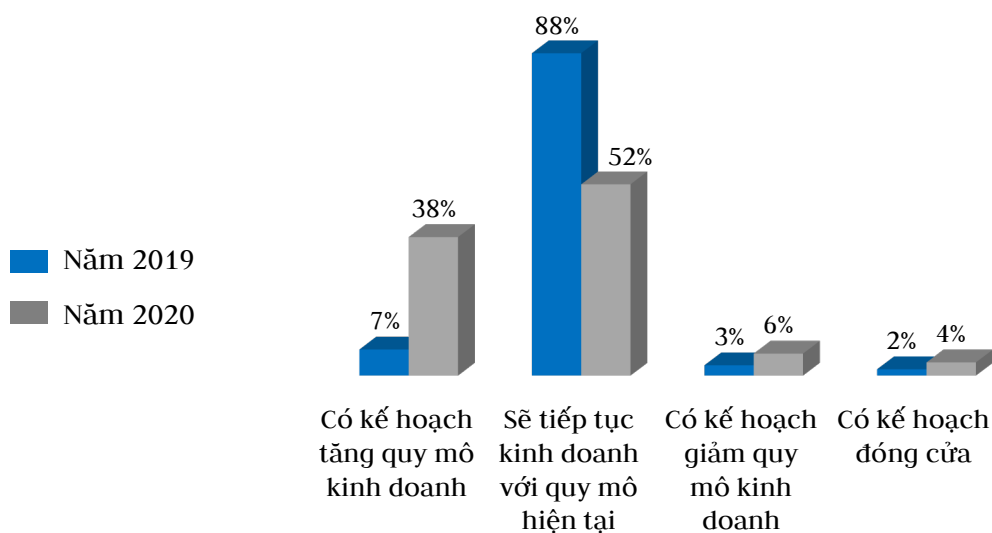
Hình 34: Tỷ lệ DN báo lỗ theo từng lĩnh vực



Dịch bệnh Covid-19 không chỉ tác động đến tình hình kinh doanh của DN trong năm 2020 mà còn ảnh hưởng đến định hướng mở rộng quy mô của các DN. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng trên bình diện chung các DN chưa muốn mở rộng quy mô của DN mình, thay vào đó là sẽ kinh doanh với quy mô hiện tại. Tỷ lệ DN cho rằng sẽ kinh doanh với quy mô hiện tại là 88%, tăng 36% so với năm 2019. Tỷ lệ DN cho biết có kế hoạch tăng quy mô kinh doanh cũng giảm 31% chỉ còn 7% trong năm 2020. Tỷ lệ DN có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh và tỷ lệ DN có kế hoạch đóng cửa cũng giảm nhẹ so với năm trước.

Với tình hình khó dự báo như hiện nay, có lẽ đây là phương hướng an toàn cho cộng đồng DN tỉnh. Nhưng nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt, ở cả nước ta và thế giới, thì niềm tin các DN sẽ mở rộng quy mô là hoàn toàn có thể.

Hình 35: Kế hoạch kinh doanh trong hai năm tiếp theo



1.2. Đánh giá về tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ DN chịu ảnh hưởng trong dịch bệnh Covid-19 tại địa phương

1.2.1. Tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của DN/HTX/HKD trong năm 2020.

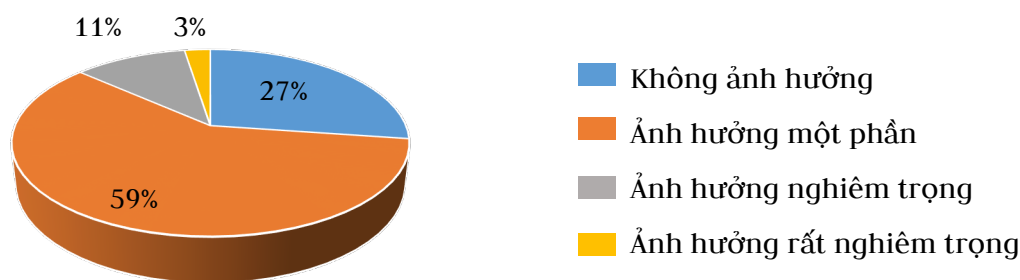
Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã gây ra tác động tiêu cực, sâu sắc đến mọi mặt đời sống của con người và ở diện rộng trên phạm vi toàn cầu. Dự báo về tăng trưởng kinh tế thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đưa ra dự báo kinh tế toàn cầu có thể giảm 4,9% trong năm 2020, mức giảm nhiều nhất trong 80 năm qua. Việt Nam là một trong số nền kinh tế hiếm hoi trên thế giới tăng trưởng dương, kim ngạch xuất nhập khẩu vẫn duy trì đà tăng và đạt mức thặng dư kỷ lục... Mặc dù được xem là điểm sáng trong phát triển kinh tế và thành công trong chống dịch với chi phí thấp nhưng nhìn chung, tình hình DN, kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều gam màu tối. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, Bộ KH&ĐT, năm 2020 ước có 101,7 nghìn DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,9% so với năm trước⁷. Tại Đắk Nông, theo Báo cáo số 1981/SKH-ĐKKD ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Sở KH&ĐT tỉnh, ước tính trong năm 2020 tỉnh có 150 DN ngừng hoạt động (tăng 10% so với năm 2019), 200 DN giải thể (tăng 70% so với năm 2019). Về tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP), theo công bố của Tổng cục Thống kê, GRDP tỉnh Đắk Nông ước đạt 4,65%, xếp thứ 02/05 tỉnh khu vực Tây Nguyên, cao hơn mức bình quân chung toàn quốc (tăng trưởng GDP cả nước ước đạt 2,91%).⁸

Theo kết quả khảo sát DDCI 2020 về những tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của DN, có đến 73% DN cho biết hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trong đó 59% bị ảnh hưởng một phần, 11% ảnh hưởng nghiêm trọng và 3% ảnh hưởng rất nghiêm trọng. Những ảnh hưởng của DN do dịch bệnh được thể hiện rõ qua tình hình kinh doanh, quy mô vốn, quy mô lao động và kế hoạch kinh doanh trong năm đến. Sự ảnh hưởng ở từng vấn đề đã được phân tích ở phần trên.

⁷ <https://vneconomy.vn/101-nghin-doanh-nghiep-ngung-kinh-doanh-nam-2020-20201228161746915.htm>

⁸ Theo Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông (https://daknong.gov.vn/tin-noi-bat1/-/view_content/93368809-hoi-nghi-tong-ket-cong-tac-nam-2020-va-trien-khai-nhiem-vu-nam-2021.html)

Hình 36: Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến DN



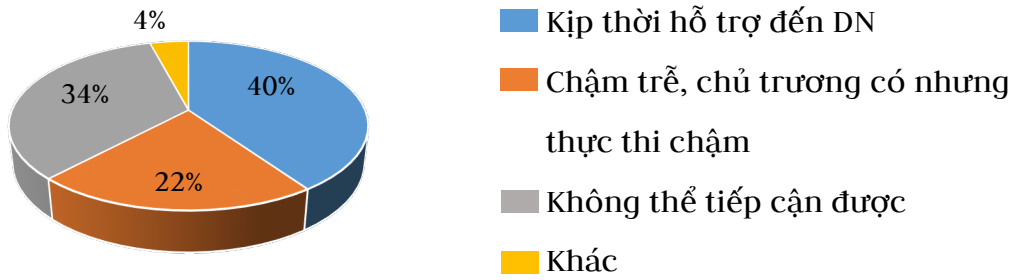
1.2.2. Công tác triển khai các chính sách hỗ trợ dưới góc độ DN và hiệu quả mang lại

Trước bối cảnh dịch bệnh và tình hình khó khăn của DN, Chính phủ cùng các cơ quan ban ngành đã ban hành nhiều gói hỗ trợ DN nhằm giúp các DN vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh trong và sau dịch bệnh Covid-19. Các gói hỗ trợ đa dạng về lĩnh vực, như (1) chính sách tiền tệ - được thực hiện thông qua Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19. (2) Chính sách tài khóa - thực hiện thông qua Nghị định 41/2020/NĐ-CP, ngày 08/4/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất. (3) Chính sách về BHXH, công đoàn và các chính sách khác.

Để đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ DN chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh tại tỉnh Đắk Nông, nhóm nghiên cứu đã đặt ra một số câu hỏi liên quan đến sự kịp thời trong công tác thực thi, đánh giá những hành động đã triển khai của tỉnh và cảm nhận của DN về tác động của từng chính sách đến DN mình. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu thêm về nhu cầu, mong muốn của DN về các lĩnh vực cần được hỗ trợ. Kết quả khảo sát như sau:

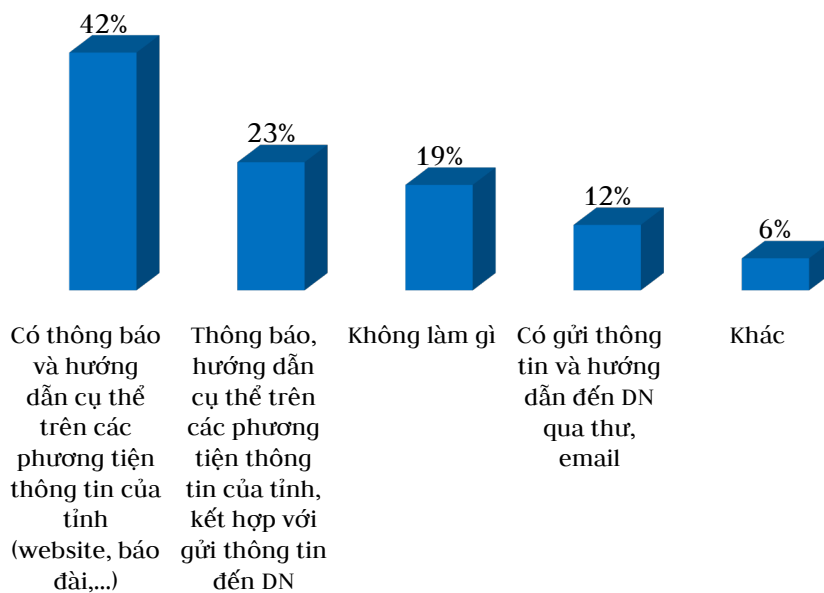
Về sự kịp thời của công tác thực thi: Mặc dù đã có các chính sách hỗ trợ, nhưng vẫn còn hơn phân nửa DN cho rằng những chính sách chưa được triển khai kịp thời, thậm chí là chậm trễ. Kết quả khảo sát cho thấy có 56% DN có cảm nhận việc ban hành chính sách là chậm trễ và DN cảm nhận không thể tiếp cận được các chính sách. Cụ thể: có 34% DN tham gia trả lời khảo sát cho biết không thể tiếp cận được chính sách hỗ trợ, 22% đánh giá chính sách ban hành là chậm trễ, chủ trương là có nhưng thực thi rất chậm.

Hình 37: Tính kịp thời của các chính sách hỗ trợ DN



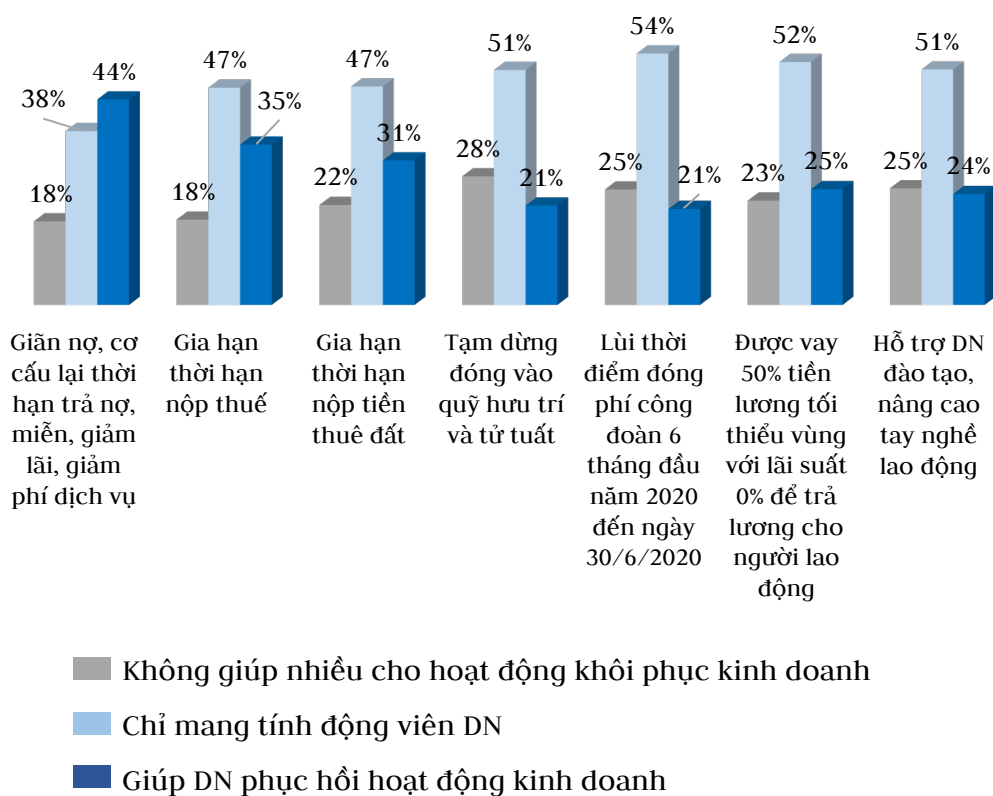
Về những hành động triển khai của tỉnh, phần lớn DN cho rằng tỉnh Đắk Nông đã tích cực trong triển khai phổ biến chính sách hỗ trợ cho DN, thông qua các phương tiện thông tin như báo, đài, trang tin của tỉnh,... hoặc gửi email, gửi thư cho các DN. Có 77% cho biết chính quyền đã có thông báo, hướng dẫn và gửi thông tin về chính sách hỗ trợ đến DN, trong đó: 42% DN cho biết có thông báo và hướng dẫn cụ thể trên các phương tiện thông tin của tỉnh; 23% cho biết có thông báo hướng dẫn cụ thể trên các phương tiện thông tin của tỉnh, kết hợp với gửi thông tin đến DN và 12% DN cho biết có gửi thông tin và hướng dẫn đến DN qua thư, email. Nhìn chung theo đánh giá của DN thì công tác triển khai các chính sách đã diễn ra khá tốt, tuy nhiên vẫn có 19% DN cho biết các cơ quan của tỉnh không làm gì để hỗ trợ DN tiếp cận các chính sách, có thể thấy vẫn còn sự không đồng đều trong công tác truyền thông, hỗ trợ DN tiếp cận các chính sách.

Hình 38: Đánh giá về triển khai chính sách



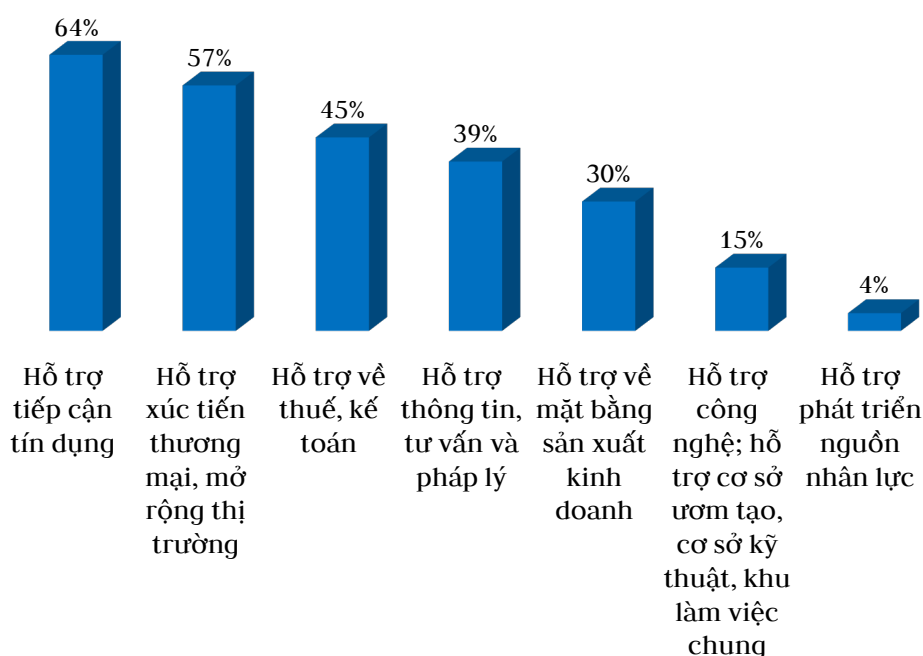
Về tính hiệu quả của chính sách: Theo đánh giá cộng đồng DN, mặc dù các chính sách, giải pháp hỗ trợ là nhiều nhưng chưa thực sự giúp ích nhiều cho DN trong phục hồi sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ DN đánh giá chính sách chỉ mang tính động viên và không giúp nhiều cho hoạt động kinh doanh ở từng chính sách là khá cao, dao động từ 56%-76%. Chính sách được DN cảm nhận tốt về lợi ích mang lại cho DN là chính sách về giãn nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giảm phí dịch vụ.

Hình 39: Đánh giá tác động của các giải pháp hỗ trợ



Về nhu cầu cần hỗ trợ của DN, 3 lĩnh vực DN mong muốn nhận được hỗ trợ từ chính quyền là hỗ trợ tiếp cận tín dụng; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; hỗ trợ thuế, kế toán.

Hình 40: Nhu cầu hỗ trợ của DN



2. Một số khuyến nghị nhằm cải thiện MTKD và hỗ trợ DN

Dữ liệu khảo sát cho thấy trong năm 2020 chất lượng điều hành của các đơn vị thuộc tỉnh đã được cải thiện so với năm 2019, như ở nhóm sở, ban, ngành: 7/8 CSTP có trung vị điểm số tăng; trung vị điểm số tổng hợp năm 2020 cao hơn so với năm 2019,... Bên cạnh những kết quả đạt được, các đơn vị được đánh giá vẫn còn một số hạn chế cần lưu ý. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát và tham khảo tình hình thực tế của địa phương thông qua các phương tiện truyền thông, các báo cáo của tỉnh,... nhóm nghiên cứu đã tiến hành tổng hợp một số vấn đề mà tỉnh cần lưu ý. Với mỗi vấn đề, nhóm nghiên cứu cố gắng đề ra những giải pháp phù hợp hoặc trình bày định hướng nhằm giải quyết vấn đề. Nhóm nghiên cứu hy vọng những khuyến nghị dưới đây có thể trở thành nguồn tham khảo hữu ích cho tỉnh trong công tác hoạch định và triển khai các hoạt động cải thiện MTKD, hỗ trợ DN.

Những khuyến nghị trong phần này được chia thành 2 nhóm: Khuyến nghị giúp hỗ trợ và nâng cao năng lực cho DN; Khuyến nghị về cải thiện MTKD và chất lượng điều hành.

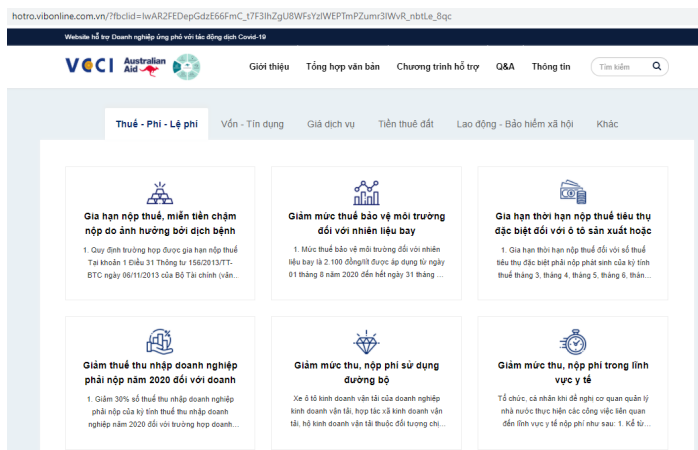
2.1. Khuyến nghị giúp hỗ trợ và nâng cao năng lực cho DN

2.1.1. Biên soạn và tăng cường phổ biến các chính sách hỗ trợ DN

Khi được đặt câu hỏi “Để phục hồi và phát triển hoạt động kinh doanh, DN cần chính sách hỗ trợ nào nhất?”, 3 lĩnh vực mà DN mong muốn nhận sự hỗ trợ từ Chính quyền là tiếp cận tín dụng (63,73%); xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường (56,65%); thuế, kế toán (44,64%). Những lĩnh vực mà DN muốn nhận hỗ trợ không phải là lĩnh vực mới, và thực tế đã có chính sách hỗ trợ liên quan đến các lĩnh vực này. Để hiểu rõ hơn về công tác hỗ trợ DN của tỉnh, nhóm nghiên cứu đã tiến hành rà soát sơ bộ về các chính sách hỗ trợ mà tỉnh ban hành. Kết quả rà soát cho thấy hiện nay tỉnh Đắk Nông có khá nhiều văn bản liên quan đến công tác hỗ trợ DN, ở các lĩnh vực như hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ DN nhỏ và vừa, chính sách khuyến công, hỗ trợ DN trẻ,... Trong nguồn lực có hạn của Chính quyền, việc hỗ trợ DN không thể diễn ra ở tất cả các DN. Việc các DN không thể tiếp cận được chính sách hỗ trợ là do nhiều nguyên nhân, như công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ DN chưa thật sự khoa học và hiệu quả; DN vẫn còn tâm lý ngại tiếp cận các chính sách hỗ trợ DN; Bản thân các cơ quan thực hiện hỗ trợ chưa đơn giản hóa TTHC; Nội dung chính sách hỗ trợ còn nhiều bất cập;...

Liên quan đến công tác truyền thông, phổ biến chính sách, nhóm nghiên cứu đã tiến hành rà soát sơ bộ website của các đơn vị được đánh giá và một số trang tin khác của tỉnh. Kết quả rà soát cho thấy cổng thông tin điện tử của các đơn vị đa phần là có đăng tải thông tin về chính sách, nhưng trước đó nhà đầu tư, DN phải biết có văn bản đó rồi mới vào mục văn bản pháp luật để tìm kiếm, hoặc phải gõ tên chính sách vào mục “tìm kiếm” thì sẽ xuất hiện các bài viết liên quan. Các trang web đa số không có chuyên mục Hỗ trợ phát triển DN. Theo quy định tại Nghị Quyết 35/NQ-CP ban hành ngày 16 tháng 5 năm 2015 về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020, các cổng thông tin điện tử phải mở chuyên mục về hỗ trợ phát triển DN. Như vậy, các trang thông tin điện tử của tỉnh hiện nay vẫn chưa thực hiện, thực hiện chưa tốt quy định này.

Hình 41: Trang web về các chương trình hỗ trợ DN của VCCI



Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và các DN nói riêng đang phải đương đầu với những khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, với nhiệm vụ: "Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tư vấn thực thi chính sách, pháp luật; phổ biến, cung cấp, hỗ trợ thông tin kinh doanh, khoa học kỹ thuật cho cộng đồng DN", VCCI đã xây dựng và phát triển website <http://hotro.vibonline.com.vn/> nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi nhất để các DN tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước. Tỉnh có thể tham khảo cách làm này để tăng cường tuyên truyền, qua đó giúp hoạt động hỗ trợ DN đạt được hiệu quả tốt nhất.

2.1.2. Tỉnh cần đẩy mạnh việc hoàn thiện cơ chế chính sách trong hợp tác công tư:

Đây là một xu hướng của các nước phát triển hiện nay, thay vì sử dụng nguồn lực tài chính có hạn từ NSNN thì cần có cơ chế chính sách thu hút nguồn tài chính từ khu vực tư nhân dựa trên phương thức hợp tác công tư. Phương thức này đã được Quốc hội Khóa 14 ban hành Luật 64/2020/QH14 về Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, có hiệu lực vào ngày 01/01/2021. Bên cạnh lợi ích về huy động nguồn lực, thì có thể thấy động lực, khả năng quản trị trong khu vực tư cho các dự án kinh tế thường tốt hơn khu vực công, qua đây giúp nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư, giảm rủi ro trong đầu tư công do nhà nước không phải trực tiếp đầu tư, trực tiếp quản trị, chuyển rủi ro đầu tư cho thị trường...

Điều tỉnh cần làm là cần có cơ chế để tuyển chọn, giám sát việc quản lý sử dụng các nguồn lực của nhà nước giao cho đầu tư theo phương thức hợp tác công tư phải đảm bảo nguyên tắc sử dụng đúng mục đích, nguồn lực của nhà nước chỉ giao cho nhà đầu tư nào có năng lực, sử dụng hiệu quả nhất nguồn lực, hài hòa lợi ích của nhà đầu tư, lợi ích chung của tỉnh.

2.1.3. Hỗ trợ cho DN mới thành lập

Trong bối cảnh gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19, có không ít DN phải dừng hoạt động kinh doanh, tuy nhiên khoảng thời gian sau đại dịch cũng là cơ hội để cho nhiều DN thành lập mới tận dụng những thị trường mà các DN dừng hoạt động để lại cũng như các cơ hội do nền kinh tế đang dần hồi phục. Các DN hình thành mới trong thời gian sau dịch bệnh sẽ gặp nhiều khó khăn hơn do đó sự hỗ trợ của chính quyền trong thời gian này là rất trân quý. Tỉnh nên nghiên cứu xem xét ban hành miễn các khoản phí, lệ phí liên quan đến việc thành lập DN mới từ năm 2021 để động viên, khuyến khích DN mới thành lập. Ước tính phí, lệ phí khoản 600.000 đồng/DN, giả sử mỗi năm có 900 DN thành lập mới (số DN thành lập mới của tỉnh năm 2019 là khoảng 900 DN) thì mức giảm thu là khoảng 540 triệu đồng/năm – mức giảm không nhiều nhưng hiệu quả của chính sách mang tính động viên, khích lệ DN mới là rất rõ ràng.

2.1.4. Tỉnh cần rà soát các chính sách hỗ trợ DN để tối ưu hóa tác động của các chính sách đến hoạt động của DN.

Trong bối cảnh khó khăn vì ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và những thách thức đối với cộng đồng DN trong nước khi Việt Nam bước vào quá trình hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế, các chính sách hỗ trợ DN của tỉnh bước đầu phải giúp DN vượt qua những khó khăn của dịch bệnh, bên cạnh đó cũng phải hỗ trợ DN có đủ năng lực cạnh tranh vươn ra thị trường khu vực và thế giới để tận dụng cơ hội do các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mang lại.

Hiện nay, tỉnh đã triển khai những chính sách hỗ trợ DN khắc phục ảnh hưởng của đại dịch cùng với các chính sách giúp các DN tận dụng các cơ hội từ những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mang lại. Tuy nhiên tỉnh cũng cần phải rà soát, đánh giá lại hiệu quả của những chính sách đang thực hiện, mức độ hiệu quả đến với cộng đồng DN tỉnh, những khó khăn của DN khi tiếp cận các chính sách... Nếu có được những đánh giá khách quan, sát thực về hiệu quả của các chính sách, thì các cơ quan của tỉnh có thể có những điều chỉnh cần thiết để các chính sách hỗ trợ DN mang lại ảnh hưởng sâu rộng hơn đến cộng đồng DN của tỉnh.

Để triển khai việc rà soát có hiệu quả hơn, tỉnh có thể xem xét áp dụng một số đề xuất sau. Một, các sở, ban, ngành và cấp huyện cần chủ động phối hợp với HHĐN trong việc nắm bắt tình hình triển khai các chính sách hỗ trợ. Hai là cần có

đầu mối tổng hợp thông tin việc triển khai các chính sách, số lượng DN/HTX/HKD tiếp cận được chính sách hỗ trợ, có vướng mắc, khó khăn gì hay không, vướng mắc đó nằm ở quy định chính sách, hay là việc thực thi chính sách. Thứ ba là đưa nội dung triển khai và kết quả này vào các cuộc họp hoặc báo cáo kinh tế xã hội định kỳ của tỉnh và các địa phương. Và cuối cùng UBND tỉnh cần xem xét có nên thành lập một tổ công tác riêng về vấn đề này hay không.

2.1.5. Hỗ trợ các DN trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng do tác động của dịch Covid-19

Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp hỗ trợ của Chính phủ nhằm giúp DN phục hồi sau đại dịch, tỉnh nên rà soát, xem xét bổ sung thêm, miễn giảm các chi phí thuộc thẩm quyền của tỉnh cho các DN thuộc các ngành nghề bị ảnh hưởng nặng do tác động của Covid-19.

Theo kết quả khảo sát DDCI Đắc Nông 2020, các DN ở lĩnh vực Nông-Lâm nghiệp và thủy sản có tỷ lệ thua lỗ trong năm 2020 nhiều nhất với 40%, tiếp theo là các DN ở lĩnh vực xây dựng, bất động sản và dịch vụ/thương mại. Trong lĩnh vực Dịch vụ/Thương mại thì các DN trong ngành du lịch sẽ bị nhiều ảnh hưởng nhất, các DN trong lĩnh vực Nông, lâm, thủy sản cũng gặp nhiều khó khăn khi đầu ra của sản phẩm trong và ngoài nước bị hạn chế do dịch bệnh. Các đơn vị cần rà soát các khoản thuế, phí thuộc thẩm quyền của tỉnh trong các lĩnh vực nông-lâm-thủy sản, xây dựng/bất động sản và du lịch với phương châm ưu tiên là miễn – giảm – hoãn cho DN đến ít nhất hết năm 2021 để DN có thời gian và nguồn lực để phục hồi hoạt động kinh doanh. Ngoài ra xem xét, bổ sung các DN trong các lĩnh vực trên vào đối tượng cho vay ưu đãi từ các nguồn, quỹ của tỉnh.

2.1.6. Hỗ trợ DN về lao động, BHXH, bảo hiểm thất nghiệp

Sở LĐ-TB&XH và BHXH tỉnh xem xét và thực hiện nhanh chóng các thủ tục liên quan đến hỗ trợ người lao động nhận các chế độ, chính sách liên quan đến bảo hiểm thất nghiệp, qua đây giúp DN tái cơ cấu lao động, cắt giảm chi phí do quy mô sản xuất, kinh doanh bị thu hẹp do dịch bệnh. Do ảnh hưởng của Covid-19, một số DN đã và đang cắt giảm lao động. Do vậy, ngoài việc giải quyết các chế độ cho người lao động mất việc theo quy định bảo hiểm thất nghiệp thì các cơ quan quản lý nhà nước về lao động chuẩn bị và triển khai các hoạt động đào tạo, đào tạo lại cho các lao động mất việc nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn để chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao hơn cho giai đoạn phục hồi sau dịch bệnh.

2.2. Khuyến nghị về cải thiện MTKD và chất lượng điều hành

2.2.1. *Thực hiện nghiêm túc văn bản số 4606/UBND-KTTH ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh về triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.*

Năm 2019, trên cơ sở dữ liệu khảo sát và tình hình thực tế tại địa phương, VCCI Đà Nẵng đã nêu 6 khuyến nghị nhằm cải thiện MTKD của tỉnh tại báo cáo DCI Đắc Nông 2019. Sau khi báo cáo DCI được công bố, những thông tin từ báo cáo đã được UBND tỉnh xem xét, tham khảo. Ngày 09 tháng 09 năm 2020, UBND tỉnh Đắc Nông ban hành văn bản số 4606/UBND-KTTH về triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh chỉ đạo “*để tiếp tục triển khai hiệu quả việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đẩy mạnh hiệu quả, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện các khuyến nghị của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh...*”. Việc ra đời của văn bản số 4606/UBND-KTTH có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác thực thi và không chỉ các sở, ban, ngành, mà các huyện/TP cần tham khảo các khuyến nghị trong văn bản này. Trước mắt, các đơn vị cần nghiêm túc nghiên cứu các nội dung, tiêu chí mà đơn vị mình còn yếu, tránh tình trạng “*...chưa thực sự đồng hành cùng DN trong giải quyết khó khăn, vướng mắc, chưa thực sự hiểu đúng về ý nghĩa của các CSTP mà DN đánh giá, dẫn đến việc đưa ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành chưa sát...*”. Những giải pháp tại văn bản 4606/UBND-KTTH có thể chỉ mang tính định hướng, vì vậy, các đơn vị cần cụ thể hóa các nội dung để phù hợp hơn với đơn vị mình.

2.2.2. *Tối ưu hóa công tác thanh, kiểm tra DN và cơ quan nhà nước.*

Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ và Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ nêu rõ đối với hoạt động thanh, kiểm tra DN, thực hiện không quá 01 lần/ năm, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng. Từ khi ban hành cho đến nay, quy định này được xem là điểm sáng trong hoạt động hỗ trợ DN của Chính phủ. Mặc dù đã quy định rất rõ về việc thanh, kiểm tra DN, nhưng ở cấp thực thi, tinh thần của Nghị quyết 35 và Chỉ thị 20 vẫn chưa hoàn toàn đảm bảo. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng trong năm 2020, tỷ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 2 lần trở lên

ở nhóm sở, ban, ngành là 10%, nhóm cấp huyện là 9%. Đáng lưu ý hơn, một bộ phận lớn DN bị thanh, kiểm tra từ 2 lần trở lên cho rằng nội dung thanh, kiểm tra là trùng lặp (tỷ lệ đồng ý ở nhóm sở, ban, ngành là 81%; nhóm cấp huyện là 77%).

Đối với công tác thanh tra công vụ trong cơ quan nhà nước, dưới góc nhìn của DN, đây là hoạt động hữu ích. Thực hiện nghiêm túc hoạt động này, chính quyền các cấp, các đơn vị có thể đánh giá bao quát chất lượng cán bộ, nhân viên tại đơn vị mình. Qua đó, có các giải pháp phù hợp giúp nâng cao năng lực chuyên môn hoặc hạn chế tình trạng những nhiều, gây khó khăn cho DN. Theo báo cáo số 628/BC-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trong năm 2020, “...ngành Thanh tra đã tiến hành 23 cuộc thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu tại 24 cơ quan, đơn vị ...”. Nếu so sánh với hoạt động thanh, kiểm tra DN thì số lượt thanh tra công vụ trong cơ quan nhà nước còn tương đối hạn chế.

Nhằm tối ưu hóa công tác thanh, kiểm tra trong DN và cơ quan nhà nước, tỉnh có thể xem xét một số biện pháp sau:

Thứ nhất: Thực hiện đúng tinh thần của Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ về Hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020: “*Công khai trước kế hoạch thanh tra, kiểm tra và kiểm toán DN để tránh trùng lặp, chồng chéo; Không thanh tra, kiểm tra khi không có căn cứ theo quy định của pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực về quản lý thuế.*” và “*Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá một lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng*” và trong trường hợp này phải có ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh. Tuân thủ Chỉ thị 20 của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/5/2017 về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với DN. Theo đó: “*Khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với DN*”; “*... nội dung thanh tra phải giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước được giao*” và “*Trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, chỉ ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm rõ ràng*”...

Thứ hai: Tăng cường công tác theo dõi, nắm bắt tình hình, thu thập và phân tích các dữ liệu thu thập được để đánh giá tình hình chấp hành, tuân thủ pháp luật của các DN. Qua đó, nếu thấy DN nào có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến thanh tra hoặc kiểm tra đột xuất. Trong công việc này, việc hợp tác chia sẻ dữ liệu về DN giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh là hết sức quan trọng. Nếu có sự phối hợp và chia sẻ dữ liệu tốt, chắc chắn các cơ quan nhà nước sẽ phát hiện những DN vi phạm pháp luật mà không phải thường xuyên thanh, kiểm tra DN như lâu nay, gây phiền phức, tốn kém cho những DN làm ăn chính đáng.

Thứ ba, trước mắt, tỉnh phải vận dụng mức phạt cao nhất theo quy định cho phép đối với các DN cố tình vi phạm để hưởng lợi bất chính. Về lâu dài, cần đề nghị Quốc hội, Chính phủ tăng mức phạt để đủ sức răn đe đối với các DN gian dối và thu lại những khoản lợi bất chính từ những DN này để có nguồn kinh phí cho hoạt động thanh, kiểm tra.

Thứ tư, tăng cường công tác thanh tra công vụ. Công tác thanh tra, kiểm tra công vụ nếu được đẩy mạnh sẽ góp phần chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, nâng cao chế độ kỷ luật trong hoạt động công vụ, duy trì trật tự kỷ cương, thái độ phục vụ người dân, DN trong hoạt động thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

2.2.3 Gắn kết việc thực hiện nhiệm vụ được giao với công tác đánh giá cán bộ

Khảo sát DDCI Đắc Nông 2020 bổ sung thêm tiêu chí “*Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn*”. Đối với nhóm sở, ban, ngành, trung vị tỷ lệ DN cảm nhận “*Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn*” là 17%, đối với nhóm cấp huyện tỷ lệ trung vị là 20%. Những con số trên là không hề thấp. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng trong các đơn vị vẫn còn hiện tượng “*trên bảo dưới không nghe*”. Theo kết quả khảo sát, trung vị tỷ lệ DN cảm nhận “*Hiện tượng “trên bảo dưới không nghe” là nghiêm trọng*” ở các sở, ban, ngành và cấp huyện đều ở mức 8%.

Để hạn chế hiện tượng trì hoãn, đùn đẩy công việc của cán bộ cũng như hiện tượng cấp trên đề ra sáng kiến, quyết định tốt nhưng không được thực hiện tốt ở

cấp dưới, việc thực hiện nhiệm vụ cần được gắn chặt với trách nhiệm của cán bộ thực hiện nó. Các đơn vị cần xây dựng cơ chế đánh giá cán bộ tương ứng với việc hoàn thành nhiệm vụ được giao, đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của cán bộ. Kết quả thực hiện công việc này nên được công khai trong nội bộ cơ quan và là cơ sở để thực hiện công tác đánh giá cán bộ. Việc này sẽ hạn chế được tình trạng trì hoãn trong việc thực hiện TTHC của cán bộ, cũng sẽ tạo động lực để cán bộ thực thiện công việc của mình tốt hơn và có thái độ tích cực hơn với DN cũng như người dân

2.2.4. Tăng cường hiệu quả các chương trình đào tạo, hỗ trợ và đối thoại DN

Trong năm trước, nhóm nghiên cứu đã đề nghị các đơn vị mở rộng mời các đối tượng tham gia các chương trình do các sở, ban, ngành và các địa phương tổ chức thông qua các HHDN và thường xuyên thay đổi và cập nhật những nội dung đào tạo mới. Để tiếp tục tăng hiệu quả các chương trình đào tạo, hỗ trợ DN và đối thoại DN, nhóm nghiên cứu bổ sung thêm một số đề xuất như:

Đối với các hoạt động hỗ trợ, đào tạo DN nên tích cực mở rộng các nội dung đào tạo mới đặc biệt là những tác động từ các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Các đơn vị nên phối hợp với các tổ chức đào tạo hoặc các tổ chức đại diện DN để triển khai các hoạt động này. Với mạng lưới chuyên gia uy tín và kinh nghiệm nhiều năm triển khai các hoạt động hỗ trợ DN, VCCI sẵn sàng đồng hành với các cơ quan của tỉnh để triển khai các chương trình hỗ trợ DN.

Đối với hoạt động đối thoại DN, cần tiến hành tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ sở, ban, ngành, cấp huyện và HHDN trên địa bàn về triển khai công tác đối thoại DN và cả công tác hỗ trợ DN (kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tốt từ các địa phương khác). Đối với các ý kiến không trả lời được ngay tại các hội thảo thì cần trả lời bằng văn bản, qua cổng thông tin điện tử, website các đơn vị, gửi email hoặc thư trả lời cho DN. Cần nghiên cứu, cải thiện cơ chế hiện có để việc tiếp nhận và giải quyết kiến nghị của DN tại các cơ quan cấp địa phương nhanh chóng và hiệu quả hơn nữa. Đối với các vấn đề cần các cơ quan Trung ương giải quyết thì ngoài việc chuyển kiến nghị, theo dõi quá trình giải quyết của các cơ quan Trung ương thì cũng cần phải thông báo tiến trình giải quyết kiến nghị cho DN được biết. Điều này sẽ làm cho các DN có nhiều niềm tin về hiệu quả các cuộc đối thoại, thu hút nhiều đối tượng tham gia hơn.

2.2.5. Mô hình thực tiễn tốt

CCHC, cải thiện MTKD nhằm thu hút đầu tư, phát triển kinh tế là những hoạt động mà tất cả các địa phương đang nỗ lực triển khai. Nhiều địa phương đã có những mô hình CCHC có hiệu quả đã được các tỉnh triển khai trong đó có mô hình mà An Giang đã áp dụng thành công từ năm 2019 và Bắc Ninh đã học tập và triển khai năm 2020 là mô hình "Ngày không viết" - "Ngày không hẹn", tỉnh có thể tham khảo và áp dụng một cách phù hợp với Đắk Nông.

Mô hình “Ngày không viết” là khi tổ chức, cá nhân, DN đến yêu cầu giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả vào ngày thực hiện mô hình này sẽ được công chức, viên chức hỗ trợ ghi thay các loại giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu của loại TTHC theo quy định (khi tổ chức, người dân có yêu cầu). Công chức, viên chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiến hành viết hộ các loại giấy tờ, hồ sơ (trừ trường hợp một số TTHC đặc thù theo quy định pháp luật không được viết hộ); kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; nhận hồ sơ; hướng dẫn người dân nộp hồ sơ tại từng lĩnh vực tương ứng. Cán bộ, công chức, viên chức một cửa nhận hồ sơ và gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo quy định và không thu phí viết hộ. Tổ chức, cá nhân, DN chỉ việc ký tên hoặc điểm chỉ trong giấy tờ, hồ sơ theo quy định. Mô hình này được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả UBND các xã, phường, thị trấn.

Mô hình “Ngày không hẹn” là khi tổ chức, cá nhân, DN đến yêu cầu thực hiện một số TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả vào ngày thực hiện mô hình này, nếu đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định sẽ được tiếp nhận và giải quyết ngay. Công chức, viên chức tiếp nhận xử lý hồ sơ, trình ký và trả kết quả ngay sau đó cho tổ chức, cá nhân, DN (trong giờ hành chính, không viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả). Mô hình này thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các xã, phường, thị trấn.

Các mô hình này nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính, chất lượng dịch vụ công; nâng cao chất lượng phục vụ tốt nhất cho tổ chức, công dân. Đồng thời, phát huy tối đa hiệu quả giải quyết TTHC, mang lại sự hài lòng cho người dân; hỗ trợ, giới thiệu người dân biết đến việc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích. Qua thực

hiện còn nâng cao ý thức, trách nhiệm và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất đạo đức giao tiếp ứng xử và năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân. Thực hiện giải quyết các thủ tục, hồ sơ đảm bảo nhanh, hiệu quả; hỗ trợ người dân ghi chép các loại giấy tờ. Đảm bảo thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. Góp phần rút ngắn thời gian người dân với yêu cầu giải quyết TTHC; để người dân có cách nhìn tích cực hơn vào công tác CCHC; hướng tới sự thân thiện giữa người dân đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ giải quyết TTHC theo yêu cầu. Với sự tham gia tích cực của Đoàn Thanh niên các cơ quan, mô hình này đã được DN các địa phương triển khai đánh giá cao và nhiệt tình ủng hộ.

Phụ Lục

PHỤ LỤC 1: Kết quả đánh giá DDCI Đák Nông 2020
Phụ lục 1a: Kết quả đánh giá nhóm sở, ban, ngành

1. Kết quả chung

STT	Sở, ban, ngành	Điểm tổng hợp	Tính minh bạch	Tính năng động	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ DN	Thiết chế pháp lý	Vai trò người đứng đầu
1	BHXH tỉnh	71,06	7,58	7,17	7,54	6,71	7,17	6,68	6,79	7,26
2	Sở LD, TB & XH	70,34	6,95	7,47	7,51	7,09	6,78	6,24	6,86	6,95
3	Sở KH&ĐT	69,72	7,48	7,26	7,56	6,57	7,07	5,86	6,46	7,28
4	Cục thuế tỉnh	69,62	7,30	7,30	7,60	6,68	6,71	6,01	6,48	7,26
5	VP UBND tỉnh	68,61	7,20	7,22	7,50	6,73	6,70	5,19	6,80	7,13
6	Sở GTVT	67,75	6,76	7,47	7,59	6,00	7,17	5,57	6,36	6,91
7	Sở Tài chính	67,44	7,31	6,63	7,41	6,53	6,95	5,60	6,42	7,15
8	Sở VH, TT&DL	67,41	7,06	7,38	7,48	6,25	6,65	5,82	5,87	6,94
9	Sở Xây dựng	66,33	6,73	6,75	7,47	6,39	6,98	5,13	6,53	6,93
10	Sở Tư pháp	63,96	6,56	5,83	7,56	6,40	6,78	4,65	6,32	7,22
11	Sở Công thương	63,10	5,81	6,10	7,35	6,33	6,45	5,04	5,95	7,21
12	Sở TT&TT	62,07	6,29	5,81	7,44	5,98	6,42	5,21	6,04	6,72
13	Sở NN & PTNT	61,90	6,42	6,00	6,53	5,19	6,98	5,08	6,48	7,08
14	BQL các KCN tỉnh	60,81	6,58	6,11	7,06	4,67	6,56	5,20	5,87	6,88
15	Thanh tra tỉnh	60,33	5,82	5,69	7,06	6,11	6,05	4,77	5,45	7,09
16	Công an tỉnh	59,02	6,65	5,13	7,36	5,34	6,41	4,89	6,29	6,11
17	Sở KH&CN	56,10	5,97	4,70	7,12	4,40	6,50	4,55	5,90	6,70
18	Cục QLTT	55,06	5,78	4,32	6,41	5,57	5,34	4,55	5,69	6,86
19	Sở TN&MT	52,64	5,59	4,54	6,19	4,13	5,24	4,74	5,33	6,85
	Cao nhất	71,06	7,58	7,47	7,60	7,09	7,17	6,68	6,86	7,28
	Trung vị	63,96	6,65	6,11	7,44	6,25	6,70	5,19	6,32	6,95
	Thấp nhất	52,64	5,59	4,32	6,19	4,13	5,24	4,55	5,33	6,11

2. Chi tiết các chỉ số thành phần

2.1. Tính minh bạch

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của Cấp huyện (%DN)	Cần có "mới quan hệ" để có thể tiếp cận được tài liệu của sở, ban, ngành (%DN)	DN có truy cập vào website của các sở, ban, ngành (%DN)	Thông tin trên Website của sở, ban, ngành là hữu ích (%DN)	Sở, ban, ngành cung cấp thông tin kịp thời (%)	Nội dung thông tin đầy đủ rõ ràng (%)	Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho doanh nghiệp (%DN)
1	BHXH tỉnh	7,58	89%	17%	78%	91%	93%	64%	41%
2	Sở KH&ĐT	7,48	88%	27%	85%	89%	88%	59%	46%
3	Sở Tài chính	7,31	88%	28%	80%	96%	91%	59%	38%
4	Cục thuế tỉnh	7,30	90%	29%	79%	95%	88%	61%	41%
5	VP UBND tỉnh	7,20	76%	21%	81%	95%	92%	61%	39%
6	Sở VH,TT&DL	7,06	88%	26%	80%	92%	91%	62%	38%
7	Sở LĐ, TB & XH	6,95	90%	29%	79%	93%	92%	61%	40%
8	Sở GTVT	6,76	88%	28%	80%	92%	90%	60%	38%
9	Sở Xây dựng	6,73	85%	28%	79%	94%	86%	61%	39%
10	Công an tỉnh	6,65	90%	28%	81%	93%	76%	62%	38%
11	BQL các KCN tỉnh	6,58	90%	28%	80%	93%	76%	62%	39%
12	Sở Tư pháp	6,56	86%	28%	80%	92%	90%	60%	38%
13	Sở NN & PTNT	6,42	81%	28%	79%	94%	90%	60%	39%
14	Sở TT&TT	6,29	89%	28%	79%	93%	84%	62%	31%
15	Sở KH&CN	5,97	85%	26%	78%	94%	69%	61%	39%
16	Thanh tra tỉnh	5,82	82%	33%	79%	95%	76%	62%	38%
17	Sở Công thương	5,81	86%	33%	79%	91%	88%	60%	39%
18	Cục QLTT	5,78	79%	29%	79%	95%	71%	64%	38%
19	Sở TN&MT	5,59	74%	32%	81%	93%	88%	62%	39%
	Cao nhất	7,58	90%	33%	85%	96%	93%	64%	46%
	Trung vị	6,65	88%	28%	79%	93%	88%	61%	39%
	Thấp nhất	5,59	74%	17%	78%	89%	69%	59%	31%

2.2 Tính năng động

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật của lãnh đạo Sở, ban, Ngành (%DN)	Sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, trao đổi trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh (%DN)	Sở, ban, ngành kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình (%DN)	Sở, ban, ngành chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn (%DN)	Tỷ lệ đồng ý với nhận định “Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ Sở, ban, ngành khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên” (%DN)
1	Sở LD, TB & XH	7,47	85%	50%	71%	64%	20%
2	Sở GTVT	7,47	85%	54%	70%	64%	22%
3	Sở VH,TT&DL	7,38	86%	51%	69%	64%	22%
4	Cục thuế tỉnh	7,30	87%	48%	70%	64%	21%
5	Sở KH&ĐT	7,26	88%	42%	70%	67%	22%
6	VP UBND tỉnh	7,22	85%	49%	69%	65%	21%
7	BHXH tỉnh	7,17	85%	52%	75%	61%	25%
8	Sở Xây dựng	6,75	85%	42%	71%	65%	20%
9	Sở Tài chính	6,63	79%	56%	67%	65%	21%
10	BQL các KCN tỉnh	6,11	86%	54%	70%	56%	28%
11	Sở Công thương	6,10	82%	50%	66%	62%	21%
12	Sở NN & PTNT	6,00	80%	41%	70%	67%	20%
13	Sở Tư pháp	5,83	81%	40%	70%	64%	19%
14	Sở TT&TT	5,81	82%	54%	69%	54%	22%
15	Thanh tra tỉnh	5,69	86%	53%	65%	52%	22%
16	Công an tỉnh	5,13	85%	42%	68%	55%	23%
17	Sở KH&CN	4,70	86%	48%	67%	52%	28%
18	Sở TN&MT	4,54	85%	36%	68%	55%	23%
19	Cục QLTT	4,32	84%	47%	66%	55%	29%
	Cao nhất	7,47	88%	56%	75%	67%	29%
	Trung vị	6,11	85%	49%	69%	64%	22%
	Thấp nhất	4,32	79%	36%	65%	52%	19%

2.3. Chi phí thời gian

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm qua (%DN)	Nội dung thanh, kiểm tra trùng lặp (trường hợp DN bị thanh kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm) (%DN)	Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành (%DN)	Công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN của đơn vị được thực hiện tốt	Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn	Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%DN)	Sở, ban, ngành tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC (%DN)	Tỷ lệ DN đi từ 1-2 lần để hoàn tất TTHC (không kể lần đến tìm hiểu đầu tiên) (%DN)
1	Cục thuế tỉnh	7,60	10%	80%	61%	84%	17%	90%	90%	86%
2	Sở GTVT	7,59	11%	79%	61%	83%	17%	90%	92%	86%
3	Sở Tư pháp	7,56	10%	81%	64%	83%	19%	89%	93%	85%
4	Sở KH&ĐT	7,56	12%	83%	59%	85%	19%	90%	94%	88%
5	BHXH tỉnh	7,54	14%	81%	64%	83%	17%	91%	92%	85%
6	Sở LĐ, TB & XH	7,51	6%	83%	62%	82%	19%	90%	92%	86%
7	VP UBND tỉnh	7,50	8%	79%	62%	82%	15%	90%	87%	85%
8	Sở VH, TT&DL	7,48	12%	83%	61%	80%	15%	95%	91%	88%
9	Sở Xây dựng	7,47	7%	81%	62%	81%	18%	90%	90%	86%
10	Sở TT&TT	7,44	10%	80%	62%	83%	16%	88%	92%	87%
11	Sở Tài chính	7,41	8%	81%	62%	83%	17%	88%	91%	86%
12	Công an tỉnh	7,36	12%	81%	62%	82%	18%	91%	90%	86%
13	Sở Công thương	7,35	9%	79%	60%	82%	16%	89%	90%	84%
14	Sở KH&CN	7,12	12%	79%	57%	81%	16%	92%	91%	84%
15	Thanh tra tỉnh	7,06	10%	82%	62%	82%	25%	91%	91%	85%
16	BQL các KCN tỉnh	7,06	12%	81%	58%	80%	17%	92%	92%	84%
17	Sở NN & PTNT	6,53	10%	80%	61%	80%	16%	87%	87%	87%
18	Cục QLTT	6,41	15%	83%	60%	79%	17%	91%	92%	85%
19	Sở TN&MT	6,19	12%	86%	58%	81%	22%	89%	92%	85%
	Cao nhất	7,60	15%	86%	64%	85%	25%	95%	94%	88%
	Trung vi	7,44	10%	81%	61%	82%	17%	90%	91%	86%
	Thấp nhất	6,19	6%	79%	57%	79%	15%	87%	87%	84%

2.4. Chi phí không chính thức

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Tỷ lệ % DN có trả chi phí không chính thức (%DN)	Hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các Sở, ban, ngành (%DN)	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (%DN)	Công việc đạt kết quả hơn sau khi chi trả chi phí không chính thức.(%DN)	Chi phí không chính thức được giảm bớt (về giá trị khoản CPKCT) (%DN)
1	Sở LĐ, TB & XH	7,09	11%	11%	37%	44%	25%
2	VP UBND tỉnh	6,73	11%	14%	35%	42%	26%
3	BHXH tỉnh	6,71	9%	15%	35%	39%	25%
4	Cục thuế tỉnh	6,68	15%	17%	35%	35%	26%
5	Sở KH&ĐT	6,57	15%	12%	34%	40%	28%
6	Sở Tài chính	6,53	10%	15%	36%	42%	24%
7	Sở Tư pháp	6,40	9%	14%	34%	42%	25%
8	Sở Xây dựng	6,39	12%	15%	37%	42%	22%
9	Sở Công thương	6,33	11%	16%	36%	42%	25%
10	Sở VH, TT&DL	6,25	9%	16%	35%	41%	22%
11	Thanh tra tỉnh	6,11	11%	16%	34%	42%	25%
12	Sở GTVT	6,00	12%	13%	32%	42%	27%
13	Sở TT&TT	5,98	10%	14%	35%	43%	22%
14	Cục QLTT	5,57	17%	18%	36%	41%	23%
15	Công an tỉnh	5,34	15%	17%	35%	43%	23%
16	Sở NN & PTNT	5,19	9%	14%	30%	43%	24%
17	BQL các KCN tỉnh	4,67	9%	17%	31%	42%	22%
18	Sở KH&CN	4,40	10%	18%	30%	43%	23%
19	Sở TN&MT	4,13	15%	17%	30%	42%	22%
	Cao nhất	7,09	17%	18%	37%	44%	28%
	Trung vị	6,25	11%	15%	35%	42%	24%
	Thấp nhất	4,13	9%	11%	30%	35%	22%

2.5 Cảnh tranh bình đẳng

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Các sở, ban, ngành có DN sản sau, DN thân hữu	DN sản sau, DN thân hữu được ưu ái hơn trong tiếp cận nguồn lực nhà nước (ví dụ: đấu thầu, khoáng sản...)(%DN)	DN lớn được ưu ái hơn DNNV trong việc tiếp cận thông tin (%DN)	DN lớn được ưu tiên hơn DNNV trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC(%DN)	DN lớn được ưu đãi hơn so với DNNV (%DN)	Việc ưu ái cho các DN lớn, DN thân hữu có gây khó khăn cho DN (%DN)	Sở, ban, ngành thường xuyên quan tâm đến các DNNV (%DN)
1	Sở GTVT	7,17	11%	62%	41%	33%	65%	28%	18%
2	BHXH tỉnh	7,17	9%	62%	41%	37%	64%	27%	17%
3	Sở KH&ĐT	7,07	12%	63%	38%	32%	64%	27%	17%
4	Sở Xây dựng	6,98	10%	61%	38%	34%	68%	28%	18%
5	Sở NN & PTNT	6,98	13%	63%	41%	34%	66%	25%	17%
6	Sở Tài chính	6,95	11%	63%	42%	33%	65%	28%	18%
7	Sở LĐ, TB & XH	6,78	11%	64%	45%	49%	65%	26%	20%
8	Sở Tư pháp	6,78	9%	62%	41%	37%	64%	28%	16%
9	Cục thuế tỉnh	6,71	8%	61%	42%	35%	65%	28%	16%
10	VP UBND tỉnh	6,70	9%	67%	41%	47%	64%	26%	19%
11	Sở VH, TT&DL	6,65	9%	63%	42%	38%	64%	30%	18%
12	BQL các KCN tỉnh	6,56	10%	58%	35%	35%	64%	30%	13%
13	Sở KH&CN	6,50	9%	62%	42%	33%	64%	30%	16%
14	Sở Công thương	6,45	12%	62%	41%	33%	66%	28%	16%
15	Sở TT&TT	6,42	9%	61%	42%	34%	64%	29%	14%
16	Công an tỉnh	6,41	13%	60%	35%	34%	64%	28%	13%
17	Thanh tra tỉnh	6,05	9%	64%	43%	35%	65%	32%	17%
18	Cục QLTT	5,34	18%	68%	47%	40%	65%	29%	18%
19	Sở TN&MT	5,24	14%	61%	43%	35%	65%	31%	13%
	Cao nhất	7,17	18%	68%	47%	49%	68%	32%	20%
	Trung vị	6,70	10%	62%	41%	35%	65%	28%	17%
	Thấp nhất	5,24	8%	58%	35%	32%	64%	25%	13%

2.6 Hỗ trợ doanh nghiệp

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	DN được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do sở, ban, ngành tổ chức (%DN)	DN đồng ý các chương trình hỗ trợ DN là thiết thực (%DN)	DN được mời/ thông báo tham gia các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN (%DN)	Vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ kịp thời tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin (%DN)
1	BHXH tỉnh	6,68	72%	95%	68%	84%
2	Sở LP, TB & XH	6,24	64%	93%	66%	88%
3	Cục thuế tỉnh	6,01	71%	94%	60%	86%
4	Sở KH&ĐT	5,86	64%	93%	66%	86%
5	Sở VH,TT&DL	5,82	63%	94%	58%	90%
6	Sở Tài chính	5,60	60%	90%	69%	87%
7	Sở GTVT	5,57	65%	93%	57%	89%
8	Sở TT&TT	5,21	62%	92%	57%	89%
9	BQL các KCN tỉnh	5,20	63%	91%	58%	89%
10	VP UBND tỉnh	5,19	62%	93%	59%	88%
11	Sở Xây dựng	5,13	61%	93%	59%	88%
12	Sở NN & PTNT	5,08	63%	89%	59%	89%
13	Sở Công thương	5,04	64%	93%	61%	84%
14	Công an tỉnh	4,89	62%	89%	63%	86%
15	Thanh tra tỉnh	4,77	62%	92%	59%	86%
16	Sở TN&MT	4,74	65%	92%	58%	85%
17	Sở Tư pháp	4,65	62%	89%	57%	88%
18	Sở KH&CN	4,55	63%	91%	59%	85%
19	Cục QLTT	4,55	64%	84%	58%	89%
	Cao nhất	6,68	72%	95%	69%	90%
	Trung vị	5,19	63%	92%	59%	88%
	Thấp nhất	4,55	60%	84%	57%	84%

2.7. Thiết chế pháp lý

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định (%DN)	Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng (%DN)	DN phải phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề (%DN)	Luôn có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (%DN)	Có hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi sai trái (%DN)
1	Sở LĐ, TB & XH	6,86	91%	83%	21%	64%	70%
2	VP UBND tỉnh	6,80	90%	85%	18%	66%	70%
3	BHXH tỉnh	6,79	91%	85%	18%	64%	69%
4	Sở Xây dựng	6,53	89%	84%	21%	60%	73%
5	Sở NN & PTNT	6,48	94%	80%	18%	57%	68%
6	Cục thuế tỉnh	6,48	90%	86%	21%	63%	70%
7	Sở KH&ĐT	6,46	91%	82%	19%	62%	69%
8	Sở Tài chính	6,42	89%	83%	18%	64%	69%
9	Sở GTVT	6,36	88%	83%	20%	65%	71%
10	Sở Tư pháp	6,32	89%	85%	19%	67%	67%
11	Công an tỉnh	6,29	89%	85%	18%	63%	68%
12	Sở TT&TT	6,04	89%	89%	19%	56%	70%
13	Sở Công thương	5,95	90%	82%	21%	63%	68%
14	Sở KH&CN	5,90	87%	85%	21%	64%	70%
15	BQL các KCN tỉnh	5,87	88%	85%	19%	64%	69%
16	Sở VH,TT&DL	5,87	87%	89%	22%	65%	69%
17	Cục QLTT	5,69	89%	76%	21%	64%	70%
18	Thanh tra tỉnh	5,45	86%	85%	19%	58%	71%
19	Sở TN&MT	5,33	86%	80%	19%	65%	69%
	Cao nhất	6,86	94%	89%	22%	67%	73%
	Trung vị	6,32	89%	85%	19%	64%	69%
	Thấp nhất	5,33	86%	76%	18%	56%	67%

2.8. Vai trò người đứng đầu

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Lãnh đạo Sở, Ban, ngành có ảnh hưởng quyết định đến công tác CCHC tại địa phương (%DN)	Lãnh đạo Sở, Ban, ngành có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm (%DN)	Lãnh đạo Sở, Ban, ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp (%DN)	Lãnh đạo Sở, Ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp (%DN)	Lãnh đạo Sở, Ban, ngành chưa giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của DN (%DN)	Có hiện tượng “trên bảo dưới không nghe” diễn ra trong đơn vị (%DN)
1	Sở KH&ĐT	7,28	84%	84%	89%	92%	61%	7%
2	BHXH tỉnh	7,26	84%	84%	90%	92%	61%	8%
3	Cục thuế tỉnh	7,26	86%	84%	88%	92%	61%	7%
4	Sở Tư pháp	7,22	85%	85%	90%	91%	63%	9%
5	Sở Công thương	7,21	83%	84%	90%	91%	61%	8%
6	Sở Tài chính	7,15	82%	82%	90%	90%	60%	8%
7	VP UBND tỉnh	7,13	87%	83%	89%	89%	63%	9%
8	Thanh tra tỉnh	7,09	86%	85%	87%	90%	61%	8%
9	Sở NN & PTNT	7,08	82%	84%	89%	91%	62%	8%
10	Sở LĐ, TB & XH	6,95	82%	84%	89%	92%	61%	10%
11	Sở VH, TT&DL	6,94	83%	84%	89%	91%	61%	6%
12	Sở Xây dựng	6,93	84%	84%	88%	89%	63%	10%
13	Sở GTVT	6,91	83%	85%	88%	90%	60%	10%
14	BQL các KCN tỉnh	6,88	83%	84%	88%	90%	61%	7%
15	Cục QLTT	6,86	83%	83%	91%	90%	61%	8%
16	Sở TN&MT	6,85	84%	83%	90%	90%	63%	10%
17	Sở TT&TT	6,72	82%	84%	89%	91%	64%	10%
18	Sở KH&CN	6,70	82%	83%	89%	90%	60%	8%
19	Công an tỉnh	6,11	81%	83%	87%	85%	60%	7%
	Cao nhất	7,28	87%	85%	91%	92%	64%	10%
	Trung vị	6,95	83%	84%	89%	90%	61%	8%
	Thấp nhất	6,11	81%	82%	87%	85%	60%	6%

Phụ lục 1b: Kết quả đánh giá nhóm cấp huyện

1. Kết quả đánh giá chung

STT	Cấp huyện	Điểm tổng hợp	CSTP1: Tính minh bạch	CSTP2: Tính năng động	CSTP 3: Chi phí thời gian	CSTP 4: Chi phí không chính thức	CSTP 5: Cảnh tranh bình đẳng	CSTP 6: Hỗ trợ doanh nghiệp	CSTP 7: Thiết chế pháp lý	CSTP 8: Vai trò người đứng đầu
1	Huyện Đắk R'Lấp	66,17	7,01	6,97	7,35	5,52	6,96	6,23	6,60	6,40
2	TP. Gia Nghĩa	65,74	6,50	7,56	7,21	5,45	7,24	6,70	6,32	6,12
3	Huyện Cư Jút	61,49	5,06	5,78	6,73	5,92	6,03	6,80	6,52	6,53
4	Huyện Đắk Mil	60,28	5,04	6,38	6,75	5,55	6,57	6,51	5,34	6,30
5	Huyện Đắk Song	56,06	4,84	6,47	6,02	5,25	5,24	6,16	6,72	4,87
6	Huyện Đắk Glong	54,45	5,08	5,72	5,38	5,74	5,49	5,80	6,37	4,52
7	Huyện Krông Nô	52,48	4,92	4,95	5,14	5,30	4,86	5,19	5,98	5,64
8	Huyện Tuy Đức	52,23	5,26	6,08	5,34	4,38	5,14	5,98	5,17	4,93
Cao nhất										
		66,17	7,01	7,56	7,35	5,92	7,24	6,80	6,72	6,53
Trung vị										
		58,17	5,07	6,23	6,37	5,49	5,76	6,20	6,34	5,88
Thấp nhất										
		52,23	4,84	4,95	5,14	4,38	4,86	5,19	5,17	4,52

2. Chi tiết các chỉ số thành phần

2.1 Tính minh bạch

STT	Cấp huyện	Điểm số	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của Cấp huyện (%DN)	Cần có “mối quan hệ” để có thể tiếp cận được tài liệu của Cấp huyện (%DN)	DN có truy cập vào website của các Cấp huyện (%DN)	Thông tin trên Website của Cấp huyện là hữu ích (%DN)	Cấp huyện cung cấp thông tin kịp thời (%)	Nội dung thông tin đầy đủ rõ ràng (%)	Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho doanh nghiệp (%DN)
1	Huyện Đắk R'Lấp	7,01	88%	18%	85%	94%	86%	32%	24%
2	TP. Gia Nghĩa	6,50	89%	34%	80%	94%	86%	48%	45%
3	Huyện Tuy Đức	5,26	77%	19%	77%	94%	84%	42%	26%
4	Huyện Đắk Glong	5,08	88%	16%	82%	82%	85%	32%	28%
5	Huyện Cư Jút	5,06	89%	27%	82%	84%	86%	47%	26%
6	Huyện Đắk Mil	5,04	88%	18%	77%	90%	80%	34%	24%
7	Huyện Krông Nô	4,92	92%	33%	81%	91%	68%	38%	32%
8	Huyện Đắk Song	4,84	78%	24%	81%	87%	70%	46%	42%
	Cao nhất	7,01	92%	34%	85%	94%	86%	48%	45%
	Trung vị	5,07	88%	21%	81%	90%	85%	40%	27%
	Thấp nhất	4,84	77%	16%	77%	82%	68%	32%	24%

2.2. Tính năng động

STT	Cấp huyện	Điểm số	Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật của lãnh đạo Cấp huyện (%DN)	Cấp huyện chủ động nghiên cứu, trao đổi trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh (%DN)	Cấp huyện kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình (%DN)	Cấp huyện chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn (%DN)	Tỷ lệ đồng ý với nhận định “Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ Cấp huyện khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên” (%DN)
1	TP. Gia Nghĩa	7,56	90%	54%	61%	64%	20%
2	Huyện Đắk RLấp	6,97	88%	57%	68%	51%	19%
3	Huyện Đắk Song	6,47	84%	55%	71%	53%	20%
4	Huyện Đắk Mil	6,38	84%	55%	71%	61%	30%
5	Huyện Tuy Đức	6,08	88%	39%	76%	62%	31%
6	Huyện Cư Jút	5,78	85%	54%	66%	66%	34%
7	Huyện Đắk Glong	5,72	84%	46%	68%	65%	28%
8	Huyện Krông Nô	4,95	87%	49%	70%	50%	30%
<hr/>							
	Cao nhất	7,56	90%	57%	76%	66%	34%
	Trung vị	6,23	86%	54%	69%	61%	29%
	Thấp nhất	4,95	84%	39%	61%	50%	19%

2.3. Chi phí thời gian

STT	Cấp huyện	Điểm số	DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm qua (%DN)	Nội dung thanh, kiểm tra trùng lập (trường hợp DN bị thanh tra từ 2 lần trở lên trong năm) (%DN)	Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành (%DN)	Công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN của đơn vị được thực hiện tốt	Có hiện tượng ùn ứ công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị ùn ứ công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn	Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%DN)	Cấp huyện tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC (%DN)	Tỷ lệ DN đi từ 1-2 lần để hoàn tất TTHC (không kể lần đến tìm hiểu đầu tiên) (%DN)
1	Huyện Đắk R'Lấp	7,35	8%	77%	62%	84%	15%	91%	90%	66%
2	TP. Gia Nghĩa	7,21	7%	76%	61%	81%	30%	92%	88%	87%
3	Huyện Đắk Mil	6,75	4%	75%	48%	83%	15%	94%	83%	66%
4	Huyện Cư Jút	6,73	14%	75%	49%	79%	24%	95%	92%	84%
5	Huyện Đắk Song	6,02	16%	81%	60%	82%	17%	93%	78%	84%
6	Huyện Đắk Glong	5,38	12%	83%	61%	78%	18%	93%	90%	61%
7	Huyện Tuy Đức	5,34	7%	86%	67%	83%	32%	87%	92%	62%
8	Huyện Krông Nô	5,14	11%	78%	52%	80%	21%	80%	88%	84%
	Cao nhất	7,35	16%	86%	67%	84%	32%	95%	92%	87%
	Trung vị	6,37	9%	77%	61%	82%	20%	92%	89%	75%
	Thấp nhất	5,14	4%	75%	48%	78%	15%	80%	78%	61%

2.4. Chi phí không chính thức

STT	Cấp huyện	Điểm số	Tỷ lệ % DN có trả chi phí không chính thức (%DN)	Hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các Cấp huyện (%DN)	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (%DN)	Công việc đạt kết quả hơn sau khi chi trả chi phí không chính thức.(%DN)	Chi phí không chính thức được giảm bớt (về giá trị khoản CPKCT) (%DN)
1	Huyện Cư Jút	5,92	18%	9%	31%	36%	23%
2	Huyện Đắk Glong	5,74	20%	12%	32%	29%	17%
3	Huyện Đắk Mil	5,55	20%	7%	36%	41%	13%
4	Huyện Đắk R'Lấp	5,52	16%	20%	33%	30%	19%
5	TP. Gia Nghĩa	5,45	21%	15%	33%	34%	22%
6	Huyện Krông Nô	5,30	24%	15%	34%	40%	25%
7	Huyện Đắk Song	5,25	29%	15%	30%	29%	28%
8	Huyện Tuy Đức	4,38	21%	13%	31%	32%	12%
<hr/>							
	Cao nhất	5,92	29%	20%	36%	41%	28%
	Trung vi	5,49	20%	14%	32%	33%	20%
	Thấp nhất	4,38	16%	7%	30%	29%	12%

2.5. Cạnh tranh bình đẳng

STT	Cấp huyện	Điểm số	Các Cấp huyện có DN sản sau, DN thân hữu (%DN)	DN sản sau, DN thân hữu được ưu ái hơn trong tiếp cận nguồn lực nhà nước (ví dụ: đấu thầu, khoáng sản...)(%DN)	DN lớn được ưu ái hơn DNNV trong việc tiếp cận thông tin (%DN)	DN lớn được ưu tiên hơn DNNV trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTTC (%DN)	DN lớn được nhiều cơ chế ưu đãi hơn so với DNNV (%DN)	Việc ưu ái cho các DN lớn, DN sản sau, DN thân hữu có gây khó khăn cho DN (%DN)	Cấp huyện thường xuyên quan tâm đến các DNNV (%DN)
1	TP. Gia Nghĩa	7,24	11%	62%	37%	35%	68%	25%	18%
2	Huyện Đắk R'Lấp	6,96	10%	65%	38%	43%	65%	23%	16%
3	Huyện Đắk Mil	6,57	27%	65%	50%	32%	65%	20%	18%
4	Huyện Cư Jút	6,03	10%	67%	35%	35%	63%	27%	13%
5	Huyện Đắk Glong	5,49	26%	62%	43%	45%	64%	27%	16%
6	Huyện Đắk Song	5,24	13%	69%	37%	39%	65%	35%	18%
7	Huyện Tuy Đức	5,14	8%	61%	36%	33%	64%	34%	10%
8	Huyện Krông Nô	4,86	11%	61%	41%	32%	66%	35%	13%
	Cao nhất	7,24	27%	69%	50%	45%	68%	35%	18%
	Trung vị	5,76	11%	63%	38%	35%	65%	27%	16%
	Thấp nhất	4,86	8%	61%	35%	32%	63%	20%	10%

2.6. Hỗ trợ doanh nghiệp

STT	Cấp huyện	Điểm số	DN được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do Cấp huyện tổ chức (%DN)	DN đồng ý các chương trình hỗ trợ DN là thiết thực (%DN)	DN được mời/thông báo tham gia các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN (%DN)	Vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ kịp thời tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin (%DN)
1	Huyện Cư Jút	6,80	77%	85%	71%	85%
2	TP. Gia Nghĩa	6,70	77%	73%	78%	88%
3	Huyện Đắk Mil	6,51	69%	84%	74%	88%
4	Huyện Đắk R'Lấp	6,23	70%	85%	74%	85%
5	Huyện Đắk Song	6,16	71%	85%	71%	86%
6	Huyện Tuy Đức	5,98	71%	85%	71%	84%
7	Huyện Đắk Glong	5,80	76%	73%	78%	84%
8	Huyện Krông Nô	5,19	82%	75%	74%	79%
Cao nhất						
		6,80	82%	85%	78%	88%
Trung vị						
		6,20	74%	84%	74%	85%
Thấp nhất						
		5,19	69%	73%	71%	79%

2.7. Thiết chế pháp lý

STT	Cấp huyện	Điểm số	Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định (%DN)	Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng (%DN)	DN phải phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề (%DN)	Luôn có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (%DN)	Có hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi sai trái (%DN)
1	Huyện Đắk Song	6,72	87%	81%	10%	65%	70%
2	Huyện Đắk R'Lấp	6,60	86%	83%	12%	65%	71%
3	Huyện Cư Jút	6,52	88%	83%	14%	66%	70%
4	Huyện Đắk Glong	6,37	87%	78%	11%	67%	69%
5	TP. Gia Nghĩa	6,32	90%	83%	19%	65%	68%
6	Huyện Krông Nô	5,98	87%	86%	15%	56%	71%
7	Huyện Đắk Mil	5,34	89%	76%	12%	56%	68%
8	Huyện Tuy Đức	5,17	76%	91%	11%	69%	71%
	Cao nhất	6,72	90%	91%	19%	69%	71%
	Trung vị	6,34	87%	83%	12%	65%	70%
	Thấp nhất	5,17	76%	76%	10%	56%	68%

2.8. Vai trò người đứng đầu

STT	Cấp huyện	Điểm số	Lãnh đạo Cấp huyện có ảnh hưởng quyết định đến công tác CCHC tại địa phương (%DN)	Lãnh đạo Cấp huyện có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm (%DN)	Lãnh đạo Cấp huyện có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp (%DN)	Lãnh đạo Cấp huyện lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp (%DN)	Lãnh đạo Cấp huyện chưa giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của DN (%DN)	Hiện tượng “trên bảo dưới không nghe” diễn ra trong đơn vị là nghiêm trọng (%DN)
1	Huyện Cư Jút	6,53	81%	87%	96%	87%	68%	7%
2	Huyện Đắk RLấp	6,40	85%	73%	89%	91%	60%	7%
3	Huyện Đắk Mil	6,30	90%	81%	81%	88%	72%	8%
4	TP. Gia Nghĩa	6,12	89%	79%	88%	94%	71%	7%
5	Huyện Krông Nô	5,64	78%	82%	72%	88%	58%	8%
6	Huyện Tuy Đức	4,93	90%	78%	75%	87%	63%	10%
7	Huyện Đắk Song	4,87	85%	78%	89%	80%	60%	11%
8	Huyện Đắk Glong	4,52	80%	78%	92%	88%	70%	10%
<hr/>								
	Cao nhất	6,53	90%	87%	96%	94%	72%	11%
	Trung vị	5,88	85%	78%	88%	88%	65%	8%
	Thấp nhất	4,52	78%	73%	72%	80%	58%	7%

PHỤ LỤC 2: PHIẾU KHẢO SÁT**Phụ lục 2a: Phiếu khảo sát nhóm sở, ban, ngành****MẪU A****PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP
VỀ SỞ, BAN NGÀNH****A- GIỚI THIỆU VỀ KHẢO SÁT**

Năm 2020 là năm thứ hai tỉnh Đắk Nông triển khai đánh giá chất lượng năng lực điều hành các sở, ban ngành và địa phương của tỉnh thông qua bộ chỉ số DDCI. Bộ chỉ số này được Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, góp phần làm thay đổi thái độ, chất lượng dịch vụ công của tỉnh. Trên cơ sở ý kiến và đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, kết quả khảo sát, đánh giá là nguồn thông tin quý giá giúp tỉnh Đắk Nông và cộng đồng doanh nghiệp cùng nhau giám sát, cải thiện mọi mặt chất lượng điều hành kinh tế của cán bộ các cấp. Khảo sát được triển khai trên quy mô toàn tỉnh. Chúng tôi chân thành cảm ơn các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đã hợp tác và đóng góp ý kiến. Chúng tôi cam kết tất cả những thông tin doanh nghiệp cung cấp sẽ được bảo đảm bí mật danh tính và chỉ phục vụ mục đích thống kê, nghiên cứu.

1. Hướng dẫn điền phiếu: Để khảo sát đạt kết quả tốt nhất, Nhóm nghiên cứu khuyến nghị lãnh đạo doanh nghiệp và các thành viên chủ chốt (trưởng phòng/cán bộ quản lý của các bộ phận chuyên môn hoặc người có am hiểu về lịch sử, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp) cùng tham gia vào quá trình trả lời các câu hỏi. Trong phiếu khảo sát, thuật ngữ “*doanh nghiệp*” bao gồm cả hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể. Với những ô trống, vui lòng đánh dấu ✓ vào những phương án lựa chọn.

2. Hướng dẫn gửi phiếu: Sau khi hoàn thành phiếu khảo sát, đề nghị Quý doanh nghiệp gửi lại phiếu đã trả lời trong phong bì kín đã dán tem kèm theo.

Địa chỉ nơi nhận phiếu khảo sát: **Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông**, Địa chỉ: đường Lê Lai, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Hoặc email về địa chỉ: ddcidaknong@gmail.com

Mọi phiếu khảo sát được gửi qua đường bưu chính và/hoặc qua email đều được chuyển đến đơn vị tư vấn độc lập để bảo mật danh tính doanh nghiệp. Không cơ quan nào của tỉnh Đắk Nông có thể đọc được phiếu khảo sát của doanh nghiệp

3. Hỗ trợ thông tin: Trong quá trình điền phiếu khảo sát, chúng tôi sẵn sàng giải đáp bất cứ thắc mắc nào từ phía doanh nghiệp thông qua đường dây nóng:

☎ 0914.486.856 Anh Toàn, IPC Đắk Nông

☎ 0907560935 Chị Thắm, Hiệp hội doanh nghiệp.

B-TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP

Tất cả thông tin trong Phiếu khảo sát sẽ chỉ được sử dụng vào mục đích thống kê và nghiên cứu. Kết quả phân tích sẽ hỗ trợ cho việc cải thiện năng lực điều hành kinh tế và môi trường kinh doanh tại địa phương. Chúng tôi cam kết sẽ bảo mật danh tính của doanh nghiệp.

Mã số thuế:.....

Mã số phiếu: (phần này do VCCI ĐN điền thông tin)

15. Tên doanh nghiệp:.....

16. Địa chỉ trụ sở hoạt động hiện nay:

17. Họ và tên người trả lời:.....

18. Chức vụ: (1) Lãnh đạo doanh nghiệp (2) Lãnh đạo phòng ban (3) Nhân viên

19. Số điện thoại người trả lời:

20. Địa chỉ email người trả lời.....

21. Năm bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh:

22. Lĩnh vực kinh doanh chính

(1) Dịch vụ/ Thương mại (2) Công nghiệp chế biến, chế tạo

(3) Nông - Lâm nghiệp và thủy sản (4) Xây dựng, bất động sản

(5) Khai khoáng (6) Khác: (Ghi rõ ý kiến khác)

23. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp do ông/ bà quản lý hiện nay như thế nào?

(Chỉ chọn 1 đáp án)

(1) Thua lỗ lớn (2) Thua lỗ chút ít

(3) Hòa vốn (4) Lãi chút ít

(5) Lãi như mong muốn

24. Kế hoạch/dự định của DN trong vòng 2 năm sắp tới là gì? (Chỉ chọn 1 đáp án)

(1) Có kế hoạch tăng quy mô KD (2) Sẽ tiếp tục kinh doanh với quy mô hiện tại

(3) Có kế hoạch giảm quy mô KD (4) Có kế hoạch đóng cửa

25. Thành phần sở hữu của doanh nghiệp:

(1) Doanh nghiệp dân doanh

(2) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

(3) Doanh nghiệp nhà nước

26. Tổng số lao động của doanh nghiệp?

(1) Không vượt quá 10 người (2) Từ 11 đến 100 người

(3) Từ 101 đến 200 người (4) Trên 200 người

27. Quy mô vốn đầu tư doanh nghiệp của ông/bà?

(1) Dưới 3 tỷ (2) Từ 3 tỷ đến dưới 20 tỷ

(3) Từ 20 đến dưới 50 tỷ (4) Từ 50 đến dưới 100 tỷ

(5) Từ 100 đến dưới 300 tỷ (6) Trên 300 tỷ

28. Đánh giá về tác động của dịch Covid-19 đến doanh nghiệp và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ tại tỉnh?

a. Dịch Covid-19 ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động của doanh nghiệp ông/bà trong năm 2020?

(1) Không ảnh hưởng gì (2) Ảnh hưởng một phần

(3) Ảnh hưởng nghiêm trọng (4) Ảnh hưởng rất nghiêm trọng

b. Để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua các khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Chính phủ đã có các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp. Theo quan sát của ông/bà, từ khi có chủ trương, chính sách của Chính phủ đến khi doanh nghiệp tiếp cận được hỗ trợ là:

- (1) Kịp thời, hỗ trợ đến với doanh nghiệp lúc cần nhất
- (2) Chậm trễ, chủ trương là có nhưng thực thi rất chậm
- (3) Không thể tiếp cận được
- (4) Ý kiến khác của doanh nghiệp:

c. Theo quan sát của ông/bà, khi Chính phủ có các chủ trương, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh, **các cơ quan tại tỉnh** có động thái, hoạt động cụ thể gì để giúp doanh nghiệp tiếp cận được với các chính sách này:

- (1) Không làm gì
- (2) Có thông báo và có hướng dẫn cụ thể trên các phương tiện thông tin của tỉnh (website, báo đài của tỉnh...)
- (3) Có gửi thông tin và hướng dẫn đến doanh nghiệp qua thư, email,...
- (4) Thông báo, hướng dẫn cụ thể trên các phương tiện thông tin của tỉnh kết hợp với gửi thông tin đến doanh nghiệp
- (5) Khác:

d. Đánh giá tác động của các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp ông/bà:

Giải pháp	Không giúp nhiều cho phục hồi hoạt động kinh doanh	Chỉ mang tính động viên doanh nghiệp	Giúp doanh nghiệp phục hồi hoạt động kinh doanh
a. Giãn nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giảm phí dịch vụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Gia hạn thời hạn nộp thuế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn 6 tháng đầu năm 2020 đến ngày 30/6/2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f. Được vay 50% tiền lương tối thiểu vùng với lãi suất 0% để trả lương cho người lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
g. Hỗ trợ DN đào tạo, nâng cao tay nghề lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

e. Để phục hồi và phát triển hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp cần chính sách hỗ trợ nào nhất?

(Chọn 3 đáp án)

- (1) Hỗ trợ tiếp cận tín dụng
- (2) Hỗ trợ về mặt bằng sản xuất kinh doanh

- (3) Hỗ trợ thuế, kế toán
- (4) Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung
- (5) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường
- (6) Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý
- (7) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực
- (8) Khác:

20. Doanh nghiệp đánh giá về hoạt động tham, kiểm tra của các Sở, ban, ngành tỉnh Đăk Nông?

Cơ quan	a. Số lần doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra của Sở, ban, ngành trong năm nay?				b. Nếu doanh nghiệp bị thanh, kiểm tra từ 2 lần trở lên, nội dung các cuộc thanh tra, kiểm tra có trùng lặp không?				c. Nội dung các cuộc thanh, kiểm tra có đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành hay không?				d. Các cuộc thanh, kiểm tra giúp doanh nghiệp khắc phục các sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh không?				e. Theo ông/bà, mục đích thật sự của căn bộ khi đến thanh tra, kiểm tra là gì? (Có thể chọn nhiều đáp án)			
	(1) 0 lần	(2) 1 lần	(3) 2 lần	(4) 3 lần trở lên	(1) Hoàn toàn trùng lặp	(2) Đa phần không trùng lặp	(3) Đa phần không trùng lặp	(4) Hoàn toàn không trùng lặp	(1) Ngoài phạm vi	(2) Phần lớn ngoài phạm vi	(3) Phần lớn trong phạm vi	(4) Trong phạm vi	(1) Có	(2) Không	(3) Nếu chọn (1) bỏ qua câu e và trả lời câu tiếp theo)	(1) Tìm ra sai phạm để xử phạt doanh nghiệp	(2) Tìm ra sai phạm để xử phạt doanh nghiệp	(3) Những nhiễu gây khó để cho doanh nghiệp	(4) Khác (Chọn Khác trả lời ở phía dưới bảng)	
1. Sở Kế hoạch và Đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2. Sở Tài nguyên và Môi trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3. Sở Xây dựng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4. Sở Công thương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
7. Sở Thông tin và Truyền thông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
8. Sở Tư pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
9. Sở Giao thông và Vận tải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
10. Sở Tài chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
11. Công an Tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
12. Văn phòng UBND tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
13. Thanh tra tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
14. Ban quản lý các KCN tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
15. Cục thuế Tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
16. Bảo hiểm xã hội tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
17. Sở Khoa học và Công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
18. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
19. Cục Quản lý thị trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

26. Ý kiến của doanh nghiệp về nhận định sau:

Cơ quan	Ý kiến của ông/bà về nhận định “Việc thực thi văn bản pháp luật của Sở, ban, ngành là nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định” (1) Hoàn toàn không đồng ý (2) Không đồng ý (3) Đồng ý (4) Hoàn toàn đồng ý			
	(1)	(2)	(3)	(4)
1. Số Kế hoạch và Đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Sở Tài nguyên và Môi trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Sở Xây dựng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Sở Công thương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Sở Thông tin và Truyền thông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Sở Tư pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9. Sở Giao thông và Vận tải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10. Sở Tài chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11. Công an Tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12. Văn phòng UBND tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13. Thanh tra tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14. Ban quản lý các KCN tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
15. Cục thuế Tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
16. Bảo hiểm xã hội tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
17. Sở Khoa học và Công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
18. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
19. Cục Quản lý thị trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

27. Quan điểm của doanh nghiệp đối với công tác giải quyết khiếu nại tại các Sở, ban, ngành

Cơ quan	a. Theo kinh nghiệm của ông/bà, các khiếu nại của doanh nghiệp lên lãnh đạo các Sở, ban, ngành có được giải quyết thỏa đáng không? (1) Không bao giờ (2) Đôi khi (3) Phần lớn (4) Luôn luôn				b. Ông/Bà có đồng ý với nhận định: “doanh nghiệp phải phản ánh, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề” không? (1) Hoàn toàn không đồng ý (2) Không đồng ý (3) Đồng ý (4) Hoàn toàn đồng ý				c. Ý kiến ông/bà về nhận định “Luôn có cách thức đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại” là gì? (1) Đảm bảo hoàn toàn (2) Đa phần đảm bảo (3) Chỉ đảm bảo 1 phần (4) Hoàn toàn không đảm bảo				d. Ông/Bà có đồng ý với nhận định: “Có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phản ánh, khiếu nại hành vi sai trái” hay không? (1) Hoàn toàn không đồng ý (2) Không đồng ý (3) Đồng ý (4) Hoàn toàn đồng ý			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
1. Sở Kế hoạch và Đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Sở Tài nguyên và Môi trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Sở Xây dựng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Sở Công thương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Sở Thông tin và Truyền thông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Sở Tư pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9. Sở Giao thông và Vận tải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10. Sở Tài chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11. Công an Tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12. Văn phòng UBND tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13. Thanh tra tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14. Ban quản lý các KCN tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
15. Cục thuế Tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
16. Bảo hiểm xã hội tỉnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
17. Sở Khoa học và Công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
18. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
19. Cục Quản lý thị trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

28. Từ kinh nghiệm thực tiễn tại tỉnh, theo ông/bà 3 cơ quan nào dưới đây được cho là thực hiện thủ tục tốt nhất cho doanh nghiệp (Chỉ được **chọn 3** cơ quan tốt nhất)

Lĩnh vực, cơ quan	Phương án trả lời
a. Cơ quan đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
b. Cơ quan thực hiện các thủ tục đất đai cấp tỉnh	<input type="checkbox"/>
c. Cơ quan thực hiện các thủ tục về môi trường	<input type="checkbox"/>
d. Cơ quan thực hiện các thủ tục về lao động	<input type="checkbox"/>
e. Cơ quan thực hiện các thủ tục về vệ sinh an toàn thực phẩm	<input type="checkbox"/>
f. Cơ quan thuế	<input type="checkbox"/>
g. Công an giao thông	<input type="checkbox"/>
h. Cơ quan thực hiện các thủ tục về Bảo hiểm xã hội	<input type="checkbox"/>
i. Công an phòng cháy, chữa cháy	<input type="checkbox"/>
k. Công an kinh tế	<input type="checkbox"/>
l. Cơ quan thực hiện các thủ tục về An ninh trật tự	<input type="checkbox"/>
m. Khác: (vui lòng điền phía dưới)	<input type="checkbox"/>

*** Khác:**

.....

29. Doanh nghiệp có góp ý/đề xuất gì nhằm cải thiện năng lực điều hành của Sở, ban, ngành và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp trên địa bàn?

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày hoàn thành phiếu khảo sát:/...../2020

Xin chân thành cảm ơn ông/bà đã tham gia khảo sát!

Phụ lục 2b: Phiếu khảo sát nhóm cấp huyện

MẪU B

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG A- GIỚI THIỆU VỀ KHẢO SÁT

Năm 2020 là năm thứ hai tỉnh Đắk Nông triển khai đánh giá chất lượng năng lực điều hành các sở, ban ngành và địa phương của tỉnh thông qua bộ chỉ số DDCI. Bộ chỉ số này được Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, góp phần làm thay đổi thái độ, chất lượng dịch vụ công của tỉnh. Trên cơ sở ý kiến và đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, kết quả khảo sát, đánh giá là nguồn thông tin quý giá giúp tỉnh Đắk Nông và cộng đồng doanh nghiệp cùng nhau giám sát, cải thiện mọi mặt chất lượng điều hành kinh tế của cán bộ các cấp. Khảo sát được triển khai trên quy mô toàn tỉnh. Chúng tôi chân thành cảm ơn các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đã hợp tác và đóng góp ý kiến. Chúng tôi cam kết tất cả những thông tin doanh nghiệp cung cấp sẽ được bảo đảm bí mật danh tính và chỉ phục vụ mục đích thống kê, nghiên cứu.

1. Hướng dẫn điền phiếu: Để khảo sát đạt kết quả tốt nhất, Nhóm nghiên cứu khuyến nghị lãnh đạo doanh nghiệp và các thành viên chủ chốt (trưởng phòng/cán bộ quản lý của các bộ phận chuyên môn hoặc người có am hiểu về lịch sử, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp) cùng tham gia vào quá trình trả lời các câu hỏi. Trong phiếu khảo sát, thuật ngữ “**doanh nghiệp**” bao gồm cả hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể. Với những ô trống, vui lòng đánh dấu ✓ vào những phương án lựa chọn.

2. Hướng dẫn gửi phiếu: Sau khi hoàn thành phiếu khảo sát, đề nghị Quý doanh nghiệp gửi lại phiếu đã trả lời trong phong bì kín đã dán tem kèm theo.

Địa chỉ nơi nhận phiếu khảo sát: **Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông**, Địa chỉ: đường Lê Lai, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Hoặc email về địa chỉ: ddcidaknong@gmail.com

Mọi phiếu khảo sát được gửi qua đường bưu chính và/hoặc qua email đều được chuyển đến đơn vị tư vấn độc lập để bảo mật danh tính doanh nghiệp. Không cơ quan nào của tỉnh Đắk Nông có thể đọc được phiếu khảo sát của doanh nghiệp

3. Hỗ trợ thông tin: Trong quá trình điền phiếu khảo sát, chúng tôi sẵn sàng giải đáp bất cứ thắc mắc nào từ phía doanh nghiệp thông qua đường dây nóng:

☎ 0914.486.856 Anh Toàn, IPC Đắk Nông

☎ 0907.560.935 Chị Thắm, Hiệp hội doanh nghiệp.

LỰA CHỌN ĐỊA PHƯƠNG ĐÁNH GIÁ

(Doanh nghiệp chỉ lựa chọn một trong số huyện, thành phố dưới đây – là nơi doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh chủ đạo)

- | | | | |
|--|---|--|--|
| <input type="checkbox"/> (1) TP. Gia Nghĩa | <input type="checkbox"/> (2) H. Đắk Glong | <input type="checkbox"/> (3) H. Đắk Song | <input type="checkbox"/> (4) H. Krông Nô |
| <input type="checkbox"/> (5) H. Đắk R'Lấp | <input type="checkbox"/> (6) H. Đắk Mil | <input type="checkbox"/> (7) H. Tuy Đức | <input type="checkbox"/> (8) H. Cư Jút |

B- TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP

Tất cả thông tin trong Phiếu khảo sát sẽ chỉ được sử dụng vào mục đích thống kê và nghiên cứu. Kết quả phân tích sẽ hỗ trợ cho việc cải thiện năng lực điều hành kinh tế và môi trường kinh doanh tại địa phương. Chúng tôi cam kết sẽ bảo mật danh tính của doanh nghiệp.

Mã số thuế:.....

Mã số phiếu: (phần này do VCCI ĐN điền thông tin)

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở hoạt động hiện nay:
3. Họ và tên người trả lời:
4. Chức vụ: (1) Lãnh đạo doanh nghiệp (2) Lãnh đạo phòng ban
 (3) Nhân viên
5. Số điện thoại người trả lời:
6. Địa chỉ email người trả lời:
7. Năm bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh:
8. Lĩnh vực kinh doanh chính
 (1) Dịch vụ/ Thương mại (2) Công nghiệp chế biến, chế tạo
 (3) Nông - Lâm nghiệp và thủy sản (4) Xây dựng, bất động sản
 (5) Khai khoáng (6) Khác: (Ghi rõ lĩnh vực khác)
9. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp do ông/ bà quản lý hiện nay như thế nào? (Chỉ chọn 1 đáp án)
 (1) Thua lỗ lớn (2) Thua lỗ chút ít
 (3) Hòa vốn (4) Lãi chút ít
 (5) Lãi như mong muốn
10. Kế hoạch/dự định của doanh nghiệp trong vòng 2 năm sắp tới là gì? (Chỉ chọn 1 đáp án)
 (1) Có kế hoạch tăng quy mô KD (2) Sẽ tiếp tục KD với quy mô hiện tại
 (3) Có kế hoạch giảm quy mô KD (4) Có kế hoạch đóng cửa
11. Thành phần sở hữu của doanh nghiệp:
 (1) Doanh nghiệp dân doanh
 (2) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
 (3) Doanh nghiệp nhà nước
12. Tổng số lao động của doanh nghiệp?
 (1) Không vượt quá 10 người (2) Từ 11 đến 100 người
 (3) Từ 101 đến 200 người (4) Trên 200 người
13. Quy mô vốn đầu tư doanh nghiệp của ông/bà?
 (1) Dưới 3 tỷ (2) Từ 3 tỷ đến dưới 20 tỷ
 (3) Từ 20 đến dưới 50 tỷ (4) Từ 50 đến dưới 100 tỷ
 (5) Từ 100 đến dưới 300 tỷ (6) Trên 300 tỷ
14. Đánh giá về tác động của dịch Covid-19 đến doanh nghiệp và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ tại tỉnh?
a. Dịch Covid-19 ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động của doanh nghiệp ông/bà trong năm 2020?

- (1) Không ảnh hưởng gì (2) Ảnh hưởng một phần
 (3) Ảnh hưởng nghiêm trọng (4) Ảnh hưởng rất nghiêm trọng

b. Để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua các khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Chính phủ đã có các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp. Theo quan sát của ông/bà, từ khi có chủ trương, chính sách của Chính phủ đến khi doanh nghiệp tiếp cận được hỗ trợ là:

- (1) Kịp thời, hỗ trợ đến với doanh nghiệp lúc cần nhất
 (2) Chậm trễ, chủ trương là có nhưng thực thi rất chậm
 (3) Không thể tiếp cận được
 (4) Ý kiến khác của doanh nghiệp:

c. Theo quan sát của ông/bà, khi Chính phủ có các chủ trương, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh, **các cơ quan tại tỉnh** có động thái, hoạt động cụ thể gì để giúp doanh nghiệp tiếp cận được với các chính sách này:

- (1) Không làm gì
 (2) Có thông báo và có hướng dẫn cụ thể trên các phương tiện thông tin của tỉnh (website, báo đài của tỉnh...)
 (3) Có gửi thông tin và hướng dẫn đến doanh nghiệp qua thư, email,...
 (4) Thông báo, hướng dẫn cụ thể trên các phương tiện thông tin của tỉnh kết hợp với gửi thông tin đến doanh nghiệp
 (5) Khác:

d. Đánh giá tác động của các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp ông/bà:

Giải pháp	Không giúp nhiều cho phục hồi hoạt động kinh doanh	Chỉ mang tính động viên doanh nghiệp	Giúp doanh nghiệp phục hồi hoạt động kinh doanh
a. Giãn nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giảm phí dịch vụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
b. Gia hạn thời hạn nộp thuế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
c. Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
d. Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
e. Lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn 6 tháng đầu năm 2020 đến ngày 30/6/2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
f. Được vay 50% tiền lương tối thiểu vùng với lãi suất 0% để trả lương cho người lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
g. Hỗ trợ DN đào tạo, nâng cao tay nghề lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

e. Để phục hồi và phát triển hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp cần chính sách hỗ trợ nào nhất? (Chọn 3 đáp án)

- (1) Hỗ trợ tiếp cận tín dụng
 (2) Hỗ trợ về mặt bằng sản xuất kinh doanh

- (3) Hỗ trợ thuế, kế toán
- (4) Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung
- (5) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường
- (6) Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý
- (7) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực
- (8) Khác:

C- ĐÁNH GIÁ CỦA DOANH NGHIỆP VỀ CẤP HUYỆN

15. Doanh nghiệp nhận xét về khả năng tiếp cận thông tin và đánh giá website huyện, thành phố tỉnh Đắk Nông?

a. Ông/Bà đánh giá như thế nào về khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của huyện, thành phố?

- (1) Khó tiếp cận (2) Tương đối khó tiếp cận
 (3) Tương đối dễ tiếp cận (4) Dễ tiếp cận

b. Ông/Bà đánh giá như thế nào về nhận định “Muốn tiếp cận được tài liệu của huyện, thành phố thì phải có “*mối quan hệ*”?

- (1) Hoàn toàn không đúng (2) Không đúng
 (3) Đúng (4) Rất đúng

c. Ông/Bà có thường xuyên truy cập vào Website của các huyện, thành phố không? (Nếu chọn Chưa bao giờ thì bỏ qua câu d và trả lời câu tiếp theo)

- (1) Chưa bao giờ (2) thỉnh thoảng
 (3) Thường xuyên (4) Rất thường xuyên

d. Ông/Bà đánh giá về tính hữu ích của thông tin trên Website của huyện, thành phố đối với doanh nghiệp?

- (1) Không hữu ích (2) Ít hữu ích
 (3) Tương đối hữu ích (4) Rất hữu ích

16. Doanh nghiệp đánh giá về tính kịp thời cung cấp thông tin của huyện, thành phố?

a. Ông/Bà đánh giá như thế nào về tính kịp thời cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính hoặc công việc của huyện, thành phố?

- (1) Rất chậm trễ (2) Tương đối chậm trễ
 (3) Tương đối kịp thời (4) Rất kịp thời

b. Ông/Bà đánh giá như thế nào về nội dung thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính hoặc công việc có liên quan tới huyện, thành phố?

- (1) Không rõ ràng (2) Tương đối rõ ràng
 (3) Rõ ràng (4) Rất rõ ràng

c. Khi doanh nghiệp cần cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh thì thái độ của cán bộ khi được đề nghị cung cấp thông tin cho doanh nghiệp là?

- (1) Miễn cưỡng (2) Bình thường
 (3) Nhiệt tình

17. Doanh nghiệp có nhận xét như thế nào về sự năng động, linh hoạt của huyện, thành phố?

a. Ông/Bà có đồng ý với nhận định “Lãnh đạo huyện, thành phố linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp”?

- (1) Đồng ý (2) Không đồng ý

b. Ông/Bà đánh giá như thế nào về cách phản ứng của huyện, thành phố trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh?

- (1) Không giải quyết (2) Chậm trễ, trì hoãn
 (3) Xin ý kiến chỉ đạo (4) Chủ động nghiên cứu, trao đổi

c. Theo ông/bà huyện, thành phố kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình hay không?

- (1) Không kịp thời (2) Ít kịp thời
 (3) Kịp thời

d. Theo ông/bà huyện, thành phố chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện/tỉnh hay không?

- (1) Không chủ động (2) Ít chủ động
 (3) Chủ động

18. Ý kiến của doanh nghiệp đối với một số vấn đề sau:

a. Ông/Bà có đồng ý với nhận định “Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ của huyện, thành phố khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên” không? *(nếu chọn (2), vui lòng bỏ qua câu b và trả lời câu tiếp theo)*

- (1) Đồng ý (2) Không đồng ý

b. Theo ông/bà, hiện tượng trì hoãn/chậm trễ tại huyện, thành phố khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên xuất phát từ nguyên nhân nào? *(có thể chọn nhiều đáp án)*

- (1) Nội dung quyết định/chủ trương khó hiểu, không rõ ràng
 (2) Trình độ cán bộ xử lý còn yếu kém
 (3) Gây khó để đòi hỏi chi phí không chính thức
 (4) Sợ trách nhiệm nên không giải quyết

19. Ý kiến của doanh nghiệp đối với những nhận định sau về lãnh đạo (người đứng đầu) các huyện, thành phố như thế nào?

a. Lãnh đạo huyện, thành phố có ảnh hưởng quyết định tới công tác cải cách thủ tục hành chính tại địa phương

- (1) Đồng ý (2) Không đồng ý

b. Lãnh đạo huyện, thành phố có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm

- (1) Đồng ý (2) Không đồng ý

c. Lãnh đạo huyện, thành phố có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp

- (1) Không có hành động
 (2) Có hành động nhưng không hiệu quả
 (3) Có hành động và có hiệu quả nhưng còn chậm
 (4) Có hành động, có hiệu quả và nhanh chóng

d. Lãnh đạo huyện, thành phố lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp

- (1) Đồng ý (2) Không đồng ý

e. Lãnh đạo huyện, thành phố chưa giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp

- (1) Đồng ý (2) Không đồng ý

f. Hiện tượng "trên bảo dưới không nghe" tại huyện, thành phố là?

- (1) Không tồn tại
 (2) Có nhưng không nghiêm trọng
 (3) Nghiêm trọng

20. Doanh nghiệp đánh giá về hoạt động thanh, kiểm tra của các huyện, thành phố tỉnh Đắk Nông?

a. Số lần doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra của huyện, thành phố trong năm nay? (**tu 3/1 n tở lên, ghi rõ số lần**)?

- (1) 0 lần (2) 1 lần
 (3) 2 lần (4) 3 lần trở lên . Số lần:

b. Nếu doanh nghiệp bị thanh, kiểm tra từ **2 lần trở lên**, nội dung các cuộc thanh tra, kiểm tra có **trùng lặp** không?

- (1) Hoàn toàn trùng lặp (2) Đa phần trùng lặp
 (3) Đa phần không trùng lặp (4) Hoàn toàn không trùng lặp

c. Nội dung các cuộc thanh, kiểm tra có **đúng như trong phạm vi** của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành hay không?

- (1) Ngoài phạm vi (2) Phần lớn ngoài phạm vi
 (3) Phần lớn trong phạm vi (4) Trong phạm vi

d. Các cuộc thanh kiểm tra giúp doanh nghiệp khắc phục các sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh không?

- (1) Có (2) Không (**Nếu chọn (1), bỏ qua câu e và trả lời câu tiếp**)

e. Theo ông/bà, mục đích thật sự của cán bộ khi đến thanh tra, kiểm tra là gì? (**có thể chọn nhiều đáp án**)

- (1) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao
 (2) Tìm ra sai phạm để xử phạt doanh nghiệp
 (3) Những nhiễu gây khó dễ cho doanh nghiệp
 (4) Khác (**Chọn Khác trả lời ở phía dưới**)

* Phương án (4) Khác:

21. Doanh nghiệp đánh giá về sự phối hợp, hợp tác giải quyết công việc của các đơn vị

a. Trong trường hợp doanh nghiệp giải quyết công việc liên quan đến nhiều đơn vị (sở, ban, ngành, cấp huyện), doanh nghiệp đánh giá như thế nào về nhận định "**Công tác phối hợp để giải quyết công việc cho doanh nghiệp của các đơn vị được thực hiện tốt**"?

- (1) Hoàn toàn đồng ý (2) Đồng ý
 (3) Không đồng ý (4) Hoàn toàn không đồng ý

b. Doanh nghiệp cho biết ý kiến về nhận định "**Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn**"?

- (1) Hoàn toàn đồng ý (2) Đồng ý
 (3) Không đồng ý (4) Hoàn toàn không đồng ý

22. Doanh nghiệp đánh giá về cán bộ và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính tại các huyện, thành phố?

- a. Ông/Bà có được cán bộ **hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ** khi đến làm các thủ tục hành chính không?
 (1) Có (2) Không
- b. Ông/Bà đánh giá thế nào về việc các huyện, thành phố **tuân thủ thời gian** khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp?
 (1) Trễ hẹn (2) Đúng hẹn (3) Sớm hẹn.
- c. Thông thường, ông/bà phải đi lại bao nhiêu lần để hoàn tất thủ tục hành chính? (**không kể 1 n đầu tiên để tìm hiểu nhận hướng dẫn**)
 (1) Từ 1-2 lần (2) 3 lần (3) Trên 4 lần. Số lần:.....
- 23. Doanh nghiệp vui lòng đánh giá về các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp chi trả trong quá trình hoạt động, kinh doanh tại huyện, thành phố**
- a. Doanh nghiệp của ông/bà có phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức hay không?
 (1) Có (2) Không
- b. Ông/Bà có đồng ý rằng “hiện tượng những nhiễu là phổ biến khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tại các huyện, thành phố” không?
 (1) Hoàn toàn không đồng ý (2) Không đồng ý
 (3) Đồng ý (4) Hoàn toàn đồng ý
- c. Ông/Bà có đồng ý với nhận định “Mức chi phí không chính thức mà doanh nghiệp đã chi khi thực hiện thủ tục hành chính hoặc công việc liên quan tại các huyện, thành phố là mức chấp nhận được” không?
 (1) Hoàn toàn không đồng ý (2) Không đồng ý
 (3) Đồng ý (4) Hoàn toàn đồng ý
- d. Ông/Bà có đồng ý với nhận định “Công việc đạt hiệu quả hơn sau khi chi trả chi phí không chính thức” không?
 (1) Hoàn toàn không đồng ý (2) Không đồng ý
 (3) Đồng ý (4) Hoàn toàn đồng ý
- e. Ông/Bà vui lòng cho biết so với những năm trước thì chi phí không chính thức năm nay như thế nào (**ý giá trị**)?
 (1) Giảm bớt (2) Không thay đổi (3) Tăng lên
- 24. Theo quan sát của mình, doanh nghiệp có nhận xét như thế nào đối với các nhận định dưới đây liên quan đến sự đối xử của huyện, thành phố đối với các doanh nghiệp sản xuất, thân hữu, doanh nghiệp lớn đang hoạt động trên địa bàn so với doanh nghiệp khác?**
- a. Lãnh đạo huyện, thành phố có doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thân hữu không?
 (1) Không biết (2) Có (3) Không có
- b. Doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thân hữu được ưu ái hơn trong việc tiếp cận các nguồn lực nhà nước (ví dụ: **đấu thầu, khoáng sản...**) không?
 (1) Không ưu ái hơn (2) Ưu ái hơn (3) Rất nhiều ưu ái

- c. Doanh nghiệp lớn **được ưu ái hơn** doanh nghiệp nhỏ trong việc tiếp cận thông tin không?
 (1) Có (2) Không
- d. Doanh nghiệp lớn **được ưu tiên hơn** doanh nghiệp nhỏ trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và thủ tục hành chính không?
 (1) Có (2) Không
- e. Doanh nghiệp lớn được **nhiều cơ chế ưu đãi hơn** so với doanh nghiệp nhỏ không?
 (1) Có (2) Không
- f. Việc ưu ái cho các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp sân sau, doanh nghiệp thân hữu (nếu có) có gây khó khăn cho doanh nghiệp của ông/bà hay không?
 (1) Không ảnh hưởng gì (2) Khó khăn (3) Rất khó khăn
- g. Huyện, thành phố có thường xuyên quan tâm đến các doanh nghiệp nhỏ không?
 (1) Thờ ơ, không quan tâm (2) Bình thường
 (3) Thường xuyên quan tâm
- 25. Doanh nghiệp đã tham gia, được hỗ trợ như thế nào từ các chương trình hỗ trợ, chương trình trao đổi thông tin, đối thoại doanh nghiệp do các huyện, thành phố tỉnh Đắk Nông tổ chức tính tới thời điểm hiện nay hay không?**
- a. Được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do huyện, thành phố tổ chức không? (**Nếu chọn đáp án (1) hoặc (2), bỏ qua câu b và trả lời câu tiếp theo**)
 (1) Không được mời/thông báo (2) Được mời/thông báo song không tham gia
 (3) Được mời/thông báo và tham gia
- b. Nếu **đã từng tham gia** các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do huyện, thành phố tổ chức, xin vui lòng cho biết ý kiến về các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp?
 (1) Hoàn toàn không thiết thực (2) Ít thiết thực
 (3) Phần lớn là thiết thực (4) Hoàn toàn thiết thực
- c. Được mời/thông báo tham gia các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại doanh nghiệp do huyện, thành phố tổ chức không?
 (1) Không được mời/thông báo (2) Được mời/thông báo song không tham gia
 (3) Được mời/thông báo và tham gia
- d. Theo ông/bà, tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin những vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ được giải quyết như thế nào?
 (1) Không được giải quyết (2) Giải quyết 1 phần
 (3) Được giải quyết
- 26. Ý kiến của ông/bà về nhận định “Việc thực thi văn bản pháp luật được thực hiện nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định” là gì?**
 (1) Hoàn toàn không đồng ý (2) Không đồng ý
 (3) Đồng ý (4) Hoàn toàn đồng ý
- 27. Quan điểm của doanh nghiệp đối với công tác giải quyết khiếu nại tại các huyện, thành phố**

- a. Theo kinh nghiệm của ông/bà, các khiếu nại của doanh nghiệp lên lãnh đạo các huyện, thành phố có được giải quyết thỏa đáng không?
- (1) Không bao giờ (2) Đôi khi
- (3) Phần lớn (4) Luôn luôn
- b. Ông/Bà có đồng ý với nhận định: “Doanh nghiệp phải phản ánh, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề” không?
- (1) Hoàn toàn không đồng ý (2) Không đồng ý
- (3) Đồng ý (4) Hoàn toàn đồng ý
- c. Quan điểm ông/bà về nhận định “Luôn có cách thức đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, khiếu nại” là gì?
- (1) Đảm bảo hoàn toàn (2) Đa phần đảm bảo
- (3) Chỉ đảm bảo 1 phần (4) Hoàn toàn không đảm bảo
- d. Ông/Bà có đồng ý với nhận định: “Có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phản ánh, khiếu nại hành vi sai trái” hay không?
- (1) Hoàn toàn không đồng ý (2) Không đồng ý
- (3) Đồng ý (4) Hoàn toàn đồng ý

28. Từ kinh nghiệm thực tiễn tại tỉnh, theo ông/bà 3 cơ quan nào dưới đây được cho là thực hiện thủ tục tốt nhất cho doanh nghiệp? (Chỉ được chọn 3 cơ quan tốt nhất)

Lĩnh vực, cơ quan	Phương án trả lời
a. Cơ quan đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
b. Cơ quan thực hiện các thủ tục đất đai cấp tỉnh	<input type="checkbox"/>
c. Cơ quan thực hiện các thủ tục về môi trường	<input type="checkbox"/>
d. Cơ quan thực hiện các thủ tục về lao động	<input type="checkbox"/>
e. Cơ quan thực hiện các thủ tục về vệ sinh an toàn thực phẩm	<input type="checkbox"/>
f. Cơ quan thuế	<input type="checkbox"/>
g. Công an giao thông	<input type="checkbox"/>
h. Cơ quan thực hiện các thủ tục về Bảo hiểm xã hội	<input type="checkbox"/>
i. Công an phòng cháy, chữa cháy	<input type="checkbox"/>
k. Công an kinh tế	<input type="checkbox"/>
l. Cơ quan thực hiện các thủ tục về An ninh trật tự	<input type="checkbox"/>
m. Khác: (vui lòng điền phía dưới)	<input type="checkbox"/>

Khác:.....

29. Doanh nghiệp có góp ý/đề xuất gì nhằm cải thiện năng lực điều hành của huyện, thành phố cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp trên địa bàn?

.....

.....

Ngày hoàn thành phiếu khảo sát:/...../2020

Xin chân thành cảm ơn anh/chị đã tham gia khảo sát!

Chỉ đạo triển khai

Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đắk Nông

Đơn vị chủ trì

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông

Đơn vị khảo sát

Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông

Tư vấn triển khai

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng